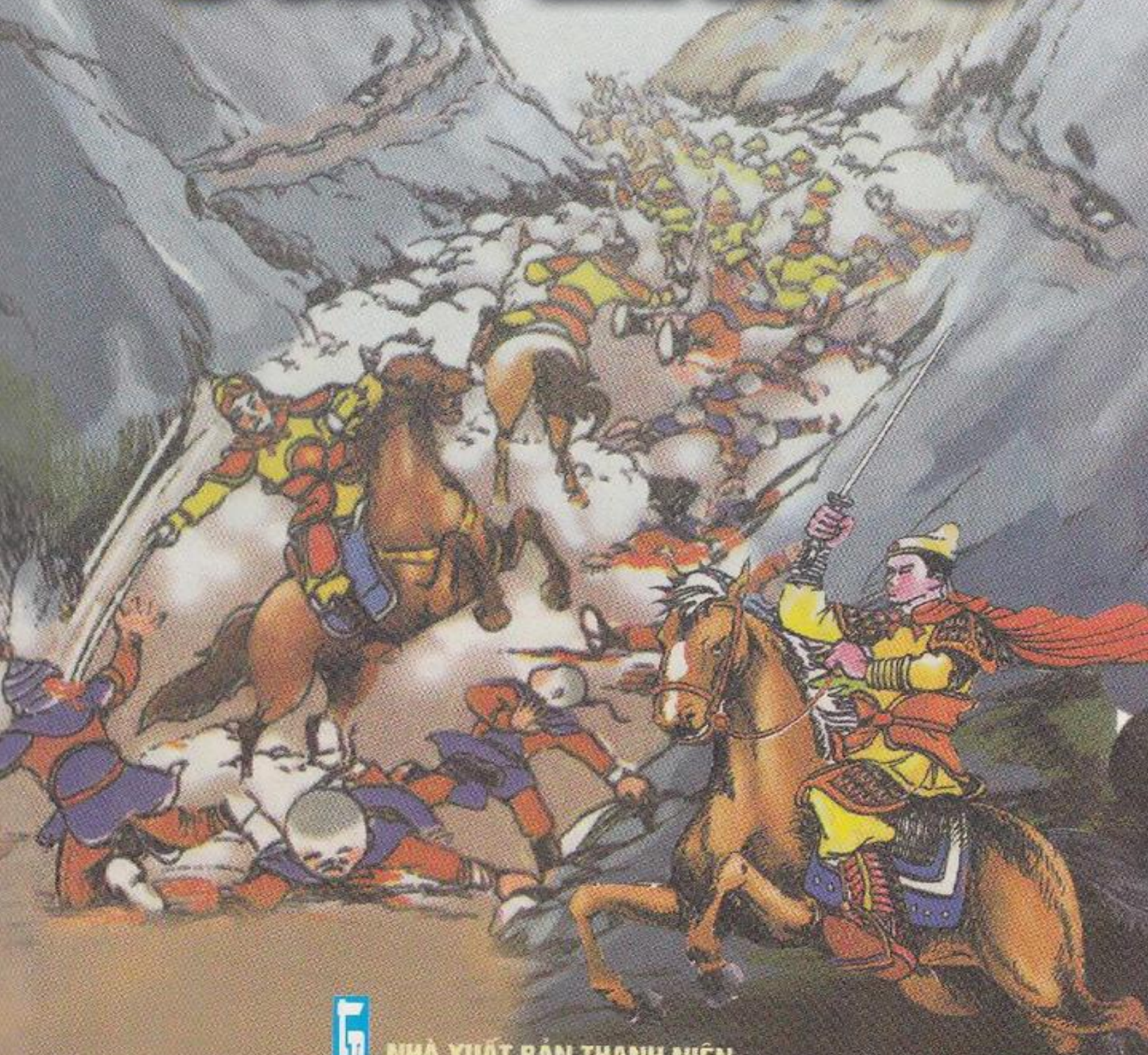


NGUYỄN TRƯỜNG THANH

KỶ TÍCH CHI LĂNG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Table of Contents

<u>KỶ TÍCH CHI LĂNG</u>
<u>TÁC GIẢ</u>
<u>TÁC PHẨM</u>
<u>NÚI PHƯỢNG HOÀNG</u>
<u>MÃ YÊN SƠN</u>
<u>HANG THÁI ĐỨC</u>
<u>NÚI VUA NGU</u>
<u>ĐÁU ĐÔNG QUÂN</u>
<u>VỰC BƠI</u>
<u>ĐỘI HOÀNG TRẮNG</u>
<u>BẢO ĐÀI SƠN</u>
<u>HÒN ĐÁ MỎ LỘN</u>
<u>NÚI QUỲ</u>
<u>HANG QUỲ MÔN</u>
<u>HỒ BÃY NGỰA</u>
<u>LŨNG NGÀN</u>
<u>QUẢNG TRƯỜNG ĐỒNG ĐỊNH</u>
<u>BÃI HÀO</u>
<u>NGÕ THÈ</u>
<u>NÚI NGỌC</u>
<u>ĐỀN QUỲ MÔN</u>
<u>BIỆT THỰ XỨ</u>
<u>GIẾNG NƯỚC MẮT</u>
<u>LÂN ĐAO</u>
<u>NÚI MẮT QUI</u>
<u>ĐỀN CẨM</u>
<u>THÀNH PHỦ TRÀNG KHÁNH</u>
<u>THÀNH CỔ CHI LĂNG</u>
<u>NÚI TAM ĐĂNG</u>
<u>LÀNG LÌU</u>
<u>CON CHIẾN MÃ TRUNG THÀNH</u>
<u>ĐỀN THÔN TRUNG</u>
<u>KHU TUẦN ĐỊNH</u>
<u>THÀNH KHÂU ÔN</u>
<u>TỪ GIẾNG ĐÔNG THỌ ĐẾN CHÙA NÁI ĐỒNG BÀNH</u>
<u>ĐỀN HỒ LAI</u>
<u>TỪ ĐỒNG BÀNH ĐẾN BA ĐÀN, QUÁN THANH</u>
<u>ĐÔNG MỎ</u>
<u>LIỄU THẮNG THẠCH</u>
<u>QUỲ MÔN QUAN</u>
<u>VONG TIỀN TIÊU – VONG CÁC ĐÀI</u>
<u>LÒ GẠCH CỎ</u>
<u>THÀNH BÀU</u>
<u>THÀNH KHO</u>
<u>BÃI QUÂN NGỰA</u>

[NÚI BÀN CỜ](#)
[CHỢ QUÂN CÔNG](#)
[BẾN TUẦN](#)
[CẦU PHÙ KIỀU](#)
[ĐÔN THÚ](#)
[NÚI CAI KINH](#)
[NÚI TÂY NGAI](#)
[CẦU QUÁN ÂM](#)
[NÚI KỲ LÂN](#)
[CHÙA HANG](#)
[CHÚ THÍCH](#)

KỶ TÍCH CHI LẮNG

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Nhà giáo, nhà văn Nguyễn Trường Thanh với bút danh Nguyễn Hoàng Đạt; Trường Thanh, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (từ 1997) – Sinh ngày 2-5-1934 tại làng Lỗ Giao xã Việt Hùng huyện Đông Anh thành phố Hà Nội. Ông nguyên là chủ tịch Hội VHNT tỉnh Lạng Sơn (1991-1997), đã xuất bản 20 đầu sách gồm nhiều thể loại: Thơ, Ký, Truyện ngắn, Tiểu luận phê bình, Kịch bản phim, Tiểu thuyết, Trong đó có 9 tiểu thuyết với đề tài lịch sử và đã nhận 6 giải thưởng văn học chính thức của trung ương và địa phương.

Tôi được quen biết, được đọc tác phẩm của ông từ năm 2000 qua một đồng nghiệp kỹ sư ngành Giao thông Lạng Sơn gọi ông bằng Cậu. Ông xuất thân từ một gia đình nông dân lương thiện, lăn lộn kiếm sống để có điều kiện đi học. Trước khi về định cư ở Lạng Sơn để trở thành nhà Văn, ông đã đi dạy học, có lúc làm thợ sửa đồng hồ ở Móng Cái, mỏ than Cẩm Phả rồi lên tận gang thép Thái Nguyên, mỏ apatis Lào Cai ... lao động kiếm sống. Từ năm 1964 ông được Bộ Giáo dục cử lên Lạng Sơn dạy học và đã từng là giáo viên dạy sử, hiệu trưởng trường PTCS Đồng Mỏ, làm báo, viết văn tại Xứ Lạng biên cương cho đến ngày nay. Ông là người dễ tiếp xúc, tin cậy, luôn tự tại, lịch sự với trang phục chính khách một nhà văn.

1. Nhà văn Nguyễn Trường Thanh (Trường Thanh) đã dồn gần trọn đời mình để khai thác về đề tài lịch sử - Lịch sử chiến tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh. Trường Thanh là một nhà văn khá đặc biệt trong làng văn đương đại nước ta, gần như trọn đời, ông viết đến 9 tiểu thuyết lịch sử chỉ khai thác trên vùng đất Lạng Sơn biên cương Tổ quốc, là quê hương thứ hai của nhà văn. Ai muốn hiểu cặn kẽ lịch sử mảnh đất con người ở xứ đất linh này thì hãy tìm đọc Trường Thanh. Một nhà giáo dạy sử với kiến văn rộng, nhiều vốn sống, từng trải, yêu nghề ông có lối hành văn điềm đạm, tự tin tạo được lực hút xoáy với bạn đọc. Cách hành văn ấy đã tiến một bước dài trong khai thác diễn biến các sự kiện cách mạng, tình huống cách mạng trong thời kỳ lịch sử, khai thác diễn tiến tâm lý và tính tự sự hay triết luận của nhân vật. Các tiểu thuyết lịch sử tiêu biểu trong chuỗi dài tác phẩm của nhà văn như: Hoa trong bão (1994) viết về cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, đã được dựng thành phim; Tường không phong hàm (1998) là người chiến sĩ cách mạng Lương Văn Tri, chỉ huy đội du kích Bắc Sơn; Nữ điệp báo Lạng thành (1999) là nữ chiến sĩ tình báo Ngô Thị Mão dân tộc Tày trong thời kỳ chống Pháp. Một thời biên ải tập I và II (2000-2008) viết về phong trào cách mạng ở Lạng Sơn giai đoạn trước và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945; Ngôi nhà của cha (2007) viết về cuộc đời hoạt động cách mạng của kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh; Hương ngàn (2008) viết về cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giọng; Hoa bắt tử (2009) viết về cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ; Phò mã Đông Giáp (2010) viết về chính sách Nhu viễn thân dân của triều Nhà Lý làm phen dậu phía Bắc của Tổ quốc; Dặm dài ải Bắc (2012) viết về cuộc đời hoạt động cách mạng của chiến sĩ Công an Đào Đình Bảng – Xây dựng thế trận lòng dân để biên phòng giữ gìn cương vực vững chắc bền lâu. Trong lúc viết bài này (20-4-2014) tôi nhận được điện thoại của ông từ bệnh viện Hữu nghị Việt Xô Hà Nội là ông sắp hoàn thành tiểu thuyết thứ 10 sẽ xuất bản vào năm nay ông tròn 80 tuổi (1934-2014).

2. Tâm huyết cây bút Trường Thanh đã thấm vào từng tác phẩm biên cương Tổ quốc. Từ sau năm 1975 dòng văn chương nước nhà đang ở động thái chuyển mình mạnh mẽ cùng với sự chuyển biến cách mạng đất nước. Như một mạch ngầm lặng lẽ, một mình đi về dòng văn chương riêng của ông. Đó là viết tiểu thuyết về đề tài lịch sử - Lịch sử chiến tranh cách mạng ngay trên mảnh đất biên cương phía Bắc của Tổ quốc. Tiêu điểm là miền đất Lạng Sơn, tám phen dậu để giữ nước của cả dân tộc. Năm 30 tuổi (1964) ông chính thức về Lạng Sơn dạy học, làm báo, viết văn đến nay đã gần nửa thế kỷ. Năm 1981 ông viết tiểu thuyết lịch sử đầu tay và viết cuốn tiểu thuyết lịch sử thứ 9 là Dặm dài ải Bắc vào

năm 2012, lúc ông tròn 78 tuổi. Xuất phát hành trình văn chương của ông là tình yêu tha thiết mảnh đất và con người ở xứ Hoa đào này - Ấy chính là tình yêu Tổ quốc. Ông muốn đem ngòi bút văn chương của mình góp phần bảo vệ và xây dựng từng tấc đất biên cương, giữ gìn độc lập chủ quyền toàn vẹn cho đất nước. Đây là tư tưởng nghệ thuật, sợi chỉ đỏ xuyên suốt từng trang tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Trường Thanh. Lạng Sơn có vị trí chiến lược về quốc rất trọng yếu đã chứng kiến một lịch sử lặp đi lặp lại mấy mươi lần quân bành trướng phía Bắc sang xâm lược nước ta phần lớn đều qua cửa ngõ biên cương này. Gần như các triều đại phong kiến Trung Hoa: Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, quân bành trướng đương đại... đã nhiều lần đem đại quân sang xâm lược nước ta, có lần đô hộ đến nghìn năm! Khi chúng thua chạy hoặc đầu hàng rút quân đều qua miền đất biên viễn thiêng liêng, anh dũng và nhân ái này. Có thể nói cả chín tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Trường Thanh đều dành nhiều trang nhấn về vị trí chiến lược, tinh thần ái quốc anh dũng chiến đấu chống ngoại xâm của đồng bào các dân tộc, chủ yếu là dân tộc Tày, Nùng, Dao... Quê hương Lạng Sơn, nơi mà từng tấc đất, từng tên núi, tên sông... đều gắn chặt với lịch sử hào hùng chống giặc, thắng giặc ngoại xâm về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao của dân tộc. Với tầm nhìn lịch sử, xuất phát từ tình yêu miền đất linh, mang nặng ơn tình Xứ Lạng, nhà văn Trường Thanh đã quyết tâm niệm dùng ngòi bút của mình viết về truyền thống lịch sử hào hùng chống ngoại xâm của ông cha, tổ tông, dân tộc ở miền đất biên viễn này. Bộ tiểu thuyết lịch sử của ông đã toát lên những bài học lịch sử xương máu rút ra từ nghìn năm, trong đó có mô hình xây dựng Thế trận lòng dân nơi biên phòng thiết yếu của đất nước. Đây là sự thành công xuất sắc của nhà văn Trường Thanh trên văn đàn Xứ Lạng hôm nay, góp phần vào nền văn học đương đại nước nhà. Khép lại trang cuối của bộ tiểu thuyết nhiều quyển, tôi cảm thấy: Tâm huyết cây bút Trường Thanh như đã thấm vào từng tấc đất biên cương của Tổ quốc.

3. Đọc qua 20 đầu sách đã xuất bản của ông mà chủ yếu là 9 tiểu thuyết lịch sử - lịch sử chiến tranh cách mạng chứng tỏ nhà văn Trường Thanh về mặt tư tưởng nghệ thuật rất thông tỏ và thực hiện đúng theo tinh thần Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 và nghị quyết 23 Bộ Chính trị khoá X về văn hoá của Đảng. Không những bản thân thực hiện đúng khi nhà văn cầm bút mà còn vận động nhiều văn nghệ sĩ làm theo khi ông ở cương vị quản lý Hội VHNT của tỉnh. Cũng chính từ việc nhận thức đúng về đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng mà nhà văn Trường Thanh có lúc vấp ngã trên đường đời nhưng ông đã dõng nghị lực tự đứng dậy chính bằng những trang tiểu thuyết hàn lâm, bổ ích của mình. Những tiểu thuyết ông viết sau lần vấp ngã lại càng ngồn ngộn chữ nghĩa lại làm sáng thêm trang đời, trang văn của ông. Sau khi hoàn thành tiểu thuyết “Phò mã Động Giáp” kịp chào mừng kỷ niệm

Nghìn năm Thăng Long báo Người cao tuổi đã trân trọng đăng kín một trang báo ca ngợi ông là một nhà văn tuổi cao gương sáng nơi Xứ Lạng biên cương. Tác phẩm của ông còn có giá trị cao về mặt văn học. Nhiều sinh viên và học viên trường đại học Thái Nguyên... thường lấy tiểu thuyết của ông để viết luận án cử nhân và thạc sĩ.

Có thể thấy cả cuộc đời, kể cả tuổi thanh xuân sung mãn đẹp đẽ nhất của nhà văn Trường Thanh đã gắn bó với miền đất linh Xứ Lạng thân yêu. Nhà văn Trường Thanh là một tác giả tiêu biểu, xuất sắc đóng góp nhiều cho nền văn chương, văn học Xứ Lạng suốt gần nửa thế kỷ qua. Tên tuổi ông đã được bạn đọc cả nước biết đến với một tình cảm trân trọng, yêu mến.

Nhà văn Trường Thanh đã dành một tình yêu lớn cho Xứ Lạng quê hương. (Nguồn: <http://vanhien.vn>)

TÁC PHẨM

Tiểu thuyết lịch sử Kỳ tích Chi Lăng ra đời năm 1981, nhà nghiên cứu văn học Hương Thanh nhận xét: “Cuốn sách ra đời ngay lập tức gây được tiếng vang bởi giá trị thời sự và văn học của nó”. Bởi đây là những tháng ngày căng thẳng sau cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc (Tháng 2 năm 1979) mà Lạng Sơn là một trong những điểm nóng nhất. Cuốn sách viết về những kỳ tích trên một con đường huyền thoại, từng là nỗi kinh hoàng của những đạo quân xâm lược không lồ Phương Bắc. Nhà văn Nguyễn Trường Thanh xây dựng từ các truyền thuyết dân gian và mang rõ sự sáng tạo, tưởng tượng độc đáo của người viết.

Trong cả ba cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, Lạng Sơn là mảnh đất tiên tiêu, là mũi tấn công chính của giặc vào Đại Việt. Tuy nhiên, với giặc ngoại xâm, Ai Chi Lăng trên con đường bách lý xuôi từ biên giới với Ai Nam Quan, qua Lạng Sơn về Thăng Long - Hà Nội, lại là một tử địa vì quy mô hoành tráng, đồ sộ, địa thế hiểm yếu thập nhân khur, nhất nhân hoàn (10 kẻ đi chỉ 1 kẻ quay về được) của nó. Suốt quá trình dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam, với chiến lũy hình thang tại Ai Chi Lăng cùng hệ thống đầm lầy, sông suối, núi non hiểm trở của nó, luôn là bức tường thành từ xa của kinh đô Thăng Long ngăn bước viễn chinh quân xâm lược phương Bắc.

Cuốn sách là 52 câu chuyện về mảnh đất Chi Lăng Anh hùng. Qua ngòi bút của Nguyễn Trường Thanh “Kỳ Tích Chi Lăng” được bao quát không gian rộng, thời gian dài: Từ khi nước ta bị nhà Đường đô hộ, trải qua các cuộc khởi nghĩa của các dân tộc Chi Lăng và các vùng phụ cận cùng nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi bọn phong kiến phương Bắc. Xuyên suốt cả tác phẩm từ Núi Phượng Hoàng, Mã Yên Sơn; Núi Vui Ngự..đến Núi Mặt Quỷ, Quỷ Môn Quan; Bến Tuần; Cầu Quan Âm; Núi Kỳ Lân... Mỗi bài ghi chép là cả tâm huyết của tác giả. Tất cả các câu truyện kể này có chứa đựng các chi tiết hư cấu, tuy nhiên nhân vật chính và sự kiện chính thì được sáng tạo trên các sử liệu xác thực trong lịch sử.

Tác phẩm Kỳ tích Chi Lăng ra đời đã có giá trị khích lệ vô cùng lớn lao đối với đồng bào cả nước trong thời điểm cuộc chiến tranh biên giới đang diễn ra một cách nóng bỏng. Những câu chuyện lịch sử không ghi trong chính sử nhưng lưu truyền trong dân gian đã được Nguyễn Trường Thanh văn học hóa, kể lại bằng một giọng văn đầy sức truyền cảm và thuyết phục. Những truyền thuyết lịch sử này được dựng lại dưới ngòi bút giàu sức sáng tạo của nhà văn Nguyễn Trường Thanh đã hấp dẫn được người đọc. Rất nhiều tri thức mới mẻ và lý thú về những điều tưởng chừng chúng ta đã am hiểu – lần đầu tiên được nhà văn Nguyễn Trường Thanh viết ra một cách cụ thể, sinh động. Mỗi tấc đất ở vùng Chi Lăng lịch sử này đã ghi dấu bao kỳ tích của dân tộc với bao huyền thoại tồn tại xung quanh nó. Hình tượng những người anh hùng thuộc mọi tầng lớp nhân dân, của các dân tộc anh em khác nhau ở nơi đây; những mối tình tuyệt đẹp cùng tình yêu Tổ quốc, lòng hiếu nghĩa, chí anh hùng... của những người con Xứ Lạng – đều đã được hiện lên sống động trong tiểu thuyết lịch sử Kỳ tích Chi Lăng . Xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn!



NÚI PHƯỢNG HOÀNG

Về phía đông của quảng trường Đồng Định, ngay sau kỳ đài, có một quả núi đá độc lập, vuron cao. Quả núi giống hệt một con phượng hoàng khổng lồ, đầu vuron cao kiêu hãnh, ngực căng tràn sức trẻ, hai cánh xòe ra như ôm lấy cả quảng trường. Phượng hoàng đang ở thế sắp vỗ cánh vút lên trời cao.

Ôi, nếu bạn, ngay bây giờ càng quý, chỉ một lần và chỉ một lần thôi, bạn nhìn thấy con phượng hoàng đang ở thế sắp tung cánh vút lên trời cao với tất cả sức mạnh của lòng tự tin và niềm kiêu hãnh, bạn sẽ tự trả lời được bao nhiêu điều về cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta mà lịch sử oanh liệt bốn ngàn năm đang đặt ra để lý giải.

Hình ảnh kỳ vĩ của con phượng hoàng cứ như ngọn lửa đốt cháy trong tim ta niềm khao khát cống hiến cuộc đời mình một cách ý nghĩa nhất cho Đảng, cho nhân dân và tổ quốc Việt Nam yêu quý.

Tương truyền rằng: Ngày xưa, núi Phượng Hoàng, về hình dạng, cỏ cây, hoa lá cũng bình thường như trăm, nghìn ngọn núi khác của Chi Lăng mà thôi. Chỉ có một điểm riêng là trên đỉnh núi này có tổ của loài chim quý phượng hoàng. Theo tục lệ địa phương thì loại chim này là niềm tự hào của các dân tộc vùng này. Bởi lẽ, phượng hoàng chỉ xây tổ ở những mảnh đất thiêng, đất lành, đất làm nên nghiệp lớn. Vì vậy, phượng hoàng được đồng bào bảo vệ hết sức chu đáo: cấm bắn, cấm phá tổ chim phượng. Ai vi phạm, bị xử tội nặng, kể cả chết. Hình chim phượng hoàng được vẽ ở đền thờ, miếu mạo những người có công với dân với nước. Phượng hoàng còn tượng trưng cho sức mạnh người miền núi. Bởi thế đời nọ đã truyền sang đời kia câu sấm: “Phượng đi hay Phượng đã về”. Nguyên do như sau: Trải qua bốn ngàn năm thăng trầm của đất nước, những lúc bị rên xiết dưới ách thống trị ngoại xâm, chim Phượng bay đi biệt tăm, không thấy bóng dáng một con nào trên núi cả. Lòng người dân miền núi cũng tối như đêm mất nước, lại đau nỗi đau vắng đàn chim phượng. Đêm đêm, trong rừng sâu, dưới trăng mờ, họ bí mật mài gươm đến mòn cả núi đá, chờ thời cơ đền nợ nước, đón chim phượng trở về núi cao.

Đường gươm, mũi giáo chói ngời chiến công của những nghĩa sĩ dân binh là tiếng gọi “phượng về” thần diệu nhất. Phượng hoàng lại dang rộng đôi cánh trên bầu trời tự do của ông cha. Tiếng chim chẳng khác gì khúc khải hoàn làm rộn rã lòng người.

Thời nước ta bị nhà Đường thống trị, năm 686, tên quan đô hộ khét tiếng tàn ác Lưu Diên Hựu, trên đường đi kinh lý qua đây, thấy một đàn chim phượng hoàng đang dang cánh lượn tròn trên đỉnh núi rồi hạ cánh xuống đỉnh núi cao. Rất lạ là, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa oanh liệt của Hai Bà Trưng, chim phượng hoàng đã biến mất, tự nhiên hôm ấy lại bay về như chóc tức viên đô hộ đi qua. Lưu Diên Hựu thấy cảnh đó, uất tím mắt, nói với các tì tướng đi theo:

— Không thể để chim phượng hoàng xây tổ trên núi này được vì đó là mối họa đối với thiên triều, đối với mệnh ta đang ngồi cai trị đất này. - Và hần đã giương cung, giận dữ quát lớn. - Các người muốn sống, hãy giết hết bầy phượng hoàng quý quái kia đi để trừ hiểm họa sau này.

Chúng buông cung, hàng loạt mũi tên độc ác lao vào đàn chim phượng đang đậu trên đỉnh núi. Nhưng kìa, chim quý của ta đã tung cánh bay mất rồi. Bọn chúng uất tím ruột, bỏ đi.

Đêm ấy, núi rừng xao động hẳn lên bởi tiếng chim phượng hoàng kêu xé lòng xé ruột trên đỉnh núi. Già bản đã cử hai chàng trai khỏe nhất, leo núi lên xem. Thì ra, con chim phượng hoàng đầu đàn đã bị một mũi tên độc địa cắm vào cánh phải. Hai chàng trai soi đèn, rút mũi tên, lấy lá thuốc dịt vết thương cho chim. Chim quý nghiêng đầu nhỏ hai giọt nước mắt lấp lánh như kim cương trong ánh đèn săn mờ ảo. Chim nén đau, không kêu xé lòng nữa. Chim thêm thiếp ngủ. Hai chàng trai yên tâm xuống núi thưa lại với già làng. Già làng lại cử họ mang thức ăn lên nuôi chim bị thương. Lần này trèo lên đến nơi, họ kinh ngạc, thấy chim đã hóa đá trên đỉnh núi cao. Và thế là phượng hoàng yêu quý sẽ mãi mãi ở lại trên đất này với người dân xứ này.

Một năm sau, năm 687, những nghĩa binh Tày – Nùng từ núi Phụng Hoàng vùng giáo đứng lên sát cánh cùng Lý Tự Tiên – Định Kiến, tiến quân về phá tan thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay) giết chết tên đô hộ Lưu Diên Hựu, mở ra một thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ lịch sử liên tục đấu tranh anh dũng giải phóng đất nước.

Phụng Hoàng hóa đá mãi mãi đứng đó chứng kiến những sự tích anh hùng của nhân dân đất này. Bụng Phụng Hoàng chứa được hàng ngàn quân mai phục, có thể bất ngờ gieo kinh hoàng lên đầu quân xâm lược. Lòng phụng hoàng hóa thành cỏ cây bịt mắt giặc, khiến chúng không tài nào tìm ra và không thể nghi ngờ rằng Phụng Hoàng đang giấu trong bụng mình hàng ngàn nghĩa binh mai phục.

Phụng Hoàng cũng đã đứng đó kiêu hãnh trước hàng trăm tấn bom của giặc Mỹ dội xuống đất này suốt hai cuộc chiến tranh phá hoại vừa qua. Phụng Hoàng đã phóng lửa thiêu rụi đàn ma Mỹ. Phụng Hoàng đã gìn giữ những tiếng hát trong sáng của trẻ thơ, tiếng ru hời của những người mẹ Tày – Nùng trong đạn bom những tháng, năm đánh giặc.

MÃ YÊN SƠN

Chéch về phía đông nam, cách núi Kỳ Lân phục chừng già nửa cây số, là một quả núi giống hình yên ngựa. Con ngựa đứng chầu về phía nam trên lưng có nguyên cả một cỗ yên, đó là Mã Yên sơn.

Thời thuộc Đường, nhân dân miền xuôi cũng như miền núi bị bọn thống trị bóc lột và đàn áp nặng nề. Bao nhiêu của quý nước ta đều đội nón ra đi vì cống nạp. Vì vậy, những cuộc khởi nghĩa chống bọn đô hộ, giành quyền độc lập dân tộc bùng nổ khắp nơi. Hồi ấy đồng bào Tày – Nùng ở đây đã nổi dậy khởi nghĩa với đội kỵ binh nổi tiếng của mình. Các nghĩa sĩ kỵ binh cưỡi những con tuấn mã được huấn luyện hết sức công phu, được trang bị những bộ yên cương bằng da thú rừng quý giá. Họ đã nhiều lần làm cho bọn đô hộ khiếp đảm trước tài phi ngựa và bắn cung. Đoàn kỵ binh ào đến đánh tan bọn thống trị, rồi lại biến mất, không để lại một dấu vết gì.

Bọn đô hộ uất lắm. Chúng đã nhiều lần mai phục định bắt sống cho được một nghĩa binh nhưng không sao làm được. Đã có lần chúng bắn trúng tim một kỵ sĩ, tưởng nghĩa sĩ ngã vật xuống... nhưng không, người nghĩa sĩ đã nằm phủ phục trên yên như dính liền thân ngựa. Và trong nháy mắt, con tuấn mã đã khôn ngoan, lao vút vào rừng đêm mang theo người tử sĩ vẫn dính chặt trên yên.

Bọn thống trị hoảng sợ, đã lập miếu tế thần, cầu mong phù hộ cho chúng và làm hại ta, bởi chúng cho rằng những kỵ sĩ tài giỏi kia sở dĩ chết không bao giờ ngã ngựa là nhờ có cỗ yên cương linh thiêng ấy.

Cho đến một hôm, một đoàn người ngựa đi kín đường, dài hàng chục dặm, hò hét om sòm. Đó là đoàn quân đô hộ đi áp tải đoàn dân phu của ta gánh vàng, bạc, châu báu sang cống nạp “Thiên triều”.

Đến đất này, chúng có ý kiểm soát gắt gao hơn nhưng bất chấp quân địch đông và mạnh gấp bội, đoàn kỵ sĩ của ta dũng mãnh xông ra đánh địch, cứu được tất cả của cải, dân phu đất nước. Trong trận này bên ta có một nghĩa sĩ bị tử thương, con tuấn mã quỵ cả bốn vó. Bầy giặc xô đến lôi chàng kỵ sĩ xuống nhưng đã bị tuấn mã lồng lên cắn vào cổ. Chúng điên cuồng chém cụt đầu con tuấn mã, rồi hè nhau lột bằng được bộ yên cương quý giá và linh thiêng kia. Tuy vậy chúng không tài nào nhấc nổi bộ yên cương kỳ lạ đó. Bộ yên cương đã dính liền vào lưng ngựa. Chúng thất vọng bỏ đi. Đêm ấy, con tuấn mã trung thành và bộ yên cương quý giá đã hóa đá. Đầu con tuấn mã bị lia khỏi cổ nhưng từ trong hố mắt đã trào ra hai giọt nước mắt long lanh, giọt nước mắt trung thành đầy thương cảm đối với người chủ đã tử thương và biến thành giếng Mã Yên sơn trong mát quanh năm, không bao giờ cạn.

HANG THÁI ĐỨC

Năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, con trai thứ của Đinh Tiên Hoàng mới 6 tuổi, được lập lên làm vua. Các thế lực phong kiến thù địch ở trong và ngoài nước lại thừa dịp này âm mưu lật đổ và thôn tính. Ở Trung Quốc, nhà Tống, sau khi thống nhất được quốc gia đã trở thành một nhà nước phong kiến cường thịnh nhất ở châu Á đương thời, tự cho mình là “thiên triều” có quyền thống trị tất cả các dân tộc. Nhân sự suy yếu của triều đình nhà Đinh, nhà Tống đã phát động chiến tranh xâm lược nước ta.

Vận mệnh của dân tộc ta đang bị nạn ngoại xâm đe dọa nghiêm trọng.

Chính quyền độc lập tự chủ còn non trẻ đã phải đứng trước một thử thách vô cùng lớn lao. Vua Đinh còn ít tuổi, chưa đủ năng lực và uy tín để lãnh đạo cuộc kháng chiến.

Vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, quân sĩ và một số quan lại liền suy tôn Lê Hoàn lên làm vua. Lê Hoàn là một người có uy tín trong triều. Lúc đó ông đang giữ chức Thập Đạo Tướng quân tức là tổng chỉ huy quân đội.

Ngay sau khi lên ngôi lập triều tiền Lê, Lê Hoàn lập tức lên ngựa cùng những người thân tín của mình đi kinh lý khắp vùng biên giới và những nơi xung yếu để chuẩn bị chống trả, và bảo vệ Tổ quốc. Việc đầu tiên là xây dựng các cửa ải chặn chân quân giặc. Năm 981 – mùa đông – một buổi chiều rét dữ dội, trên đường từ Mục nam quan về kinh đô, sau khi đã chọn và xuống chiều cho quân dân địa phương khẩn cấp xây dựng 8 cửa ải để chặn bước quân giặc mà Lê Hoàn vẫn chưa chịu dừng chân nghỉ ngơi lấy sức. Các tướng sĩ đi bên ông cũng lấy làm lạ nhưng không ai dám hỏi. Vua tôi khởi hành ở Mục nam quan từ canh tư (gà gáy lần thứ nhất) qua hơn 30 dặm đường trèo đèo lội suối, người, ngựa, vừa đói vừa khát, mệt mỏi rã rời mà nhà vua vẫn chưa hạ lệnh dừng chân.

Các tướng sĩ thấy đôi mắt sáng rực của nhà vua vẫn phóng xa về phía trước, khuôn mặt dăm chiêu vẫn ngẩng cao trên mình ngựa, dây cương gò chặt trong bàn tay to lớn của ông. Họ biết đến chỗ dừng chân còn dài. Cửa ải thứ 9 mà nhà vua đã định, chắc còn xa.

Mặt trời xuống dần, lơ lửng treo đầu ngọn núi phía xa. Sương lam đã tỏa mờ khe núi. Lo cho sức khỏe của tướng quân, một cận thần nhắc nhở:

- Tâu bệ hạ, trời sắp tối, khí núi chiều tà, e hại đến mình vua, xin bệ hạ cho dừng chân giữ sức.
- Không sao! Không sao! Chớ lo cho lắm. Các khanh, chắc các khanh mệt lắm phải không? Gắng lên, gắng chút nữa, sắp tới rồi!
- Tâu bệ hạ, nơi đó chắc địa hình hiểm trở lắm?
- Sẽ là nơi giặc vào như bẻ xuôi thác, giặc ra như cá mắc hom. Nơi ấy phải là nơi sinh ra những người lính trần ải làm rạng rỡ tổ tiên, sáng danh đất nước, những người không chỉ biết đan đát, bở hom mà còn biết đón dòng bắt cá.

Và vua mỉm cười thúc ngựa vượt lên.

Đi thêm được năm dặm đường thì đến một địa điểm mà cảnh vật rất lạ.

Hình như sông núi hện nhau hội ngộ ở đây và cũng từ đây lại tỏa ra mọi miền đất nước. Hai bên là núi đá cao, vách dựng đứng, giữa là dòng sông chảy xiết trong lòng nước lộ nhô những mỏm đá nhọn hoắt như những mũi gươm. Đến một quả núi, ngựa của Lê Hoàn bỗng dừng lại, con tuấn mã quay ngang người, cái đầu ngẩng cao, hướng lên đỉnh núi, vó trước cào cào trên mặt đất rồi hí từng hồi dài khùng khiếp.

Nhà vua xuống ngựa, nhanh nhẹn trèo qua từng mỏm đá đi lên. Cả đoàn tùy tùng cùng vội vã xuống ngựa theo ông. Vách đá cheo leo, có đoạn đầu gối chাম់ cầm. Theo một lối hình chữ Chi dài chừng một phần ba dặm, cao năm mươi trượng, vua đến một cái hang đá tuyệt đẹp, lối vào to bằng con trâu nghé, càng vào trong càng rộng mãi ra, ngách ngang, ngách dọc chéo nhau như bàn cờ.

Những cột thạch nhũ ánh lên lấp lánh những sắc màu mới rực rỡ làm sao. Những phiến đá nhẵn lì như mặt ghế.

Sau khi xem xét kỹ từng ngách đá, Lê Hoàn trở ra đứng trên cửa hang, quan sát địa hình trên núi. Bộ râu hùm của ông rung rinh sau làn gió lạnh, và đôi mắt phượng ánh lên nụ cười mãn nguyện. Ông truyền lệnh hạ trại.

Dưới chân núi, một đoàn người ngựa khăn áo chỉnh tề đang quay quanh đoàn kỵ mã, đeo cung tên, dao găm. Lê Hoàn ngạc nhiên chỉ tay xuống đoàn người lạ, hỏi các tướng sĩ:

— Đoàn người kia đi đâu mà khăn áo xênh xang, lại có cả cung đao vậy?

Đúng lúc đó, một người lính hốt hải từ chân núi chạy lên thưa:

— Tâu bệ hạ! Có một đoàn bộ lão người địa phương muốn đến yết kiến nhà vua.

— Trẫm vui lòng hậu tiếp các bộ lão.

Một lát sau, mười cụ già râu, tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào đã thoăn thoắt leo lên triền núi như những chàng trai. Những bộ xiêm áo màu chàm đậm thẫm như quỳên lấy lá rừng trong khói lam chiều huyền ảo.

Nhà vua tươi cười ra đáp lễ mừng bộ lão. Giọng nói vang như trống đồng của Lê Hoàn vui vẻ cất lên đầy cảm tình:

— Xin đa tạ các bộ lão. Sao các bộ lão biết trẫm ở đây mà cùng nhau đến thăm?

Một cụ già to khỏe chấp tay cung kính thưa:

— Tâu bệ hạ! Được biết bệ hạ đi kinh lý vùng biên cương, định ải chống giặc, các thần dân trộm nghĩ: suốt từ Móng Cái qua châu Quảng Yên về đến đây, cảnh giặc lúc mạnh diệt giặc lúc suy, không nơi nào lợi thế bằng ở đất này, bởi vậy chúng tôi nóng lòng đợi nhà vua đã mấy tuần trăng nay.

Lê Hoàn gật đầu khen phải và cười vang. Đúng lúc đó, một mũi tên bất ngờ không biết từ đâu cắm phập vào búi tóc từ sau ót ông già. Nhà vua đổi sắc mặt hỏi:

— Tên từ đâu bắn tới?

Ông già điềm tĩnh thong thả đưa cánh tay ra sau gáy, rút mũi tên:

— Tâu bệ hạ, anh em từ núi bên bắn sang.

— Tại sao họ lại bắn càn làm vậy?

— Bẩm không ạ! Họ bắn tên báo hiệu cơm chiều đã làm xong, xin mời nhà vua và các tướng sĩ hạ cố cùng uống với chúng tôi một chén rượu nhạt, ăn lưng cơm bắp với rau rừng, để cho vui lòng người dân miền ngược. - Nói vậy, rồi ông già nhanh nhẹn giương cung bắn một mũi tên lao vút sang đám người lố nhố phía bên kia sông.

Lê Hoàn vỡ lẽ, cười ha hả và vui vẻ nhận lời. Ông say sưa hỏi các bộ lão:

— Từ đây sang đó vừa đúng một tầm tên?

— Tâu bệ hạ, còn non một tầm tên, tên bắn đến đây còn căng lắm.

Nhà vua vỗ đùi khoái trá:

— Thế thì hay lắm.

Đúng lúc đó, một đoàn trai tráng người địa phương nai nịt chỉnh tề, từ trên núi, đội những mâm cơm thịnh soạn đưa lên. Mùi nếp nướng quỳên với mùi thịt nai nướng, gan sơn dương xào, nem công độn măng chua, lạc rang, bốc lên thơm phức.

Đêm ấy, ở cửa một hang đá vô danh, đuốc cháy sáng đêm, Lê Hoàn và các tướng sĩ đang cùng trai tráng địa phương bàn kế chống giặc. Những chiến sĩ vô danh người Tày ấy cách đây gần một ngàn năm đã cùng Lê Hoàn và quân dân cả nước chém chết tướng giặc là Hầu Nhân Bảo, chặn đứng cuộc xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống, giữ vững nền độc lập non trẻ của nước nhà. Từ đó, cái hang đá vô danh kia đã đi vào lịch sử như một chiến sĩ lập được công to, mang tên hang Thái Đức và cũng từ đó về sau, các vua đời Lê, Lý, Trần, mỗi lần đi kinh lý phía Bắc đều dừng lại nghỉ ngơi luận bàn việc nước ở đây: Hang Thái Đức trên đầu núi Quỉ.

NÚI VUA NGỰ

Đến Chi Lăng, nếu bạn chưa có dịp leo lên đỉnh Bảo Đài Sơn ngắm phong cảnh hùng vĩ của cả vùng núi non sông nước muôn trùng xin hãy gắng mà leo lên núi Vua Ngự. Đường Thượng Sơn phía tây, sau làng Khuôn Áng, xã Quang Lang, đường Hạ Sơn phía đông thuộc xã Quan Sơn, mỗi bậc lên, xuống còn in đậm dấu tích ông cha xưa qua nghệ thuật xếp đá mà ngót ngàn năm phong hóa và xâm thực của mưa gió vẫn “trơ như đá, vững như đồng”. Mùa thu, đi theo dấu tích của người xưa, ta lên đến đỉnh núi cao bằng phẳng, chói lòa ánh nắng, nơi có bệ vua ngồi, có dấu tích của cái chảo vàng, mười hai quai kỳ lạ... Đứng ở đây, hướng mặt về phía tây, ta nhìn được rõ mồn một toàn cảnh trận đồ Chi Lăng như trong lòng bàn tay. Một dãy núi đá chạy tít về tận Bắc Sơn, dưới chân núi đá là thượng nguồn sông Thương, như con trăn bạc không lồ trườn qua núi, đồi, nương rẫy, uốn khúc quanh co chạy về phía Nam. Nối tiếp với đỉnh núi Vua Ngự là núi tiếp núi, rừng tiếp rừng qua những khe dọc, suối sâu, đèo cao chạy dài từ Bắc xuống Nam, sau lưng là bạt ngàn rừng già gỗ quý. Cả trận đồ Chi Lăng hiện ra giữa một bên là dãy núi đá trầm mặc uy nghiêm ở phía tây và một bên là núi đất cao với rừng đại ngàn xạc xào cây lá... Phong cảnh hùng vĩ của một vùng đất nổi tiếng sử xanh này dẫn ta đi ngược thời gian về với xa xưa qua câu chuyện kể kỳ thú sau:

Ấy là sau một đêm ghi nhớ, tại hang Thái Đức, Lê Hoàn đã thức trắng đêm cùng các tướng sĩ tùy tùng bàn bạc với các bộ lão và tù trưởng trong vùng bàn mưu kế xây ải Chi Lăng chống giặc.

Lê Hoàn say mê bàn việc nước đến nỗi sáng lúc nào mà không biết, khi đằng đông, chân trời đã ửng đỏ, Lê Hoàn còn một nỗi băn khoăn là phải tìm được ngọn núi nào thuận lợi nhất có thể bao quát được toàn cảnh trận đồ Chi Lăng thì mới yên lòng. Các cụ bộ lão trong vùng biết điều đó, nhưng lo cho nhà vua lâu nay đã rong ruổi trên đường dài biên cương tìm kế chống giặc giữ nước, đêm qua lại thức trắng, lấy sức đâu mà đi. Vì vậy, các cụ kiên quyết mời vua nghỉ lấy sức ngày mai lên núi cũng chưa muộn. Lê Hoàn mỉm cười hờn hậu, nói:

— Giặc có bao giờ chờ cho ta và các người nghỉ lấy sức rồi mới động binh xâm chiếm nước ta đâu!

Lời nói của Lê Hoàn có sức mạnh thuyết phục mạnh đến nỗi các bộ lão lại cùng nhà vua vui vẻ lên đường.

Từ đó đỉnh núi không tên này đã đi vào lịch sử: Núi Vua Ngự. Đêm ấy, vua tôi hạ trại tại đỉnh núi này bày mưu chống giặc.

Thấy một hồ nước nhỏ, trong vắt trên núi cao, Lê Hoàn vui sướng reo lên:

— Đây không chỉ là nơi đặt vọng gác tiền tiêu tốt mà còn là hậu cứ tiếp tế cho quân ta đánh tập hậu không nơi nào bằng. Lương thảo chuyển lên lại không khó bằng đồ nấu ăn cho sĩ tốt.

Đầu canh tư đêm ấy, vua tôi đang thiu thiu ngủ thì có một ông già râu tóc bạc phơ, chống gậy trúc đốt lửa bằng gỗ hoàng đàn thơm phức, dẫn đường cho hai lực sĩ lặc lè khiêng một chiếc chảo to, có mười hai quai đến yết kiến và xin dâng lên nhà vua chiếc chảo nuôi quân “nấu một lần ăn mười bữa” ăn đến đâu, cơm lại đầy đến đấy.

Lê Hoàn vui sướng reo lên:

— Xin đa tạ lão trượng – Chảo này có lẽ là nồi Thạch Sanh tái sinh chăng?...

Chưa nói hết câu, ông già và hai chàng trai đã biến mất vào rừng sâu ào ào gió đông, chỉ còn lại chiếc chảo quý mười hai quai đang chìm dần vào trong lòng núi, cơ hồ cũng sắp biến mất như chủ của nó chẳng?

Nhà vua bước nhanh đến chiếc chảo lạ lúc đó đã chìm sâu hai phần, sờ vào quai chảo mà nói:

— Ta chưa kịp tạ ơn hạnh ngộ, người đã định đi sao? Tức thì chiếc chảo lạ xoay tít một vòng như chảo vua và dừng lại, hai phần chìm, một phần nổi.

Chiếc chảo đó đã góp phần quan trọng trong việc nuôi quân ăn no đánh thắng quân thù xâm lược.

Tan giãc, các tướng sĩ và bô lão trong vùng dâng kế lên nhà vua xin đem chiếc chảo quý về kinh đô Hoa Lư cho bàn dân thiên hạ được cùng chiêm ngưỡng. Nhưng lạ thay, chiếc chảo nuôi quân hóa thành vàng bám chặt vào lòng núi, bao nhiêu lực sĩ xúm vào kéo lên, chiếc chảo vẫn không hề nhúc nhích. Biết chuyện là vậy, vua hạ chiếu ban xuống cho dân vùng biên thùy:

Ai có công sinh ra, nuôi dưỡng được mười hai người con trai, cả mười hai người đều đã lập công giết giặc trong thời gian vừa qua, người mẹ và mười hai người con ấy, được hưởng chiếc chảo lạ mười hai quai hóa vàng này và hãy nhớ một điều: chỉ riêng người mẹ ấy mới có quyền chia của báu ấy cho các con.

Người ta đã tìm ra được một người mẹ biên thùy có mười hai người con dũng lược.

Hôm mẹ dẫn mười hai người con trai có công lên đỉnh núi Vua Ngự lấy chảo vàng mười hai quai là ngày hội của cả vùng biên thùy. Dân chúng đã mang đến núi Vua Ngự đủ mọi của ngon vật quý chúc mừng mẹ con bà.

Trước lúc 12 người con của bà mẹ phúc đức kia bắt tay vào khiêng chiếc chảo quý, đã có không biết bao nhiêu tốp lực sĩ xúm vào dùng hết sức nâng chiếc chảo vàng lên nhưng vô hiệu, chiếc chảo vàng vẫn nằm đó như thách thức sức mạnh của các chàng trai nổi danh lực sĩ có võ nghệ cao cường.

Cuối cùng người mẹ mỉm cười bước vào, gọi chàng con cả rồi con thứ hai, thứ ba, thứ tư... thứ mười hai, mỗi chàng nắm chắc một quai chảo. Mẹ hô:

— Dô! Ta nào...

Tức thì chiếc chảo từ từ dâng lên chói lọi dưới ánh mặt trời, giữa tiếng hò reo vang dậy của bàn dân thiên hạ.

Chiếc chảo vàng vừa đặt trên mặt đất thì việc bàn cãi giữa mười hai anh em nổ ra. Người anh cả đòi mẹ chia cho phần nhiều nhất, người con thứ hai đòi mẹ chia cho phần ít hơn anh một tẹo, người con thứ ba đòi chia ra mười một phần bằng nhau, còn phần ít nhất dành cho đứa em nuôi...

Mười anh em cho là phải, nhưng anh cả thì khăng khăng không chịu...

Người mẹ khuyên:

— Các con, con nuôi hay con đẻ cũng cùng chung một dòng sữa mẹ, cũng đều hưởng lộc vua, ăn cơm dân, mặc áo nước.

Nhưng mười một người con, không vâng lời mẹ, họ cãi nhau có nguy cơ xô xát... Người con nuôi tách ra, trước bàn dân thiên hạ, đã quỳ xuống trước mặt người mẹ nuôi tạ ơn và xin nhường phần mình cho các anh các em...

Người con trai nuôi hào hiệp nói chưa dứt lời thì một đám mây đen bất ngờ kéo đến phủ kín núi rừng, sấm chớp, mưa gió bất thần nổi lên...

Một loáng sau trời quang, mây tạnh, nhưng chiếc chảo vàng mười hai quai đã biến mất từ lúc nào chẳng biết trước sự kinh ngạc của mọi người.

ĐẦU ĐÔNG QUÂN

Gà đã gáy canh tư rồi mà Thân Cảnh Phúc vẫn chưa hề chớp mắt được một khắc. Hình ảnh của những ngày qua đang hiện lên dần làm ông nhớ lại hôm cùng Lưu Ký, Hoàng Kim Mẫn, Vi Thủ An, Lý Kế Nguyên... lục tục kéo về kinh đô hội kiến với Lý tướng quân, bàn mưu chống giặc. Tư tưởng chiến lược của Lý tướng quân ngấm vào từng đường gân thớ thịt của Cảnh Phúc, tỏa sáng trong đầu óc tâm can ông khi Phụ quốc Thái úy kết luận: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc”... Phòng hội kiến tưởng như muốn vỡ ra bởi những tràng pháo tay và những tiếng hô hưởng ứng tài thao lược của Lý tướng quân. Duy có Thân Cảnh Phúc vẫn ngồi đó như hóa đá, tai ông như ù lên bởi những tiếng âm ào, chỉ có óc ông đang sáng dần lên bởi những tiếng nói sang sảng mang âm hưởng như chuông bạc của Lý tướng quân.

... Phải chủ động, bất ngờ tiến sang đất giặc, phải bẻ gãy tan tành các mũi nhọn của giặc đang cắm vào thân thể đất nước ta, phải làm cho lòng người của thân dân bên ấy hiểu được mục đích cuộc tập kích của ta... Làm được điều này là khó đấy, công đầu thuộc về các chủ tướng biên thủy của ta, thuộc về các sĩ tốt và thân dân các dân tộc trên dải Bắc, những người lính biên thủy bẩm sinh, những người hiểu giặc, biết mưu thâm của giặc, biết đánh và biết thắng giặc trước tiên để bảo toàn xã tắc...

Đắm chìm trong suy tư, Phúc thấy từ phía sau, có hai bàn tay nóng ấm bóp chặt hai vai, ông giật mình quay lại. Lý tướng quân vẫn bóp chặt vai Phúc lắc mạnh và cười vang như sấm:

— Thân tướng quân nghĩ ngợi gì mà lao lung thế?

Cảnh Phúc đứng bật dậy, chấp hai tay, mồ hôi lạnh toát ra, chạy dọc theo cột sống, cả phòng hội kiến vừa mới đây còn ồn ào vui nhộn là thế mà bây giờ lặng ngắt như tờ... những ánh mắt bạn hữu đưa về phía Phúc và Lý tướng quân đầy vẻ lo âu...

— Dạ! Bẩm Phụ quốc Thái úy Lý tướng quân. Tôi đang mải nghĩ một điều. Tôi không lo đánh, nhờ phăng những mũi dao của giặc đang cắm vào mình thì không khó, kể cả bắt những mũi dao đó phóng lại vào ngực kẻ thù, nhưng kẻ thù đang đứng giữa muôn trùng dân đen vô tội, làm sao cho họ hiểu được là ta đang phóng dao trừng phạt kẻ thù chứ không giết họ mà muốn họ không bị giết oan thì họ phải thấu được ý ta, tách ra khỏi kẻ thù của ta, nghĩa là phải có kế sách làm cho lòng dân bên ấy cũng sáng tỏ chính tà...

— Đúng ý ta! Đúng ý ta! Xin ghi nhận lời bàn sâu xa của Thân tướng quân.

Lý Thường Kiệt reo lên, ôm chặt lấy Cảnh Phúc, vỗ vỗ âu yếm vào sau lưng.

Sau đó, Phụ quốc Thái úy tươi cười nhanh nhẹn bước lên Đài giảng võ, giảng tiếp về quân kỷ trong những ngày đánh giặc trên đất giặc và cung cách đối xử với thân dân bên ấy. Trên đài giảng, một tờ lộ bố rộng bằng nửa chiếc chiếu cạp điều được mở ra. Ông giảng kỹ từng chữ, từng câu trong đó, đề rồi đây nó được dán khắp dọc đường quân ta tiến công trên đất Tống, công bố cho nhân dân Trung Hoa biết rõ mục đích cuộc tiến công tự vệ của ta...

Nghĩ đến đây, Thân Cảnh Phúc mỉm cười vui sướng. Những ngày tung hoành trên đất Tống vừa qua còn in đậm trong tâm trí ông. Những sự việc làm xúc động lòng người và những chiến thắng oanh liệt bước đầu trên đất giặc chứng tỏ tài thao lược của Lý tướng quân thật là tuyệt vời.

Thân Cảnh Phúc khê cựa mình, xoa hai bàn tay trên đệm da thú. Ông cảm biết rất rõ làn lông hươu mượt mà lướt qua làn da tay của ông. Máy chục đêm ròng gối đất nằm sương sau mỗi trận đánh trên đất giặc, đêm nay, đêm đầu tiên trở về trên mảnh đất ông cha, những người lính cận vệ thân tín của ông lại trải cho ông chiếc đệm da thú quen thuộc. Họ biết chủ tướng của mình suốt mấy chục đêm ròng chưa được hưởng một giấc ngủ ngon, kể từ lúc đặt chân lên mảnh đất tổ quốc, từ nơi biên thủy về đến quê hương, dọc đường ở đâu bà con các dân tộc, bạn bè, anh em dòng tộc của ông đều đổ ra đường đón mừng ông và sĩ tốt của ông. Ở đâu ông cũng phải dừng chân, dù chỉ vài khắc cảm ơn và nhận lễ

vật biếu tặng của mọi người. Vì vậy, đêm nay họ muốn ông được ngủ ngon dưỡng sức để ngày mai, lại lao vào công việc vô cùng bận rộn, đè nặng lên hai vai ông. Những người cận vệ gác đêm đi rón rén từng bước nhẹ, êm ru quanh lều chiến của vị chủ tướng thân thiết của họ. Họ không muốn lỡ chân làm kinh động giấc ngủ của ông.

Họ có hay đâu Thân Cảnh Phúc vẫn chưa hề chợp mắt. Tâm hồn ông lâng lâng, đầu óc hoàn toàn tỉnh táo. Ông nghiêng đầu nhìn qua ô cửa nhỏ của chiếc lều chiến, mắt đăm đăm nhìn về phương Bắc, những vì sao đêm thánhtư đang mờ dần và tắt biến trong đám mây đen đang đùn lên ở chân trời phía bắc. Trong óc ông lại hiện lên hình ảnh đám lão trượng bên ấy, hôm hạ thành Ung Châu...

Ông còn nhớ rõ lắm, đúng hôm mùng một tháng ba, khi quân ta tràn vào Tướng phủ Tô Giám, cầm ngọn cờ đại thắng lên thành Ung Châu giữa tiếng hò reo vang dậy, phá tan tành các kho tàng chuẩn bị xâm lược của vương triều Tống, lấy đá lấp sông ngăn chặn bước tiến của quân thù, rồi thu quân xong, chờ lệnh của Lý tướng quân thì vệ sĩ vào cấp báo:

— Bẩm chủ tướng: Có một đoàn già lão, râu bạc, tóc bạc, ăn mặc đủ sắc tộc, Hán có, Mông có, Dao có, Nùng có... nằng nặc đòi bằng được vào yết kiến, để tạ ơn chủ tướng, đằng sau là một đám tiểu đồng gánh gánh, gồng gồng nhiều lắm...

— Cho họ vào. - Thân Cảnh Phúc truyền lệnh.

Ông sửa mũ áo cho chỉnh tề hơn, lòng băn khoăn chột nghĩ: “Thâm kễ giặc chẳng? Mưu ma chước quỷ gì đây? Có lẽ chúng định cho người trá hàng theo ta về nước nằm vùng để do thám tin tức, đánh ta trận tới chẳng? Được!” Ông chặc lưỡi và vung tay nói lớn:

— Thực hư thế nào, lát nữa ta sẽ xử!

Ngoài kia, mười hai ông già còn khỏe mạnh dẫn một đám tiểu đồng gồng gánh đi giữa hai hàng vệ sĩ, đang tiến vào. Vừa trông thấy Thân Cảnh Phúc, tất cả già trẻ đều quỳ xuống, cúi rạp người hai tay chấp lại, cung kính vái chào ông. Cảnh Phúc đáp lễ rồi nhanh nhẹn nâng từng ông già Tầu dậy và cho phép đám tiểu đồng đứng lên miễn lạy.

Cảnh Phúc truyền cho các vệ sĩ đưa ghé mời các ông già ngồi.

Một ông già Hán, vóc dáng to lớn, dam sạm nắng, vẻ phong trần, tự xưng là đáng trượng phu của đất Tống, nói tiếng Việt rất sôi, đứng dậy chấp hai tay cung kính nói:

— Bẩm thừa tướng công, chúng tôi đây những môn đệ của đức Khổng Tử, đã từng sang Đại Việt, từ lâu đã biết danh tiếng của tướng công và cả Lý Phụ quốc Thái úy. Các đệ đây đã đọc kỹ từng chữ trong lộ bố của các đại nhân. Dĩ nhiên người Tống không tin những điều nói trong ấy. Bởi vậy, chúng tôi đã chia nhau đi theo sau khắp các ngã đường tiến quân của các tướng lĩnh Đại Việt về đây. Sự thật về quân kỷ nghiêm minh, tinh thần thượng võ và tài cầm quân của các đại nhân Đại Việt khiến chúng tôi kinh hoàng, thần dân đất Tống kính phục, nhà nhà đội ơn. Các đại nhân đã thắng và sẽ thắng. Vương An Thạch và nhà Tống hùng cường của chúng tôi khó mà nuốt trôi Đại Việt. Bởi thế, thể theo lòng thần dân, các đệ đến đây để tạ ơn tướng công và xin dâng chút lễ mọn này – xin chúc tướng công vạn tuế, vạn vạn tuế! Mong rằng trên đường về nước, thần dân vẫn được đội ơn tướng công như lúc ngài tiến quân sang hạ thành Tô Giám...

Những mâm đồng sáng loáng phủ nhiều đỏ, những quả sơn son thiếp vàng chắt có ngọn, những lụa, gấm, vàng, bạc, ngọc châu... được dâng lên.

Thân Cảnh Phúc từ tốn đưa tay ngăn lại. Ông cảm ơn và nói rõ cho họ biết quân ta tiếng sang với quân kỷ nghiêm ngặt thế nào thì khi về nước, sĩ tốt Đại Việt cũng làm như vậy, không hề tơ hào đến cái kim sợi chỉ của thần dân Tống. Cảnh Phúc tiễn đoàn người dâng lễ vật ra tận công trại đóng quân, những chú tiểu đồng gánh lễ vật lặc lè quay ra và cả những ông già nữa. Những đôi mắt trẻ già kia đều ánh lên nỗi kinh ngạc trước đức thanh liêm của người Đại Việt...

Cảnh Phúc thiếp đi được một khắc, bỗng lại nghe tiếng những đoàn quân rầm rập bước đi... Tỉnh hay mơ, ông tự hỏi và lại lắng nghe, đấy, những bước đi rầm rập... đúng là bước chân đi. Ông vùng dậy gọi người vệ sĩ:

— Có phải bước quân đi hay sao mà râm rập vậy?

— Dạ, bầm đúng là bước quân đi đấy ạ!

Đúng lúc đó, người giúp việc quân cơ chạy vào thưa:

— Bẩm chủ tướng: Các hoàng nam từ khắp các bản, châu, làng, xã vâng mệnh của Phụ quốc Thái úy đang kéo về đây như trẩy hội xin được đăng lính theo chủ tướng chống giặc. Nhiều đoàn đi suốt đêm vừa mới đến, họ đòi vào đội ngũ ngay, các đệ ghi mỗi tay mà không sao xuể, hoàng nam vẫn đang đổ về như nước lũ đầu mùa đông vô kể. Bây giờ làm thế nào giải quyết nhanh cho anh em được nghỉ ngơi, xin chờ mệnh chủ tướng.

— Hãy bình tâm! - Thân Cảnh Phúc mỉm cười, nhắc bầu rượu lên, rót ra ba chén, trao cho viên quan giúp việc quân và người vệ sĩ, tự mình nâng một chén, nhìn đỉnh núi phía đông đỏ lựng những áng mây và nói:

— Nào ta mừng buổi mai đầu tiên trên giang sơn gấm vóc của ta sau gần hai tuần trăng xa cách, mừng các hoàng nam giàu tâm huyết và tràn đầy khí phách Đại Việt của ta...

— Còn việc tuyển quân, ghi không kịp sao? Lấy đâu mà đông, mỗi đâu một tốt. Các trưởng tốt và trưởng ngũ đến đâu mà nhận quân, cho hoàng nam nghỉ ngơi ăn uống rồi vào sổ sách, tách ra như vậy vừa nhanh việc vừa đỡ nhọc quan quân, vài ba đâu vẫn chậm thì dùng nhiều đâu cứ thế mà đông...

— A! - Viên quan giúp việc thông minh của Thân Cảnh Phúc vui sướng reo lên. Ông vội vã chào chủ tướng rồi lao đi...

Những cái “đầu đông quân” đó là những vòng tròn được vạch bằng vôi trên thảm đỏ, có lối vào phía nam, lối ra phía bắc. Trong vòng tròn là một hình vuông cũng kẻ bằng vôi, trong hình vuông là mười hàng thẳng tắp đều đặn, mỗi hàng có mười vạch ngang đều đặn, đó là vị trí đứng vào Ngũ của mỗi hoàng nam. Cứ mỗi khắc, mỗi đầu đông được năm tốt. Sự tích ra đời của các ngũ^[1] – tốt^[2] là như thế. Nhằm thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược, các sĩ tốt của ta đã đắp đầu đông quân thành chiến lũy hình tròn, có hầm ngầm bên trong thông giữa đầu đông quân này sang đầu khác. Đầu chỉ huy ở giữa có hai đường hầm bí mật, một thông vào rừng đại ngàn, một thông lên điệp trùng núi đá qua các hang động.

Chính những “đầu đông quân” này đã làm cho chánh tướng Quách Quỳ và phó tướng Triệu Tiết nổi danh tài ba xuất quỷ nhập thần của nhà Tống phải vỡ mật, giập gan chạy thoát thân về đến quê cha đất tổ rồi mà bảy ngày sau, trong cơn mê hoảng, vẫn không tin là mình còn sống.

VỰC BOI

Nếu như thượng nguồn sông Thương là một dải lụa mềm của người thiếu nữ, làm mát lòng những “Chàng trai núi đá”, đứng sừng sững uy nghiêm với tất cả sức mạnh huyền bí của mình, thì đến cửa Biệt Thự xứ, dải lụa mềm ấy lại kín đáo làm duyên bao thành một vòng tròn ngang lưng người thiếu nữ đất này. Vòng tròn đó chính là Vực Bơi. Vực Bơi giống như một chiếc gương không lồ sáng trong màu ngọc bích, bốn mùa đứng trong lòng nó hình ảnh kỳ vĩ của dãy núi cai Kinh, một phần của vòng cung Bắc Sơn huyền diệu.

Về mùa hạ, Vực Bơi giống như trái tim của người thiếu nữ sôi sục một tình yêu cuồng nhiệt, dữ dội như ngọn nước lũ xoáy tròn ôm trọn trong đáy sâu của Vực mỗi tình chung thủy với chàng trai “Rừng núi” thân thương, để rồi, sau đó lại êm ả như mùa thu. Mùa hạ Vực Bơi để lại những đứa con “phù sa” màu mỡ làm nên vựa lúa Chi Lăng với hai mùa vàng thắm và ngọt ngào của lúa, hai mùa xanh của đậu, ngô, khoai, và hương thơm say người của thuốc lá sợi vàng.

Tương truyền rằng:

Năm 1076, trên đường đi kinh lý phương Bắc, Lý Thường Kiệt đã nghỉ lại ở Biệt Thự xứ. Buổi chiều, Thân Cảnh Phúc, một thủ lĩnh nổi tiếng của đội quân dân binh người Quang Lang đã mời Lý Thường Kiệt ra Vực Bơi thăm cảnh, hóng gió nồm nam. Cảnh đẹp dòng nước trong mát như chào mời vị tướng quân. Ông đã cởi áo chiến, cùng Thân Cảnh Phúc và những nghĩa binh nổi tiếng của mình vẫy vùng trong hồ nước bạc mát ngọt.

Tắm xong, ông vỗ vai Thân Cảnh Phúc dặn dò:

— “Quân quý hồ tinh, bất quý hồ đa!”^[3] Người lính trần ải và người lính dân binh không những tinh thông về võ nghệ, giỏi đánh tượng binh, kỵ binh mà còn phải tài ba trong thủy chiến. Vực Bơi này là lò luyện tài nghệ của người dân binh đấy. Hiền đệ nên cho tập cả thủy chiến. Ở đây cũng là trận địa thủy chiến chống quân kỵ lợi hại.

Tuân theo lời căn dặn của vị tướng tài thân thiết, Thân Cảnh Phúc đã dùng Vực Bơi đào tạo những chiến sĩ thủy binh ngay trên quê hương rừng núi của mình.

Vài tháng sau, mùa hạ năm 1076, Lý Thường Kiệt ngồi trên tảng đá cao bên bờ Vực Bơi, trực tiếp duyệt một trận diễn tập thủy chiến giữa rừng núi do Thân Cảnh Phúc đứng đầu.

Giữa Vực Bơi là hai chiến thuyền buông neo cách nhau mười thước, giả làm thuyền của địch. Từ mỗi chiến thuyền chằng hai dải nhiều điều chạy suốt vào bờ làm Vòng Cắm. Trên mỗi chiến thuyền, có mười hình người rơm cấp kiềm đứng ngang tàng, tượng trưng cho thủy binh của địch.

Nghĩa binh tham gia diễn tập thủy chiến, cầm cung, đeo kiếm, thắt bao tên độc quanh mình. Mỗi thủy binh ngồi trên một chiếc thuyền độc mộc, từ thượng nguồn như mũi tên theo dòng thác lao xuống bằng tay chèo tuyệt diệu của mình. Họ đã điều khiển con “thủy mã” của mình lao vào hai chiến thuyền giặc, nhảy phắt lên chiến thuyền bên phải, rút gươm xia mười mũi trúng cả mười vào tim mười tên địch. Từ thuyền đó, họ giương cung bắn liên mười phát, mười mũi tên rung lên, cắm phập vào giữa trán mười tên giặc ở chiến thuyền bên cạnh rồi người thủy binh nhảy ào xuống dòng thác theo con “thủy mã” giữa tiếng reo hò vang dậy của đồng đội đứng dày đặc quanh Vực Bơi.

Giữa tiếng reo hò vang dậy của quân sĩ, Lý Thường Kiệt, với đôi mắt sáng ngời, đưa vòng tay ôm chặt những nghĩa binh ướt đầm từ cuối vực đi lên, người còn lão đạo vì sóng nước và chiến công trong diễn tập của mình.

Những cuộc diễn tập tuyệt vời giữa dòng nước xiết ấy, không chỉ đòi hỏi lòng dũng cảm, sức khỏe dồi dào dạn dày sóng nước mà còn đòi hỏi tài nghệ, cung kiềm, điều luyện tuyệt vời của người nghĩa sĩ dân binh! Nhờ dày công luyện tập và được vũ trang bằng lòng yêu nước sáng ngời, những nghĩa sĩ dân binh ở đây, đã giáng những đòn quyết liệt, hết sức bất ngờ vào sườn quân địch.

Khi hùng hổ dẫn quân ào ạt vượt qua mảnh đất thiêng này, Quách Quỳ chỉ ra lệnh cho quân sĩ lấy khiên che những luồng tên như mưa, từ vách núi cao rừng sâu bắn ra.

Hắn có ngờ đâu, từ những lùm cây dày đặc ven sông, hàng loạt tên tẩm độc bắn tới tấp vào mạng sườn không khiên che của chúng.

Bộ binh, kỵ binh đổ nhào, đè xác lên nhau, giãy chết. Số kỵ binh thoát chết, quát ngựa chạy ào lên. Nhưng tuần mã của bọn chúng nhanh làm sao bằng những con “thủy mã” độc mộc xuôi dòng thác đón đường quật tiếp.

Từ đó, Vực Bơi đi vào trái tim nhân dân miền Thượng, đi vào những trang sử chiến công chói lọi của dân tộc ta.

Với cách khổ luyện đó, năm 1285, thủ lĩnh du binh miền biên cương của tổ quốc ta là Nguyễn Địa Lô đã lập một chiến công lớn được ghi vào sử sách.

Đó là chiến công bắn chết tên phản quốc Trần Kiện ở đất thiêng Chi Lăng. Tên Việt gian vừa đến trại Ma Lục, đã bị ghìm đầu xuống đất bằng một trận mưa tên bão kiếm. Hàng nghìn xác người ngựa nằm chồng chất lên nhau suốt từ trại Ma Lục đến Đồng Bành, dài đến 8 cây số.

Giữa lúc hỗn quân, hỗn quan, Trần Kiện quát ngựa lồng lên hòng tẩu thoát. Nguyễn Địa Lô đã băng mình trên dòng thác, bằng con “thủy mã” của mình đến Vực Bơi rồi nhảy phắt lên bờ. Vừa đến, mũi tên căng và thẳng như kẻ chỉ của Nguyễn Địa Lô đã hất xác tên phản quốc Trần Kiện lăn nhào xuống đất.

Người Chi Lăng, đất Chi Lăng, một mảnh đất thiêng của đất nước, đã không cho kẻ thù xâm lược thoát thân thì để gì lại để cho bọn bán nước sống sót?

Vực Bơi sôi sục chiến công vào mùa hạ, lại trong mát, yên lành với mùa thu thanh bình, mùa xuân hi vọng và mùa đông ngọt nước cho nương xanh.

ĐỘI HOÀNG TRẮNG

Nhằm bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc chống lại mọi kẻ thù xâm lược trong bất cứ tình huống nào, vào thời nhà Lý, việc tổ chức, huấn luyện những đội quân dự bị đã đạt tới một trình độ rất cao. Thanh niên từ 18 đến 20 tuổi gọi là hoàng nam. Từ 21 đến 60 tuổi gọi là đại hoàng nam.

Riêng ở miền núi phía Bắc, nơi mặt đối mặt với kẻ thù truyền kiếp, việc tổ chức, huấn luyện, tuyển chọn hoàng nam vào các đội hoàng tráng được đặc biệt coi trọng như một kỳ công và là điều thiêng liêng trong cuộc sống mỗi con người, gia đình, dòng họ và quê hương.

Các cụ kể lại rằng:

Cứ mỗi lần có một tiểu hoàng nam cất tiếng khóc chào đời là trống, chiêng nổi lên báo mừng ngân vang truyền từ bản này qua làng nọ. Niềm vui theo trống hiệu mừng náo động cả một châu. Các hoàng tráng, hoàng nam – đại hoàng nam quanh vùng mang gà, rượu, gạo, nếp... vượt đèo, lội suối băng rừng đến ăn mừng, và đón nhận một hoàng nam tương lai. Sau lễ ăn mừng, tiểu hoàng nam được các đại hoàng nam, hoàng nam cử ra một hoàng tráng để đỡ đầu. Từ giờ phút đó, ngoài việc chăm sóc, giáo dục của gia đình, họ hàng, tiểu hoàng nam còn được chăm lo bởi cả một gia đình lớn, gia đình quân nhân dự bị của quê hương. Các tiểu hoàng nam của ta chưa đến tuổi học chữ đã biết tập cầm gươm, bắn cung, dùng nỏ. Tuổi thơ của mỗi người dân vùng núi cao, rừng rậm, bước xuống cầu thang là có thể bất ngờ gặp thú dữ nên phải biết cầm gươm, dùng cung, bắn nỏ để bảo vệ mình. Và khi có kẻ đến đốt nhà, phá nương, cướp của, cướp nước thì biết bảo vệ mỗi ngọn suối trong, mỗi dòng nước ngọt, mỗi khu rừng, mỗi ngọn núi quê hương.

Sau hàng chục năm trời khổ luyện trong sự dạy dỗ công phu của người đỡ đầu và của cả bản làng thân yêu, vào cái tuổi mười bảy “bẻ gãy sừng trâu”, các tiểu hoàng nam náo nức luyện tập cả ngày đêm để khẳng định tài trí của mình trong mùa thi tuyển chọn những đội viên hoàng tráng vinh quang. Trái tim của các hoàng tráng cũng rung lên trong mùa thi này vì nó chứng tỏ tài năng đào luyện của các võ sư trước sự thành đạt của học trò mình.

Hội thi tuyển chọn hoàng tráng mỗi năm mở một lần cho tất cả những tiểu hoàng nam mười bảy tuổi, bắt đầu từ ngày mười lăm tháng chín ta, kết thúc vào mười lăm tháng chạp. Võ đài được dựng lên uy nghi lộng lẫy bằng cây, lá hoa rừng. Quanh võ đài có đài vật, đài đấu kiếm, đài múa gươm, đài phóng lao, trường bắn cung, trường phóng ngựa qua hào bắn cung, phóng lao, múa gươm trên mình ngựa...

Nội dung hội thi rất phong phú. Quan trường thi đều là những võ sư nổi tiếng được tiến cử từ dưới lên.

Cuộc thi kéo dài suốt chín mươi ngày đêm có lý do của nó. Hội thi được sửa soạn rộn ràng, sôi nổi từ trong mỗi gia đình. Các bà mẹ, các chị, tấp nập chuẩn bị nấu rượu ngon bày biện những món ăn bằng đặc sản nổi tiếng của quê mình, chờ đợi ngày hội kết thúc để đón mời con em, cháu chắt mình. Đặc biệt là các cô gái thì lo chuẩn bị những chiếc khăn đẹp nhất, những bộ quần áo sang nhất do chính tay mình dệt ra vải, cắt thêu thùa để tặng người yêu sau mùa thi.

Các võ sĩ dự thi vượt qua vòng sơ khảo cũng không đến nổi căng lắm vì mục tiêu hầu hết là tĩnh, tỷ như bắn cung mười phát trúng hồng tâm cả mười chẳng có gì đáng nói, vì một mũi tên chệch ra vòng chín cũng là điều xấu hổ đối với họ. Phóng ngựa nước đại vung gươm chém đúng vào khúc cây chuối cắm trên đầu cọc dọc hai bên đường, như chém đầu giặc đứng ngậy ngô chờ chết thì đã có gì đáng ngợi khen. Phi ngựa vượt hào, phóng lao trúng giữa miếng da thú căng trên giá gỗ bất động như con thú đã chết nào phải đã là những vũ công hiển hách đối với họ đâu.

Đến vòng chung khảo thì coi chừng. Chỉ trong chớp mắt thôi, thiếu bình tĩnh một khắc, thiếu thông minh và dừng cảm một tí, tính toán sai lầm một li thì cả mười năm công phu rèn luyện có thể thành công cốc như chơi, bởi vì các mục tiêu hầu hết là di động. Chỉ riêng thi bắn cung nỏ thôi, đã thật là

khó. Các thí sinh cùng quan giám khảo tỏa ra nằm mai phục trong những nương lúa đã hoe vàng nặng hạt, uốn câu từ khi mặt trời chưa mọc. Đến khi đã râm ran tiếng chim chào đón mặt trời, các tiểu hoàng nam phải lặng lẽ lên dây cung, chờ đợi. Từng đàn, từng đàn chim sà xuống khắp các nương lúa ríu ran tranh nhau những hạt lúa vàng trên đầu gié mà không hay biết gì về cái chết đang gieo xuống đầu chúng. Từ trong vòm cây lá ngụy trang kín đáo, bất thần quan giám khảo trường thi bật dậy, phát lệnh: — Bắn!

Đàn chim kinh động bay tán loạn lên trời cao, những mũi tên thẳng căng như kẻ chỉ đồng loạt vút theo xuyên qua mình chim như có phép lạ, dính chặt vào nhau quay tròn, rơi lộp độp như mưa giông xuống ruộng nương, đồi bãi. Có mũi tên xuyên tảo hai ba con chim. Nhưng làm sao biết được ai bắn trúng mục tiêu di động là chim đang bay, hơn nữa còn biết được đúng số chim ăn cắp thóc bị trúng tên?

Xin ai chớ vội lo cho hội đồng giám khảo. Số mũi tên phát cho mỗi thí sinh đều có khắc họ tên vào cánh, vào đuôi mũi tên.

Thi bắn cung, không phải một lần mà nhiều lần, từ khi lúa vàng đầu cho đến lúc mảnh nương cuối cùng được thu hoạch xong. Trong thời kỳ này còn xen kẽ thi khéo tay, thi khỏe sức, dai sức qua lao động cụ thể: gặt lúa, bó lúa, gánh lúa, đập lúa, cày nương. Với nội dung đó, mỗi thí sinh được giao một diện tích và chất lượng nương lúa như nhau, đường dài và đến vô đài như nhau. Vậy là toàn bộ công việc từ đầu đến kết thúc, mỗi thí sinh không những cần có sức khỏe mà đòi hỏi phải có đầu óc tổ chức cao, khéo léo, giỏi điều hành công việc. Riêng phần cày nương, tiểu hoàng nam bước vào năm mười bảy, được tự do lấy cày cho mình và chăm điểm trước, được chọn một con trâu hai răng do chính mình chăn dắt nuôi dưỡng, luyện cày trước ngày thi chín tháng mười lăm ngày. Tiếp đến là thi hái cây rào bản, rào vườn. Quảng đường vào rừng hái cây dài như nhau, đoạn rào bằng nhau, làm sao để rào được nhanh nhất, cây rào tốt, hàng rào đẹp nhất, vững chãi nhất, công việc đòi hỏi nhiều tài hoa, tháo vát.

Sôi động hơn cả là vào những ngày cuối cùng của cuộc thi ngôi trên tuần mã đang phi nước đại đuổi mục tiêu di động trên địa hình núi rừng phức tạp và bất ngờ.

Đối tượng phải chiến thắng là những chú khỉ ranh ma kéo nhau từng đàn từng lũ xuống bẻ trộm ngô ở bìa rừng. Chúng rất tinh khôn và cảnh giác. Những chú khỉ trinh sát làm nhiệm vụ canh gác thật là ranh mãnh, chỉ một tiếng động nhỏ, hơi nghi ngờ, là thà nhìn đói đi tìm quả rừng chứ chẳng bao giờ chịu gọi nhau xuống lấy trộm ngô cả. Vì vậy, việc ngụy trang, mai phục của thí sinh là vô cùng khó khăn, phải rất bí mật. Đúng lúc bấy giờ đang mất trước mắt sau theo dõi mọi động tĩnh vừa dỏng tai nghe ngóng tín hiệu của khỉ canh gác vòng ngoài, vòng trong báo cho biết, vừa mài miết bẻ bắp gài đầy vào chiếc dây rừng buộc ngang lưng thì:

— Bắn!

Theo bản năng tự vệ khi có động, cả đàn khỉ biến ngay vào rừng như cơn gió, nhưng những làn tên lại còn nhanh hơn, vút theo chúng, cắm vào lưng làm chúng rú lên và thí sinh buông dây cung xong là trút ngay ngụy trang, ào lên như lộc, nếu chậm một bước chân thôi thì mục tiêu đã biến mất, mặc dầu có nhiều con bị tử thương, vì trong rừng không có loài vật nào làm công việc “tái thương” tuyệt vời như loài khỉ. Trong nháy mắt để mất mục tiêu là mất luôn cả kết quả dự thi vì mũi tên có khắc họ tên của thí sinh cũng biến theo.

Còn một môn thi nữa đó là phóng lao giết sơn dương, dã thú trong rừng sâu và trên núi đá cao giữa ban ngày. Trong môn thi này, chỉ cần thiếu kiên cường một chút, thì ngọn lao không thể nào xuyên từ hông lên đầu con vật được mà có khi trượt ra ngoài. Và tất nhiên như thế là bị đánh hỏng. Còn thi phóng lao giết dã thú như hổ, báo, gấu, thì được tổ chức vào ban đêm. Phải thật dũng cảm, phải có tay kiếm, đường lao tuyệt vời mới mong giành được điểm cao trong môn thi cuối cùng này.

Điểm của tất cả các môn thi được cộng lại, rồi đúng sáng ngày mười lăm tháng chạp, có đủ bà con dân bản xa gần về dự lễ, hội đồng giám khảo công bố danh sách những người con ưu tú của quê hương

được trúng tuyển vào đội hoàng tráng vinh quang. Từ giờ phút ấy, họ là niềm tự hào của quê hương. Người ta tung hô chúc mừng những người trúng tuyển. Hội mừng kéo dài suốt đêm; lượm, sli, ví, đôi, đủ mọi hoạt động vui chơi tung bừng. Những món ăn ngon nhất, những lời nói tốt đẹp nhất của quê hương được dành cho những người trúng tuyển. Tên tuổi họ được ghi vào thế phả của dòng tộc, bản làng.

Những ai không trúng tuyển vào đội hoàng tráng thì ở các đội hoàng Nam. Đó là khi bình yên. Khi nước có biến thì các đội hoàng tráng trở thành nổi kinh hoàng, khiếp đảm đối với mọi kẻ thù xâm lược. Đội hoàng tráng cũng đều lập công to. Nhiều bia đá còn ghi rõ những chiến công huy hoàng của họ. Ở Chi Lăng hiện còn bia đá về một trong những đội hoàng tráng đó.

“Hoàng tráng nhị thập đội”

(Đội hoàng tráng thứ hai mươi)

BẢO ĐÀI SƠN

Bảo Đài Sơn cao vời như một bức tường thành, nằm ở phía đông trận đồ Chi Lăng, đối diện và chạy song song với dãy núi đá phía tây, suốt từ Chi Lăng về Hà Bắc.

Lúc sinh thời, Thân Cảnh Phúc rất thích chơi cá vàng nuôi trong bể có hòn non bộ. Ông có đôi bàn tay nhà võ nhưng lại vô cùng khéo léo khi nặn tượng người tiều phu, nhà sư, miếu mạo, đình chùa. Ông đã tự chế men sứ và nung các tượng nhỏ xíu do mình nặn ra và gắn lên hòn non bộ trong bể cá vàng. Những lúc rảnh việc, nghĩa quân thường quay quần bên ông chiêm ngưỡng cảnh núi non bộ và nghe ông kể chuyện nuôi cá quý, làm cảnh trong nhà. Ông có biệt tài là chỉ cần một nghĩa quân đến Khun Phang mang về cho ông một tảng đất sét trắng, trong một hai ngày sau là ông đã đắp xong một sa bàn trên vuông đất phẳng có đủ bên tả bên giặc, có kỵ binh, tượng binh, chiến sĩ, đồn lũy, thành hào... trông như thật, rõ ràng là hình ảnh một chiến trường được thu nhỏ lại khá tỉ mỉ. Qua mô hình này, ông giảng binh thư và kế hoạch tác chiến cho tướng sĩ. Chỉ cần nghe ông giảng một lần trên thực địa sinh động này là các tướng sĩ đã thuộc lòng trận đánh, kể cả những người không biết chữ.

Sau khi lần lượt chiếm được các chiến ải phòng thủ phía Bắc, Quách Quỳ dẫn đại quân ào ạt tràn xuống phòng tuyến sông Cầu, nhưng không sao vượt qua được phòng tuyến kì lạ của Lý Thường Kiệt. Trong khi đó, nghĩa quân của Thân Cảnh Phúc lại cứ nhè vào chỗ sơ hở sau lưng đại quân “thiên triều” mà tĩa, mà xé rồi biến mất. Quách Quỳ đã ra lệnh cho một lực lượng lớn ở phía sau, trong mười ngày, bằng mọi giá phải làm cỏ cho được tất cả dân binh Đại Việt trong vùng chúng đã chiếm được.

Thân Cảnh Phúc đang dồn tất cả tâm trí vào việc tìm ra cho được nước cờ phá tung thế bao vây của giặc thì một tin sét đánh ập đến.

Có kẻ đã từng cùng ông theo Lý tướng công sang phá thành Ung Châu, từng có công trong những ngày đầu chống giặc, nay bị truy quét và mua chuộc đã đầu hàng giặc.

Một đêm, trong rừng sâu, vừa ngả lưng trên tấm da hổ đầu nóng ran vì nước cờ phá vòng vây của giặc. Thân Cảnh Phúc thấy một cụ già tóc bạc, da mồi, tay phải chống gậy trúc, tay trái bê một hòn núi ngọc tuyệt đẹp tỏa sáng long lanh, trong ánh sáng ấy hiện lên cánh rừng già có quân sĩ thân thiết của ông đang thúc ngựa vung gươm lao vào quân thù. Lại nữa kia, nghĩa sĩ hậu cần của ông đang rót mật ong vào các ống mai chia cho các Ngũ, có cả thịt thú nướng béo ngậy, củ mài trắng ngần đang bốc khói, rồi trái cây rừng... Các nghĩa sĩ nuôi quân có gì vui mà cười nói râm ran đến thế? Ông già đang tươi cười bước lại phía mình. Thân Cảnh Phúc vội vã đứng dậy đón lão trượng, chưa kịp cất lời chào thì lão đã đơn đả:

— Xin kính chào phò mã tướng công! Thưa, có điều gì hệ trọng mà tướng công tỏ vẻ trầm tư làm vậy?

— Thưa lão trượng, tôi đang bị giặc vây bủa khắp nơi, chưa tìm ra cách phá thế cờ của giặc. Nếu lão trượng có kế gì hay, chỉ giáo giùm, xin đa tạ! Kìa, lão trượng có trái núi gì mà xem ra kỳ ảo làm vậy?

— Xin thưa, lão chẳng có kế gì hay, nhưng có chút quà mọn mang biếu phò mã tướng công đây: Hòn non bộ này là Bảo Đài Sơn, Bảo Đài Sơn!

— Ôi, quý hóa quá! Đánh giặc xong tôi xin đền ơn lão trượng. Tôi sẽ đặt Bảo Đài Sơn vào bể cá vàng, cho người tới rước lão trượng về ăn mừng đại thắng.

Bỗng nhiên một tên bán nước ló ra, nhe răng cười khanh khách, vung gươm bổ xuống đầu lão trượng. Cảnh Phúc giật dử hét lên, rút gươm chém lìa tay gươm của hắn. Hắn rú lên như con thú bị thương. Cảnh Phúc sai vệ sĩ trối hắt lại chờ xét xử sau. Nhìn trước, nhìn sau ngơ ngác không thấy lão trượng đâu nữa cả, ông cất tiếng gọi to:

— Lão trượng! Lão trượng! Tỉnh dậy, ông mới biết mình mơ.

Ông kể lại cho các tướng sĩ rõ giấc mơ kỳ lạ của mình và truyền lệnh:

— Rừng núi quê hương sẽ nuôi ta, chở che ta đánh giặc. Nội nhật đêm nay, ta phải liên lạc được với tất cả sĩ tốt của ta ở những nơi đang bị vây hãm, bí mật rút về rừng đại ngàn, về Bảo Đài Sơn. Tất cả về Bảo Đài Sơn để nhận lệnh ta phá thế vây ép của giặc.

Sau khi tập trung được lực lượng, củng cố được cứ địa, từ Bảo Đài Sơn, kỵ binh cùng bộ binh của ta dưới sự chỉ huy của Thân Cảnh Phúc, đã phá tan vòng vây và mưu đồ của giặc, hòng tiêu diệt dân binh ta trong vùng chúng chiếm đóng.

HÒN ĐÁ MỒ LỘN

Tập kích sang đất Tống phá tan tành các cơ sở kho tàng vũ khí, lương thảo mà giặc chuẩn bị công phu cho cuộc tiến công ăn cướp đất nước ta, quân ta trở về. Theo tiếng gọi cứu nước của Lý tướng quân, các nghĩa sĩ từ khắp các bản làng hẻo lánh xa xôi kéo về Chi Lăng đầu quân trùng trùng điệp điệp. Dân ở các vùng gần xa gánh gạo, khiêng lợn đến khao quân, người đi như nước chảy. Hiếm có hội nào mà niềm vui lại tràn đầy hào khí như hội khao quân và hội đầu quân.

Niềm vui, nào phải đợi đến lúc mở tiệc khao quân mới có, niềm vui bắt đầu từ lúc các nghĩa sĩ hậu cần mài dao mổ lợn. Ấy là lúc những cô gái quê hương, ăn mặc đẹp như ngày hội, mở nắp các hũ rượu ngon nấu bằng nếp hương do chính tay các cô, các mẹ làm ra và gánh đến nuôi quân, hứng tiết lợn vào hũ rượu, những con lợn béo, do chính tay các chị chăm nom nuôi nấng, cũng lại do vai mình gánh về đây góp phần vào quỹ nuôi quân.

Khi những miếng gan tươi được cắt thành miếng mỏng, đặt vào những chiếc bát đàn[4], các cô gái Tày, Nùng, Dao... rót rượu còn tươi màu huyết lợn, nâng hai tay mời các nghĩa sĩ hậu cần với lời chúc mừng:

Vừa nuôi tướng sĩ giỏi.

Vừa lập công to.

Quanh những hòn đá mổ lợn, khi vang lên những tiếng cười râm ran, vút lên những lời ca sli, lượn... ngọt ngào, ấy là mở đầu niềm vui bữa tiệc khao quân và mãn cuộc vui, dân bản ra về sau khi họ đã làm tròn nghĩa vụ quê hương.

Những tên thám tử của giặc, len lỏi trong khe dọc và rừng sâu, mon men bò ra bìa rừng như con báo kiếm mồi, đến ven bờ sông, áp sát tai vào nơi đang mổ lợn, nghe ngóng...

Mặt trời đã khuất sau dãy núi đá phía Tây, các khe sâu đã ngả sang màu lam thẫm, lấp lóa trong sương chiều, rừng đã chìm dần trong cảnh trời chập choạng, chỉ còn con sông Thương là rõ nét qua mặt nước hắt lên ánh bạc.

Các cô gái quê hương cùng các hỏa đầu quân khiêng thịt và quẩy các hũ rượu pha tiết về bếp lửa làm việc tối khao quân, người về cuối cùng là lực sĩ người Nùng họ Triệu, vì bận ở lại mức nước, rửa sạch hòn đá mổ lợn quen thuộc để gà gáy sáng mai lại khiêng lợn ra đây làm phận sự lạng lẽ của mình.

Đúng lúc đó, từ trong bìa rừng, bốn bóng đen bất thần từ bụi cây leo rậm rạp lao ra, vung kiếm xô vào vây chặt lấy anh. Chỉ còn một con dao mổ lợn trong tay, anh vung lên chống trả lại những đường kiếm hiểm. Tiếng gươm, dao chát chúa tóe lửa, nghe lạnh cả gáy. Một đường kiếm lướt nhanh qua đầu, cắt đôi con dao của chàng nghĩa sĩ họ Triệu, khiến anh lão đảo. Anh chỉ còn chờ lưỡi kiếm thù trong chớp mắt bổ xuống đầu anh... Nhưng không, chúng không giết anh. Một thằng nói gần trong cuống họng:

— Hàng đi!

A! Chúng bay định bắt sống tao hả? Một ý nghĩ lóe lên trong đầu chàng trai họ Triệu. Người anh nóng bừng bừng. Anh vờ giơ tay hàng trước ánh mắt đắc thắng của kẻ thù rồi nhanh và mạnh như con hổ đực, anh ngôi thụp xuống, bằng sức mạnh phi thường của mình, anh nâng bổng hòn đá mổ lợn lên cao và hét lên!

— Hàng này!

Cả hòn đá tảng ụp xuống đầu hai tên giặc, một thằng bẹp gí, một thằng chuôi ra, nhưng không kịp nữa, hòn đá đã chẹn cứng hai đùi, anh lao đến cướp kiếm tên giặc, vung lên, tung người nhảy đến hai tên thám tử khác, chúng kinh hoàng bỏ chạy vào rừng. Anh chém với theo một thằng chặt được một cánh tay hấn...

Cuộc chiến đấu bất ngờ, không cân sức, diễn ra nhanh đến nỗi, sau tiếng thét của lực sĩ họ Triệu, bạn

đồng ngũ kéo đến thì mọi chuyện đã kết thúc, họ công kênh anh lên, tung hô anh, chúc mừng chiến công của người lính hậu cần mà hòn đá mỗ lợn thân quen của anh lại hóa thành một thứ vũ khí lợi hại. Và từ đó về sau, tiệc rượu chúc mừng bên hòn đá mỗ lợn đối với nghĩa sĩ hậu cần đã trở thành truyền thống tốt đẹp, đầy tinh thần thượng võ.

NÚI QUỶ

Đứng từ Quỷ Môn Quan nhìn sang phía đông, tầm mắt vượt qua một khoảng trống chừng hai trăm mét ta bắt gặp một dãy núi đá sừng sững chằng trước mặt.

Dãy núi nằm dài từ bắc xuống nam, có bảy ngọn liên tiếp giống như một con rồng châu trên tranh khắc gỗ ở đỉnh chùa cổ kính. Ở lưng chừng ngọn núi thứ nhất, từ bắc xuống, nhô ra một cái đầu con quỷ bằng đá, hình thù giống như con quỷ trong những bức tranh thờ nơi miếu mạo. Không biết đích xác con quỷ ấy có từ bao giờ nhưng theo người già kể lại thì như sau:

Rặng núi Quỷ ngày xưa cũng bình thường như những rặng núi khác. Trong cuộc kháng chiến chống quân nhà Tống lần thứ nhất (981) có mười bảy người lính trấn ải, là con em các dân tộc ít người ở địa phương được các bộ lão tuyển chọn và do đích thân Lê Hoàn cử họ trấn giữ Quỷ Môn Quan. Trong đêm ông ngự ở hang Thái Đức, mười bảy người lính trấn ải ở núi Quỷ đã gieo kinh hoàng cho quân xâm lược Tống khi chúng ào ạt tấn công cửa ải này. Trong một trận chiến đấu vô cùng chênh lệch ở thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh giữ nước, mười bảy chiến sĩ trấn ải ở núi Quỷ đã bằng những mũi tên lợi hại của mình bắn ngã hàng trăm tên địch. Ý đồ của địch đánh lướt qua các ải để tiến nhanh về Thăng Long bị chặn đứng ở Quỷ Môn Quan. Hầu Nhân Bảo uất quá, sai hàng ngàn lính bao vây quả núi, quyết tiêu diệt những người lính trấn ải này. Một cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt xảy ra: đá, tên độc đã làm cho quân địch chết, lớp lớp chồng lên nhau. Cuối cùng, vì giặc đông nên chúng đã chiếm được quả núi. Bảy chiến sĩ xung phong ở lại chặn địch cho mười bạn chiến đấu rút vào rừng sâu và đã hy sinh oanh liệt ngay tại cửa hang Thái Đức.

Quân giặc uất quá, chặt đầu bảy người lính trấn ải cắm lên cọc làm thành một hàng dài rồi xẻo mũi, cắt tai nhắm rượu.

Đêm ấy trời đổ mưa lớn, sấm bão dữ dội. Sáng hôm sau, nhân dân địa phương thấy ở trên rặng núi nổi lên bảy ngọn cao vút, ở ngọn núi phía Bắc nhô ra đầu một con quỷ đá.

Người già bảo rằng: Bảy ngọn núi ấy do các nàng tiên trong đêm mưa bão đã gánh đất đắp mộ cho 7 người lính trấn ải đã hy sinh vì đất nước. Các nàng tiên đã sai con quỷ ra nằm gác cho bảy chiến sĩ vô danh yên giấc ngàn thu. Nhưng con quỷ thiêng ấy lại không có lỗ mũi.

Mãi đến mùa xuân năm 1076, sau chiến thắng vang dội của cuộc tiến công tự vệ bốn mươi hai ngày, Lý Thường Kiệt về Thăng Long nghỉ ngơi, chưa được một ngày lại phóng ngựa lên đường đi kinh lý phương Bắc để củng cố các cửa ải và về xây dựng phòng tuyến sông Cầu nổi tiếng để bảo vệ đất nước.

Trên đường đi kinh lý, đến đâu, ông cũng được nhân dân đón tiếp nồng hậu và sẵn sàng cùng ông quên mình vì sự nghiệp giữ gìn nền độc lập của dân tộc. Chim muông, cỏ cây, hoa lá cũng hát mừng, chào đón vị anh hùng dân tộc. Kỳ lạ thay, khi ông vừa đến cửa Quỷ môn, dừng ngựa nhảy xuống đất, bỏ mũ, nghiêng mình bên núi Quỷ, tưởng nhớ những người lính trên ải đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất thì bỗng dưng trời tối sập lại, mây đen từ phương Bắc tràn về phủ kín núi rừng, chim chóc đang hót bỗng ngừng bật. Nhìn lên đầu quỷ, trong đám mây đen dày đặc, từ đôi mắt con quỷ, phóng ra hai luồng hào quang sáng rực. Tự nhiên Lý Thường Kiệt thấy mũi mình ngạt thở. Ông bất giác kêu lên: “A, cái mũi!”. Ông đặt mũi tên lên và giương cung, ngắm đầu con quỷ và nói với các tướng sĩ tùy tùng đang kinh ngạc vây quanh:

“Nếu con Quỷ thiêng này tượng trưng cho tinh thần bất diệt của những người lính trấn ải nơi biên thùy đã quả cảm ngã xuống vì sự sống còn của dân, của nước thì không những cần có đôi mắt sáng để nhìn thấu tim gan của giặc mà còn có cả cái mũi tinh nhạy để phát hiện mùi hắc ám của chúng cách xa hàng vạn dặm”.

Dứt lời, ông bật dây cung. Mũi tên vàng lao vút xuyên đúng mũi con quỷ. Trời bỗng bừng sáng. Chim chóc lại hót tung bừng, hoa rừng lại ngào ngạt đưa hương.

Dấu vết của chiếc tên vàng khai thông cho mũi con quỉ còn lại mãi đến tận bây giờ, đến xem núi Quý, không ai là không ngạc nhiên trước chiếc lỗ mũi kỳ lạ đó.

HANG QUỲ MÔN

Đứng trên mặt thành Quỷ Môn Quan, hướng về phía mặt trời mọc, chúng ta thấy một hệ thống hang động, từ hang hạ, hang trung, đến hang thượng trên núi Hàm Quỷ giống như những con mắt thần đang bí mật dõi theo mỗi hành động nhỏ của ta.

Một lối mòn như con trăn mọc, trườn lên sườn núi dẫn ta tới cửa hang Quỷ Môn. Từ vòm cửa tò vò, một luồng gió mát rượi như mời mọc, như vuốt ve, khiến lòng ta lâng lâng và đắm mình trong những suy tư về rất nhiều kỷ niệm của những câu chuyện xa xưa.

Thuở ấy, đã lâu lắm rồi, từ thời tướng quân Lý Thường Kiệt lên đây cùng quân dân dân trấn đồ chống giặc giữ nước, một đêm cuối thu, trời se se lạnh, trên phiến đá to phẳng lý, đen bóng như chiếc sập gỗ mun nổi lên ở giữa hang, một bếp lửa gỗ nghiêng nỏ lép lép, bập bùng, đỏ rực soi rọi vào những cây thạch nhũ nhiều hình, nhiều vẻ, như có bàn tay kỳ diệu của người nghệ sĩ đắp nên từ trần hang rủ xuống, lung linh, kỳ ảo... Không ai để ý đến cảnh sắc huyền diệu ấy cả. – Bên bếp lửa, những người lính trấn ải đang quây quần quanh vị tướng thân thiết của mình. Đêm nay họ mời ông dự bữa ăn theo phong tục của địa phương khi có khách quý đến nhà. Chiếc đèn nai tươi rói treo bên cạnh bếp lửa, mùi rượu nếp nướng trong chiếc hũ sành được vắn bên bếp lửa tỏa hương thơm nồng ngát. Từ trong những chiếc bát đản của khách và chủ, mùi khinh sa (một loại gừng thơm dùng làm nước chấm rất ngon, chỉ ở núi đá cao mới có) ngào ngát đầy quyến rũ đang lặng lẽ tỏa hương. Nồi canh gà lôi xào gừng đang sôi sùng sục... những chiếc que nướng thịt vẫn nguyên, bát rượu thề vẫn nguyên... tất cả vẫn nguyên, chưa ai đụng tới bát đĩa, họ đang mãi mê uống từng lời của vị tướng quân đang giảng giải cặn kẽ thể giặc, thể ta và kế giữ nước cho các nghĩa sĩ của mình. Giọng điềm tĩnh, trầm hùng đầy tự tin của ông đã cuốn hút tâm tư những người lính, khiến họ quên hẳn cả việc mời ông nâng bát rượu thề.

— Muốn giữ được nước phải yêu dân, lòng dân không yên, nhân tâm ly tán, mất dân là mất nước, nước mất thì nhà tan, tổ tông, sông núi, ô danh ngàn thu không thể nào rửa sạch... Vị tướng quân ngừng nói nhưng âm hưởng như vẫn vang lên mãi, ngọn lửa như hồng thêm, tỏa ngời trên từng gương mặt, giây phút lặng như tờ bỗng một nghĩa sĩ trẻ, rụt rè thưa:

— Dạ bẩm tướng công, con nghe các cụ nói: Ở ngách hang chính này nằm sâu trong lòng núi có chứa một kho của lớn, nhiều vàng bạc và kiếm báu, chỉ có tướng công mới biết cách mở qua 9 lần cửa đá để lấy được của và kiếm báu mà thôi, thưa... có phải thế không ạ! Nếu phải thì...

Nghe vậy, tướng quân cười lớn, tiếng cười của Người vang âm cả đêm cuối thu.

— Ta không mở được 9 lần cửa ấy nhưng ta biết có người mẹ vùng này có thể đến được kho báu ấy lấy của và kiếm báu ra cho các nghĩa sĩ dùng để đánh giặc giữ nước. Người mẹ Tày ấy có 9 đứa con trai đầu quân cả 9. Các người vờ người mẹ ấy về sẽ mở được cửa kho kia...

Đêm ấy, lính trấn ải Quỷ Môn Quan tiễn đưa vị tướng quân kính mến của mình về xuôi kịp khi mặt trời lên để Người thị sát phòng tuyến sông Cầu. Tướng quân không ngủ. Lính cũng không ngủ. Vâng theo lời dặn của ông, họ chong đèn lục sổ quân tìm ra người mẹ có 9 người con trai cùng đầu quân, họ đốt đuốt, băng rừng, vượt qua chín đèo cao, chín suối sâu đến được nơi mẹ ở. Họ vờ được mẹ về mở cửa kho báu lạ lùng này. Vừa đến nơi, mẹ sai thấp hương lên, mẹ khấn hương hồn các vị anh hùng đã có công giữ nước và dựng nước, rồi điềm tĩnh lật chiếc khăn chàm, mái tóc bạc phơ của mẹ bay trong làn gió nhẹ thổi từ hang sâu, mẹ dứt một sợi tóc, hai sợi tóc, ba sợi tóc... đến sợi thứ 9 mẹ dừng lại, lấy tay khéo léo uốn chín sợi tóc bạc trắng của mẹ thành hình chín chiếc chìa khóa bạc. Mẹ lấy chiếc chìa khóa thứ nhất đặt vào vách đá, khẽ rì rầm khăn gi đó rồi vỗ nhẹ vào vách đá, bỗng vách đá nứt đôi rồi từ từ mở ra, thành lối vào.

Mẹ vẫy những người lính lại gần, căn dặn:

Khi đi theo mẹ, không ai được làm điều gì trái ý mẹ nếu không vâng lời, các con sẽ mãi mãi phải ở

lại trong hang này.

— Vào cửa thứ nhất, một bản làng thân thuộc, trù phú và xinh đẹp tuyệt vời hiện ra trước mắt mọi người.

— Qua cửa thứ hai những dòng suối trong vắt chảy êm đềm trong lũng đầy hoa, cá chen nhau bơi lội tung tăng trong dòng nước bạc.

— Qua cửa thứ ba: Những vườn quả bát ngát, trĩu cành, ngào ngạt đưa hương.

— Qua cửa thứ tư: Rừng đại ngàn mệnh mông đầy chim và gỗ quý, những đàn hươu, nai, sơn dương, hổ, báo... quanh quẩn bên chân mọi người, hiền lành và bạo dạn.

— Qua cửa thứ năm: Cảnh hội chợ đông vui tung bừng chưa từng thấy hiện ra, la liệt những hàng quán chứa đầy của quý, từng đoàn trai gái mặc đẹp như tiên giáng trần, đang ca hát khắp nơi.

— Qua cửa thứ sáu: Mọi người đều kinh ngạc trước những kho vàng bạc, hương thảo đầy ắp, dài vô tận.

— Qua cửa thứ bảy: Một cảnh tượng khủng khiếp hiện ra: Làng bản bị quân thù đốt phá, lửa cháy ngút trời, chúng đang cầm chân trẻ em dốc ngược, xé các em làm hai mảnh, quăng vào lửa rồi cười sằng sặc... Nếu không có bàn tay và ánh mắt nghiêm nghị của mẹ ngăn lại thì những người lính tay không, đã lẫn xả vào giữa quân thù quyết sống mái với chúng...

— Qua cửa thứ tám: Họ gặp những anh hùng trong sử sách đón tiếp họ nồng hậu như những người cha đón các con từ biên cương chiến thắng trở về. Rồi tất cả những anh hùng của các thời đại dẫn mẹ và những người lính đến cửa thứ chín.

— Cửa thứ chín mở tung. Một kho gươm báu hiện ra ngời ngời ánh thép, những chiếc chuôi nạm ngọc tỏa sáng trong tay những người anh hùng.

Câu chuyện mang nhiều tính chất huyền thoại nhưng dù hang Quỷ Môn có chứa đầy của cải, vàng bạc và kiếm báu to bằng cả núi Hàm Quỷ đi nữa thì cũng chẳng thấm thía gì so với tấm lòng vĩ đại của người mẹ Việt Nam có lòng yêu nước mệnh mông, vô tận.

HỔ BẦY NGỰA

Tời hôm nay, như tối sớm hơn mọi ngày. Gió mùa đông bắc cuốn theo những đám mây u ám, lạnh cắt da tràn qua cửa ải vào cánh rừng đại ngàn. Cây cỏ thụ vận mình kêu rang rắc, những chiếc lá vàng quay tròn trên những đồng lửa đang cháy lên rừng rực trong cơn gió thổi. Những người lính đội ngũ chỉnh tề, ngồi bên những đồng lửa im phắc, da mặt ánh lên màu đồng, mắt sáng lên như có lửa, tất cả đều hướng về góc một cây đại thụ được cắt bằng, cao ngang ngực, bề mặt tròn xoay, to gấp rưỡi chiếc mâm đồng đại. Trên đó, ngọn lửa tỏa sáng trong chiếc ống đại chứa đầy nhựa trám. Khuôn mặt quắc thước của vị tướng già từng trải, vị chỉ huy tối cao trí dũng song toàn, tài kiêm văn vũ sáng bừng lên. Giọng nói của ông ngân vang như chuông đồng, chuông bạc, át cả tiếng gió rừng:

...“Tóm lại, giặc cây trường trận, ta cây đoản binh, lấy đoản chế trường, là việc thường của binh pháp...”. Và điều cốt tủy là “Vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận cả nước góp sức, tướng sĩ một lòng phụ tử” tài giặc nào cũng phải tan.

Trần Quốc Tuấn dừng lại, đôi mắt sáng nheo nheo, khuôn mặt quắc thước và đôi mắt rực lửa của người anh hùng biến đi sau nụ cười của một người cha nhân hậu của tuổi bảy mươi hai, tóc bạc như cước, nhưng sức lực còn cường tráng bộc lộ qua bước đi nhanh thoăn thoắt khi ông rời khỏi khúc cây thay bọc giảng, bước xuống hàng thứ nhất của đoàn quân, bất ngờ chỉ vào một người lính trẻ măng ngồi hàng đầu, hỏi:

— Trong ba quân của giặc, nhà ngươi cho quân nào mạnh nhất?

Người lính trẻ, đứng phắt dậy cung kính thưa:

— Bẩm tướng quân: Kỵ binh giặc mạnh nhất ạ!

Quốc Tuấn gật đầu mỉm cười, hỏi tiếp:

— Kỵ binh giặc mạnh nhờ đâu?

— Thưa tướng quân, chúng mạnh nhờ những con tuấn mã được luyện tập kỹ và đã dày dạn chiến trường.

— Làm cách nào chế được sức mạnh của nó?

— Xin thưa: Giết chiến mã trước, diệt lính kỵ mã giặc sau, lính kỵ mà mất mã chẳng khác nào bị chặt đứt hai chân.

— Chí phải, nhưng dùng cách gì diệt mã?

— Thưa, đào hố bẫy mã, xen kẽ quân đồn thổ suốt dọc đường kỵ binh tiến vào là diệt được ạ!

— Kế ấy hay lắm, đáng mặt con dân Đại Việt anh hùng, đáng trọng thưởng...

Quốc Tuấn ôm chặt người lính trẻ, mái đầu bạc hòa với mái đầu xanh trong tiếng tung hô vang dậy của tướng sĩ giữa rừng đêm sáng ngời lửa trại bập bùng...

Hổ bầy ngựa đi vào lịch sử chống quân Nguyên với tư cách một kỳ công sáng tạo trong chiến thuật giết giặc giữ nước.

Đó là những hố hình tròn, đường kính từ 0m80 – 1m20, sâu từ 1m80 đến 2m, có bậc giữa lên xuống cơ động, chỉ cần đặt chân vào bậc đó có thể nhảy phắt lên mặt đất trong chớp mắt. Nấp đây hổ bầy ngựa hình tròn theo kích thước sát với miệng hố, đường kính nắp hố kéo dài sang hai phía, cắm vào hai lỗ bên thành hố tạo thành chiếc trục quay. Nắp gỗ đó được nguy trang theo đúng địa hình nơi đào hố, nếu là nương bãi thì được nguy trang bằng cỏ cây của chính nó, nếu ở trong rừng già được phủ bằng lá khô, nếu ở khe dọc, bờ suối, được phủ bằng sỏi đá hoặc cây lá của khe, suối. Chỉ cần một trọng lượng nhỏ đặt lên chiếc nắp gỗ nguy trang kia là trục nắp sẽ quay liên và cuốn vật đó xuống hố. Trong lòng hố có một hàm ếch đào hướng về phía kẻ thù tiến đến. Xen kẽ giữa những hố bầy ngựa có nắp đây nguy trang, có cả hố độn thổ lộ thiên và hố độn thổ cũng được nguy trang như hố bầy ngựa.

Với chiếc hố bầy ngựa hình tròn nắp có trục quay dưới có hàm ếch như vậy, người lính chặn giặc có

mấy lợi thế đặc biệt.

— Nếu kẻ thù dùng tên độc cỡ lớn bắn cầu vòng, dù có rơi trúng hồ bầy ngựa và hồ độn thổ thì cũng không xuyên qua nắp hố được. Ở những hố lộ thiên có lính mai phục của ta, nằm gọn trong hàm ếch, chẳng mũi tên nào đụng tới được lông chân của họ.

— Nếu dùng tên độc bắn thẳng thì chỉ cắm vào vách hố đối diện theo đường chéo của đường tên. Và như thế là chẳng những quân Nguyên không tiêu diệt được ta mà vô tình đã tiếp tế mũi tên cho quân ta.

— Nếu dùng lao phóng tới cũng vậy, chẳng ai nhằm gì.

— Nếu liều chết xông tới, dùng thương đâm thẳng xuống cũng không trúng, dùng kiếm chém cũng không bén.

Ngược lại, quân ta ung dung ngồi dưới hồ bầy ngựa chờ đợi phút lập công, vó ngựa đối phương chỉ cần chạm đến nắp hố đã nguy trang, nắp quay liền, hai vó buông lủng lơ trong hố, quân ta mai phục trong đó chỉ cần dùng đoản đao sắc như nước phật đứt phăng hai vó, con tuấn mã gập lên lăn quay giãy giụa.

Cái hồ bầy ngựa đơn giản vậy thôi mà góp phần làm cho Thoát Hoan ôm đầu máu chạy bán sống bán chết về nước. Hồ bầy ngựa hợp đồng tác chiến với tên độc từ dưới đất bắn lên, từ rừng sâu vách núi bắn xuống như mưa thì địch dù đông, dù mạnh đến đâu cũng đành nộp xác cho quân ta. Hồ bầy ngựa thật là một sáng tạo kỳ diệu của quân dân Đại Việt trong những cuộc chiến tranh giữ nước ngày xưa.

LŨNG NGÀN

«*T*hoát chết, lọt qua khu Cẩm Địa

Bạc tóc quân Nguyên tiếng Lũng Ngàn».

Từ cửa ải Chi Lăng dọc theo triền núi đá phía tây, ngược lên phía bắc chừng mười cây số, cách con cầu bắc qua sông Thương chừng một cây số đến đầu thị trấn Đồng Mô, bên trái là thành núi đá thoải xuống bình địa chạy một vòng cung lõm vào, rồi lại vươn cao tí tấp, trập trùng. Vòng cung tạo thành một thung lũng nhỏ, đó là Cẩm Địa, có Đền Cẩm được xây dựng trên đây. Qua Cẩm Địa, theo thác nước vượt qua Đèo Rộ, lên lưng chừng núi đến đỉnh đèo, tầm mắt ta được mở ra theo hình chiếc quạt giấy xòe rộng bằng phẳng, xung quanh là triền núi đá cao hai góc của “chiếc quạt giấy” trời cho này được nổi tiếng bởi hai đèo vượt lên cao. Qua đèo bên phải là sang Nà Noong, phía bắc. Qua đèo bên trái, lên Miếu Cô, từ Mỏ Thiếc đến Mỏ Ba là bạt ngàn núi rừng Việt Bắc.

“Chiếc quạt đó” là Lũng Ngàn, một khu rừng già bằng phẳng hiếm có giữa muôn trùng núi đá. Điều đáng quý là giữa Lũng Ngàn có một dòng suối mát, quanh năm nước chảy trong vắt, ngọt ngào, cây cỏ bốn mùa tươi xanh. Có một mẩu chuyện nhuộm màu huyền thoại về Lũng Ngàn như sau:

Trong dịp đi kinh lý vùng biên thùy phía Bắc để truyền hịch và trực tiếp thị sát trận đồ chống giặc Nguyên lần thứ nhất, khi quay trở lại Chi Lăng, Trần Hưng Đạo đã nghỉ đêm với các tướng sĩ ở trận tuyến quan yếu này. Sau bữa cơm chiều, ông hỏi các tướng sĩ Chi Lăng đang vây quanh mình như sau:

— Thế tiến đánh căn bước tiến, chia cắt và tiêu hao giặc của trận địa ta như thế là hay. Nhưng thế giặc mạnh như thác đổ lúc ban đầu, xong việc chế ngự giặc quân ta tạm thoái để bảo toàn sinh lực, phải xây dựng căn cứ đánh trong lòng giặc, tạo thời cơ quét sạch ra khỏi bờ cõi thì hướng chính là phía đông hay tây?

— Thừa tướng quân, hướng chính là rừng đại ngàn phía đông, di động ở vùng rừng núi đất này vừa nhanh vừa thuận cho tiến công – Vị chỉ huy trận địa Chi Lăng kính cẩn thưa.

— Nhưng còn dân?

— Thừa tướng quân, còn dân thì xin đưa vào rừng núi đá là nơi hiểm trở, nhiều hang động và an toàn. Xa dân, dễ đánh giặc.

— Thế thì hướng thoái chủ yếu của ta vào vùng rừng Đại Ngàn chưa ổn. Thử xem lại ra sao! Giặc mạnh về kỵ binh, cứ địa chủ yếu của ta là rừng núi đất, vừa dễ bị bao vây, vừa dễ bị tiến công. Nếu quân ta bị vây hãm lâu, dễ nguy khôn – xa dân chưa hẳn đã hay... Nếu xây dựng cứ địa ở vùng rừng núi đá thì tiến, thoái do địa hình này xem ra chưa được thuận. Liệu có nơi nào mở lối cho ta chăng? Ngày mai ta đi xem lại địa thế phía tây. Cần coi trọng cả hai cứ địa đông – tây.

Đêm ấy, trong giấc ngủ giữa chiến ải lừng danh từ thời Tiên Lê đến thời Lý, vị tổng tư lệnh họ Trần mơ thấy một nàng Tiên mang tặng ông một bông hoa bằng ngọc và một chiếc quạt bằng vàng nhưng lạ lùng thay, lại xòe ra và xếp lại được như chiếc quạt giấy mà tướng công đang dùng. Kỳ lạ hơn nữa là khi quạt xòe ra thì thấy xuất hiện tướng sĩ của ta đang ào ào đuổi giặc Nguyên trên khắp mặt quạt và chập lại thì đoàn quân biến mất, chiếc quạt biến thành dòng suối mát chảy tràn qua tay áo, chảy tràn khắp người của tướng quân. Hưng Đạo tỉnh dậy mới biết là mình nằm mơ. Đàng đông, mây đã ửng hồng trên ngọn núi, chim rừng đang thi nhau ca hát gọi mặt trời...

...Uống xong tách trà sáng, Trần Hưng Đạo dẫn đầu đoàn tướng sĩ tùy tùng đi thị sát dọc theo triền núi đá, đến Cẩm Địa, ông bỗng reo lên:

— Đâm vào sườn giặc trước khi chúng đặt chân được vào cửa ải không đâu bằng nơi này. Chia cắt đại quân của chúng ra từng khúc, chặn hậu cho trận địa chính không đâu bằng nơi này.

Vượt qua đèo Rộ, Trần Hưng Đạo chưa kịp dừng chân nghỉ tạm ít khắc, ông vội rảo bước theo dòng

suôi đi khắp một vòng quanh Lũng Ngàn, vui sướng nói với các tướng sĩ tùy tùng:

— Đúng là chiếc quạt vàng mà tiên đã cho ta đêm qua là đây.

Mọi người đang ngơ ngác thì vị Tổng tư lệnh bỗng cười vang cả Lũng Ngàn. Ông kể lại cho họ nghe giấc mơ đêm qua trên chiến ái...

Với địa thế hiểm trở, có lợi thế cho cả tiến công và phòng thủ hiểm có, Lũng Ngàn – Cẩm Địa, liên hoàn với Động Mồ đã trở thành trận địa then chốt trước cửa ngõ phía bắc của trận đồ Chi Lăng. Giặc Nguyên Mông mạnh là thế, nhưng chỉ trong vài tuần lễ, vó ngựa của chúng đã từng tung hoành gần khắp châu Âu, muôn qua mảnh đất Cẩm Địa nhỏ xíu này, muôn qua ngọn Đèo Rộ không đáng kể này mà không sao vượt nổi. Hàng ngàn quân tinh nhuệ của chúng được tung vào cửa ngõ này, thì hoặc nằm lại vĩnh viễn dưới chân đèo, hoặc khiếp vía tháo chạy bật trở ra. Chúng đánh mãi, càng đánh càng chết nhiều đến phát chán, tặc lưỡi bỏ đi để tìm về mục tiêu chính là Thăng Long, vì lấy được Thăng Long là lấy được tất cả, chẳng cần chiếm cái hẻm núi này làm gì. Cay đắng và chua chát làm sao, ngay cả khi chiếm được Thăng Long, chúng vẫn không làm sao bước qua nổi cửa ngõ này.

Để tưởng nhớ công lao của vị anh hùng cứu nước, nhân dân các dân tộc địa phương đã lập đền Mỏ Ba sau Lũng Ngàn để thờ đức Thánh Trần và những anh hùng nghĩa sĩ vô danh thời Trần đã bỏ mình vì nước bảo vệ vững chắc cứ địa Chi Lăng.

QUẢNG TRƯỜNG ĐỒNG ĐỊNH

Cách Biệt Thự xứ, về phía bắc chừng một cây số, giữa quốc lộ cũ và sông Thương là một khoảng đất khá rộng thoải dần về phía bờ sông. Giữa khoảng đất rộng hàng trăm mẫu ấy, nổi lên một doi đất cao giống như nền cột cờ, đó là quảng trường Đồng Định. Mảnh đất này đã được chứng kiến những chiến tích chống ngoại xâm làm xúc động lòng người.

Một buổi tối tháng Chạp, năm 1075. Gió lạnh thấu xương, mưa phùn theo gió quạt vào mặt người đến tê rát. Thế nhưng ở quảng trường Đồng Định, lửa vẫn cháy sáng rực. Hàng vạn nghĩa binh, dân binh giữa trời đêm giá lạnh, cặp mắt sáng bừng như lửa, chăm chú hướng lên doi đất cao, trên đó tướng quân Lý Thường Kiệt như một bức tượng đồng, đang đồng dục truyền đến tướng sĩ ngọn lửa của trái tim yêu nước sáng ngời của ông, ngọn lửa của những quyết định đặc biệt quan trọng về đường lối chiến thuật, chiến lược, tài ba của ông trong những giờ phút quyết liệt nhất của lịch sử:

— Hỡi các tướng sĩ, chúng ta có quyết thắng kẻ giặc hung bạo không?

Tiếng hô vang động cả núi rừng. Những cánh tay lửa, cả biển lửa trào lên biểu lộ sự đồng tâm nhất trí cao của binh sĩ, trước quyết định vô cùng sáng suốt về kế chống giặc của tướng quân.

Cũng từ đêm ấy, khoảng đất vô danh này, đã đi vào lòng người miền xuôi cũng như miền ngược thành cái tên hào hùng “Quảng trường Đồng Định”.

Hơn hai thế kỷ sau, một buổi sáng mùa đông (Tháng 1-1285), “Quảng trường Đồng Định” rợp trời cờ xí, gươm giáo sáng lòa, chiêng trống vang lên, những cánh tay “sát Thát” vung cao tiếng tung hô dậy đất. Hàng vạn nghĩa sĩ và dân binh miền núi chào đón Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn.

Giữa quảng trường im phăng phắc, chỉ còn nghe gió núi hú trong lòng khe và cây rừng xào xạc, một giọng nói hùng hồn, danh thép vang lên...

...Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa. Chỉ giận không được ăn thịt năm da, nuốt gan uống máu quân thù. Tuy trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta bọc trong da ngựa cũng nguyện xin làm...

Nghe xong bài hịch, người nào người nấy mắt nẩy lửa căm thù, sáng ngời ý chí sắt đá: Quyết tâm trả thù nhà đền nợ nước.

Quảng trường sau đó đã đổ máu quân thù. Thoát Hoan đã vội vã chui vào ống đồng qua Quỷ môn quan chạy về nước thoát thân.

BÃI HÀO

Giữa núi Quỷ và núi Phượng Hoàng, là một khoảng đất khá bằng phẳng, rộng chừng mười mẫu ta. Đó là Bãi Hào. Phía đông Bãi Hào là một chiến lũy nổi giữa Quỷ môn quan với núi Phượng và chạy tít tắp về Lục Ngạn, Hà Bắc. Chiến lũy này còn gọi là “Tiểu vạn trường thành”. Chiến lũy cao chừng mười mét, xây đắp theo hình thang, mặt ngoài là hào sâu, mặt sau thông với rừng đại ngàn.

Phía tây Bãi Hào là dòng sông Thương. Giữa sông Thương với Bãi Hào, là con đường độc đạo từ Quỷ môn quan vào đầm lầy Mã Yên Sơn.

Do địa thế đặc biệt lợi hại của Bãi Hào, ông cha ta cùng dân binh tài trí đã bố trí một trận đồ tuyệt diệu ở đây. Mặt Bãi Hào phẳng lặng yên bình. Dưới lớp cỏ xanh non ấy là hàng nghìn hồ bầy ngựa. Hồ bầy ngựa cũng nằm dọc theo hai bên con đường độc đạo suốt từ đây về Xương Giang, Hà Bắc. Những tấm ván bắc cầu qua hào sâu cho kỵ binh ta đã được giấu kín trong rừng sâu... Tất cả đang chờ giặc.

Cuối tháng 1-1285, Trần Nam vương Thoát Hoan dẫn đầu một đội quân hàng chục vạn tên gồm kỵ binh và bộ binh hùng hổ tràn qua các cửa ải vào xâm lược nước ta. Trần Quốc Tuấn tự đảm nhận mặt trận xung yếu này. Ông ra lệnh cho lính trấn ải và dân binh ở đó vừa đánh cản địch vừa tiêu hao sinh lực chúng, nhưng phải bảo toàn lực lượng rút vào rừng đánh lâu dài. Quỷ môn quan là cửa ải then chốt. Hơn ai hết, vị tiết chế văn võ song toàn ấy hiểu sâu sắc tài trí của đội quân dân binh Tày – Nùng trấn ải ở đây. Vì vậy, trước thế giặc tràn ải ào ào như nước lũ, ông đã tin chắc vào quân dân đất này nên giao nhiệm vụ đánh một đòn phủ đầu gây kinh hoàng đối với lũ giặc nông cuồng.

Hai vị chỉ huy mưu trí và dũng cảm là Thế Lộc và Nguyễn Lĩnh cùng các nghĩa sĩ Tày – Nùng trực tiếp nhận sứ mệnh vẻ vang ấy.

Thoát Hoan lướt qua tám cửa ải, tràn xuống đây. Bài học cay đắng về thất bại thảm hại trong cuộc xâm lược lần thứ nhất, đã buộc tên tổng tư lệnh hiếu chiến này dừng ngựa trước “cửa tử” đáng gờm này. Hắn tung một đợt kỵ mã phá ải lọt vào an toàn không có kháng cự đáng kể.

— Hắn tung đợt quân thứ hai: chống cự càng yếu ớt hơn.

Thế là hấn đắc chí lên ngựa, thúc quân tràn tới. Bỗng một cơn bão đá, mưa tên ập xuống đầu chúng tối tăm, mịt mù. Quân ta từ núi Quỷ tràn xuống khóa đuôi, còn quân mai phục từ hang Phượng Hoàng xông ra chặn đầu. Những đội kỵ mã áo đỏ của ta từ trong rừng sâu leo lên chiến lũy. Những chiếc cầu bí mật bắc qua hào nổi lên, đoàn kỵ sĩ lao xuống như một cơn lốc quét vào sườn quân giặc.

Không có đường tiến, càng không có đường lui, quân giặc phải cụm lại trên Bãi Hào. Thế là một trận giáp lá cà xảy ra. Ngựa của giặc sa hố bầy, gục xuống la liệt, xác chồng chất lên nhau bọn sống sót cuống cuống nhảy cả xuống sông, đụng phải đá ngầm, máu chảy đỏ dòng...

Khi đại quân của giặc kịp tràn đến cứu nguy thì quân ta đã biến mất. Nhìn tướng sĩ của mình nằm phơi thây, chất đầy bãi cỏ, Thoát Hoan uất ức nấc lên. Hắn rút kiếm bạc chỉ lên ngọn núi Phượng Hoàng thề trước ba quân:

— Lấy xong nước Nam, ta sẽ san bằng vùng này, sẽ giết hết, đốt hết.

Nhục nhả thay cho thống lĩnh Trần Nam vương, con người đã vỗ ngực tự cho là kẻ bất khả chiến thắng, đã từng tung vó ngựa khắp châu Âu, châu Á, thế mà có một lời nguyện ở mảnh đất bé như bàn tay này, “ngài” lại chịu buông tay sao?

Sáu tháng sau, cuối tháng 5-1285, Thoát Hoan lại phi ngựa trở lại đất này. Nhưng không phải “ngài” về đây để “trừng phạt” mà là chạy thoát thân. Xác đồng ngũ của “ngài” nằm rải suốt mấy mươi dặm từ Hà Bắc về đây, để thế mạng cho “ngài”. Thế là khi “ngài” chạy đến Bãi Hào. “Ngài” đã vội vàng xuống ngựa chui lọt vào ống đồng, bắt lính khiêng qua Quỷ môn, mở đường máu thoát về nước.

Vượt qua đất chết, về đến nước, Thoát Hoan chui ra khỏi ống đồng, chân tay vẫn còn run. Khi biết hai vị tướng thân cận nhất của mình là Lý Hằng và Lý Quán đã vì mình mà bỏ xác trên Bãi Hào,

“ngài” khiếp đảm đến ngất xỉu.

Thế là Bãi Hào của cửa ải đáng sợ, vẫn còn nợ “ngài” với những lời thề độc địa đầu năm.

Hai năm sau, tháng 12-1287, Trần Nam Vương Thoát Hoan lại được vua cha long trọng trao cho chức tổng chỉ huy một đội quân hùng hậu sang nước Nam phục thù với tất cả những gì cay cú của tên bạo chúa phong kiến hiếu chiến.

Lần này, qua Quỷ môn quan, với Bãi Hào đáng sợ, “ngài” đã bớt bùng nổ và cuồng dại hơn trước. “Ngài” đã thận trọng rải xác quân ra để vượt qua. Lần này “ngài” không chỉ gươm thề độc nhưng vẫn phải tím gan tím ruột vì lời thề đó. Chắc là lấy xong nước Nam, “ngài” mới quay lại mảnh đất ma quỷ này để tàn phá cho hả giận.

Chưa đầy hai năm sau, “ngài” đã ba chân bốn cẳng chạy thoát thân về nước bằng một đường máu trên chặng đường dài gần trăm dặm khi qua Bãi Hào. “Ngài” đã phải dồn tất cả số quân còn lại để mở cuộc tử chiến cứu mạng, thế mà “ngài” suýt nữa rơi đầu nơi cửa tử khùng khiếp này.

Lời thề của “ngài” từ đó vĩnh viễn trở thành dang dở.

Riêng Bãi Hào vẫn còn đó, mãi mãi vang lên hào khí oai hùng của quân dân ta. Núi Phụng Hoàng vẫn xòe cánh tư thế bay lên, bay lên.

NGÕ THỀ

Hai dãy núi Đại Ngàn và Cai Kinh chạy song song đến đồng bằng, dường như khép lại tạo thành một lối đi giống như một cửa ngõ sâu thẳm. Đó là Ngõ Thề. Từ Quỷ môn quan xuôi phía Nam đến Ngõ Thề, dài chừng sáu cây số: Ngõ Thề là vọng gác cuối cùng bảo vệ Biệt Thự xứ, bảo vệ kho tàng và trận đồ bí mật Chi Lăng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai, có một chàng dân binh trẻ người Tày được bổ về làm trạm trưởng vọng gác phía Nam này. Gia đình đã hỏi vợ cho anh. Sắp đến ngày làm lễ cưới thì đất nước bị ngoại xâm, anh xin cha mẹ hoãn cưới, từ biệt người yêu và bản làng lên đường đánh giặc. Ít lâu sau, người vợ xinh đẹp của anh cũng từ giã quê hương, băng đèo lội suối về đây với anh làm nghĩa sĩ nuôi quân. Bên vọng gác, dưới ánh trăng rằm vàng vạc, anh chị đã cắt máu nhỏ vào chén rượu cùng nhau uống cạn và thề dưới trăng:

Chưa tan giặc, chưa cưới nhau. Nếu một còn, một mất thì người sống vẫn tiếp tục đánh giặc.

Hai người nghĩa sĩ vô danh ấy, một trai một gái đã sát cánh bên nhau cùng đồng ngũ chiến đấu vô cùng anh dũng. Xác quân thù chất đầy cửa ngõ. Họ đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và anh dũng hy sinh vì độc lập của tổ quốc. Khi chết, hai nghĩa sĩ bất khuất vẫn nằm bên nhau.

Tàn trận, đồng đội đã quán xác hai nghĩa sĩ ưu tú ấy bằng nhiều đồ, đặt thi hài vào quan tài bằng gỗ trầm hương rồi chôn họ bên nhau như lúc hai người còn sống ngay bên vọng gác, nơi hai người chiến đấu và hy sinh. Trước tấm gương chói ngời xả thân vì nghĩa nước, lính trấn ải và dân binh ở đây đã cùng đồng bào các dân tộc quanh vùng, kéo về làm lễ an táng cho họ. Một tiệc rượu ăn thề được bày ra bên mộ hai người. Họ thề suốt đời sát cánh chiến đấu bên nhau như anh em ruột thịt, suốt đời theo gương hai người nghĩa sĩ, sống chết vì tổ quốc.

Ngõ thề mang cái tên thiêng liêng là do như vậy.

Thương tiếc và kính trọng những nghĩa sĩ vô danh đã bỏ mình vì nước ở đây, đồng bào các dân tộc đã trồng ở Ngõ Thề một cây gạo và lập miếu thờ. Cây gạo lớn cao với ba chồi đều đặn, vững trãi trước mọi phong ba. Lá gạo xanh màu xanh bất diệt của đất nước. Hoa gạo đỏ rực như tinh thần chiến đấu ngoan cường và chiến công chói lọi của người nghĩa sĩ. Bông gạo trắng ngần, và ấm như tấm lòng người chồng chưa cưới của mình.

Cây gạo ba chồi với miếu thờ còn đó như niềm kiêu hãnh của Ngõ Thề.

NÚI NGỌC

Giữa đồi than muội và Quỷ môn quan, có một quả núi đá, tròn xinh như một viên ngọc. Đó là núi Ngọc.

Truyền thuyết cho biết: Ngày xưa, thời nhà Minh đô hộ nước ta, vào một năm mất mùa đói kém, gạo, bắp chỉ dành cho trẻ sơ sinh và cụ già ngoài bảy mươi tuổi, còn lại ai cũng phải ăn củ mài, củ sắn thay cơm.

Một buổi trưa tháng sáu, trời nắng như đổ lửa xuống rừng, trẻ rủ nhau lừa trâu ra sông tắm mát, xong cùng nhau lên vệ đường, ngồi dưới bóng mát lùm cây, giở gói sắn lùi ra ăn thay cơm. Đúng lúc ấy, có một ông già râu tóc bạc phơ, ăn mặc rách rưới, dáng mệt nhọc bơ phờ, vai khoác chiếc nải chàm từ phía xuôi chống gậy đi lên.

Đàn trẻ chặn trâu chào ông cụ. Cụ gật đầu đưa tay lau mồ hôi ướt đầm đìa trên mặt, trả lời bọn trẻ không thành tiếng vì quá mệt. Cụ ngồi xuống, hai đầu gối run run.

— Lão đói và kha... a... át... nư... ở... c.

Nghe vậy, bọn trẻ đã dồn tất cả số sắn còn lại mang đến cho cụ và lấy ống mai xuống suối múc nước cho cụ.

Trông cụ ngồi ăn thật khó nhọc, cứ cắn một miếng sắn, phải nhắm một ngụm nước suối mà vẫn không nuốt trôi, bọn trẻ rủ nhau về lấy cơm đem ra cho cụ.

Nhìn mấy nắm cơm, đôi mắt già nua sáng lên, cụ hỏi:

— Các cháu lấy cơm ở đâu cho ông thế?

— Cơm phần em bé và ông cháu đây. Ông cháu cũng già như ông – Một em trả lời cụ.

Ăn xong mấy nắm cơm, cụ già tỉnh hẳn lại. Cụ bảo:

— Cụ đi từ dưới biển lên đây. Biển rộng như vùng trời ấy, không thấy bến, thấy bờ. Tất cả suối của miền ta, tất cả hồ của rừng ta gộp lại cũng không sao sánh được với biển Đông. Ông đã xa cái bản, xa cái suối, cái rừng, xa cái nương, cái rẫy trong hơn một nghìn lần mặt trời mọc, ba mươi ba lần trăng tròn. Quan đô hộ bắt ông đi hết hạn mới được về! Từ biển về đây là mười lần trăng tròn. Qua bao nhiêu làng, bản, qua bao nhiêu sông rộng, suối sâu, ông thấy ở đâu cũng mất mùa, ở đâu cũng đói khổ. Ông đã gặp rất nhiều con trẻ nhưng không trẻ nơi nào tốt bằng nơi đây. Ông biết ơn các cháu nhiều lắm. – Ông cười và lừa tay vào cái nải xanh bóc ra một nắm những hạt tròn xinh xinh, sáng rực muôn màu trên bàn tay.

Ông đem chia đều cho mỗi trẻ một viên tròn xinh, có sắc màu rực rỡ kỳ lạ. Ông bảo:

— Đó là ngọc trai, quý lắm. Chỉ dưới đáy biển mới có thôi. Quan đô hộ bắt ông đi xuống biển mò của quý này về cho nó. Biển ta, rừng núi ta giàu của cải như thế mà lại phải dâng nộp cho người nước ngoài. Ông thở dài buồn bã...

Một đám mây đen từ chân trời bay đến, trời đang nắng bỗng tối sầm, cơn dông bắt thường nổi lên, gió gào rít trong rừng già. Bọn trẻ vội vã chạy túa đi lừa trâu. Lúc qua đây thì ông già đã biến mất, bên ven đường còn lẫn lóc chiếc tay nải màu xanh chói ngời những viên ngọc quý. Chúng gọi mãi mà chẳng thấy ông già. Trời bắt đầu mưa, chúng bảo nhau đem nải ngọc về, cho rằng cụ già đã bỏ quên.

Tối ấy, bọn trẻ đem chuyện gặp cụ già kể lại cho già bản. Người già bản với nhau những gì đó nhiều lắm. Tạnh mưa, người già bắt trai tráng đi tìm xem ông cụ lạ ẩn vào đâu. Đến sáng không thấy, người già cùng bọn trẻ đem trả nải ngọc nơi ven đường ông già nghỉ hôm qua. Mọi người chờ mãi, chờ mãi, vào lúc mặt trời mọc lên gần tới đỉnh đầu thì thấy ông già chống gậy trở lại.

Già bản trao lại nải ngọc và mời ông cụ vào bản chơi, hứa ngày mai sẽ cho con cháu đưa cụ về. Hỏi quê, cụ không nói, mời vào bản nghỉ, cụ từ chối. Tay cầm nải ngọc run run, cụ nói với già làng:

— Tôi đã ngâm mình dưới nước qua một nghìn lần ông mặt trời mọc, ba mươi ba lần ông trăng tròn.

Tôi đã có một nải ngọc quý, ngọc trong như nước suối đầu nguồn, ngọc sáng lên muôn màu rực rỡ, nhưng ngọc dù trong đến đâu, sáng lên thêm một ngàn lần nữa cũng không sao sánh nổi với tấm lòng người dân vùng này, với cái bụng của người dân vùng này. Xin biểu các già bản, biểu các cháu ngoan!

Nói xong, ông già biến mất. Nải ngọc trai sáng rực lên trên tay người già đang đứng như như cây nghiêng giữa rừng khi trời lặn gió. Đêm ấy, một quả núi choai xinh mọc lên ở đó. Núi ngọc xinh xinh. Nải ngọc quý theo người già, trai tráng vào rừng sâu.

Ngọc thành vũ khí, ngọc tăng thêm ý chí và làm sáng ngời thêm phẩm giá con người, theo con người vào rừng sâu đứng dậy đuổi giặc Minh.

ĐỀN QUỶ MÔN

Đầu thôn Quán Thanh, sát chân núi Quỷ (núi Hàm Quỷ) phía nam là đền Quỷ Môn. Đền xây bằng gạch, lợp ngói máng, có hậu cung và tiền sảnh. Theo ký ức các cụ già thì đền được các triều vua phong sắc, có người cho biết cách đây trên 40 năm, đền vẫn còn nguyên dạng.

Thời tiền Lê, những người lính trấn ải đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, chém chết tướng giặc Hầu Nhân Bảo, phá tan đạo quân xâm lược Tống tại đây. Ngay trên miếng đất dựng đền bây giờ, nơi Lê Đại Hành đã làm lễ tấn phong công trạng cho các nghĩa sĩ trấn ải bỏ mình vì nước. Từ đó, nhân dân các dân tộc địa phương đã lập nên đền.

Đền Quỷ Môn tương truyền là rất thiêng. Thời kỳ giặc Minh đô hộ nước ta, miếu mạo ghi công trạng các anh hùng dân tộc đều bị đốt phá. Lạ thay, riêng đền Quỷ Môn bị giặc phá hôm trước thì sau một đêm, đền lại mọc lên như có phép thần. Giặc chịu, không phá nổi. Chúng cho quân đến nằm gác quanh ngôi miếu bị phá. Cứ nửa đêm, bất thành linh một hòn lửa từ trên trời rơi xuống đầu, làm chúng chạy tán loạn, mà sự thật là: đêm đêm dân binh ta bao vây bắn tên cung mang bụi nhùi lửa từ trên núi Quỷ xuống làm hiệu cho quân bao vây, ập vào chém giặc. Chúng tưởng là quỷ thần nên sợ hãi, chạy tán loạn rồi vĩnh viễn kiêng núi Quỷ lạ kỳ từ đó.

BIỆT THỰ XỨ

Nói đến Chi Lăng, trước hết ta cần chú ý đến Biệt thự xứ. Gọi là Biệt thự xứ bởi vì xưa kia nhân dân ta đã xây dựng ở đây những dinh thự để cho các sứ thần của ta trước khi có việc ra nước ngoài, đến đây nghỉ ngơi, chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cần thiết, xem xét kiểm tra lại lần cuối cùng, tất cả nội dung công cán của mình trước khi rời Tổ Quốc. Các sứ thần nước ngoài từ phương bắc, trước khi được phép vào Thăng Long cũng phải dừng lại ở đây, chờ người của ta kiểm tra và đưa đường. Cũng chính trên mảnh đất nhỏ bé xinh đẹp này, ở ngay vườn thú của Biệt thự xứ, cách đây vừa chẵn năm trăm sáu mươi sáu năm, có một sự tích làm xúc động mạnh mẽ hàng vạn trái tim của ông cha ta thuở ấy. Sự tích cảm động đó còn truyền tụng đến mãi bây giờ.

Vào một buổi chiều mùa thu năm 1407, mảnh đất Chi Lăng đang nằm trong cảnh máu lửa của quân xâm lược, bỗng náo động hẳn lên vì tiếng thanh la, náo bạt, chiêng trống,... từ phương nam vọng lại. Giặc Minh hùng hổ, la hét om sòm lũ lượt kéo nhau vào Biệt thự xứ. Giữa bầy giặc là những người dân phu, mặt đỏ như gấc, mồ hôi đầm đìa, quần áo tả tơi, đầu trần chân đất, ề cô, lặc lè khiêng, vác những hòm xiềng, lợn, gà, cả những cũi sắt nhốt tù binh.

Hạ trại quanh Biệt thự xứ xong, giặc vội vã tỏa đi khắp các bản làng, hăm hiếp, cướp bóc nhân dân địa phương. Chúng hạch sách đủ điều. Ai không có gà lợn cống nạp, lập tức bị chúng mổ bụng, moi gan, xả thịt rán mỡ, mở tiệc ăn mừng.

Giữa lúc bọn giặc đang chè chén linh đình trong Biệt thự xứ, những tên lính áp tải tù nhân, chân đi lảo đảo, hơi thở sặc mùi rượu, quát tháo dân phu đem cơm cho tù. Có hai chàng dân phu trẻ đang lặng lẽ bung rá cơm trộn sỏi cát mang đến cho người tù. Sau khi mở khóa, tên lính đóng sập khóa lại bỏ đi vào bàn tiệc. Còn lại hai chàng dân phu với vẻ mặt đau buồn, đứng chắp hai tay, mắt dăm dăm nhìn vào trong cũi sắt với nỗi đau xót và kính trọng tột cùng. Điều đặc biệt là hai chàng dân phu đó có vẻ mặt giống nhau như đúc. Chỉ cần nhìn qua cũng biết họ cùng chung một dòng máu. Người anh chừng 26 - 27 tuổi, dáng tầm thước, vẻ mặt khôi ngô tuấn tú. Trên khuôn mặt hiền từ, đức độ là một vầng trán cao, rộng, hai mắt to, đôi môi mím chặt, nghiêm nghị mà khuôn mặt vẫn rất đỗi nhân từ. Duy có đôi mắt là khác người, đôi mắt đẹp và trong sáng lạ lùng. Đôi mắt ấy đang nhìn đau đáu vào người tù trong cũi như chờ đợi một điều gì đó.

Từ trong cũi, một ông già quắc thước, râu tóc bạc phơ cũng có khuôn mặt nhân từ và đôi mắt vẫn sáng như sao, hao hao giống hai chàng dân phu trẻ. Ông già đưa rá cơm đến sát người dân phu, lấy ngón tay trở thon dài chỉ vào rá cơm đầy sỏi cát như ra hiệu cho chàng dân phu lớn tuổi. Chàng trai lập tức nhìn như thôi miên vào ngón tay ông già. Ngón tay ấy ung dung vạch ngang dọc trên rá cơm, thành một hàng chữ nho. Được 9 chữ, ông già dừng lại, nhặt một nắm sỏi trong rá cơm, ngược mắt nhìn chàng trai và trao cho anh nắm sỏi đó qua hàng song sắt. Khuôn mặt tái xanh của người dân phu bỗng ửng đỏ và từ đôi mắt đẹp tuyệt trần của anh, bỗng mờ ngấn nước. Anh đón lấy nắm sỏi, quả quyết gạt nước mắt, xòe bàn tay trái, nhanh chóng xếp từng viên sỏi nhỏ thành một hàng chữ đều đặn trên tay. Ông già nhìn xoáy vào bàn tay chàng trai và khóe mắt già nua của ông bỗng sáng rực như ngọn lửa. Ông gật đầu, vẻ mãn nguyện, mắt dăm dăm nhìn về phía chân trời xa ở phương Nam. Chàng dân phu lặng lẽ cúi đầu nghiêng mình bên cũi sắt, kín đáo nắm chặt bàn tay người em, mắt vẫn không rời ông già. Đôi mắt đẹp của anh bỗng sáng rực như hai quầng lửa, anh lặng lẽ đi về phía bờ sông... lúc đó trời đã chạng vạng tối. Ông già trong cũi sắt chính là Nguyễn Phi Khanh, hai chàng dân phu trẻ là Nguyễn Trãi, con cả của ông và Nguyễn Phi Hùng con thứ của ông, em ruột Nguyễn Trãi.

Sau khi vua tôi nhà Hồ bị bắt trong đó có Nguyễn Phi Khanh, giặc Minh giải ông về Trung Quốc xử tội. Nguyễn Trãi và Nguyễn Phi Hùng đóng giả dân phu để khiêng cha và hầu cha dọc đường. Đưa cha sang Trung Quốc với hy vọng đem được hài cốt của cha từ đất khách quê người trở về quê hương đất

nước, để giữ tròn chữ hiếu nhưng đến Biệt Thự xứ, trạm nghỉ cuối cùng của bọn xâm lược trước khi về nước, biết ý định của hai con, lợi dụng lúc giặc tiệc tùng sơ hở, ông đã kín đáo giáo huấn cho con trai cả với hàng chữ sau đây trên rá cơm tù:

“Hữu qui phục quốc thù, khóc hà vi dã?” Nghĩa là: Hãy quay trở về trả thù cho nước, khóc mà làm gì? Vâng lệnh cha và cũng chính là ngọn lửa của lòng yêu nước trong trái tim mình – tiếng gọi của nhân dân, đất nước đốt cháy bùng lên đúng lúc, Nguyễn Trãi đã quyết định vĩnh biệt người cha kính yêu, gác tình riêng, mưu nghiệp lớn, quay trở lại tìm đường cứu nước, cứu dân.

Về sau, ngưỡng mộ cuộc chia ly xúc động và cao đẹp đó của hai cha con người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, nhân dân đã có thơ:

*«Con yêu quý chó mũi lòng mềm yếu,
Gác tình riêng vỗ cánh trở về Nam.
Trai con ơi, tận trung là tận hiếu
Dem gương mài bóng nguyệt dưới khăn lang.
Nếu trời muốn nước non này bị diệt
Thì lớt thù sẽ ụp xuống đầu xanh,
Không! Nước non này không chết!
Về ngay đi, rồi chí nguyện công thành.»*

Và Nguyễn Trãi vâng lệnh cha đáp lại qua dòng chữ viết bằng sỏi cơm của cha trên tay mình:

*«Cha yêu quý, cứ yên lòng cha nhé!
Vâng mệnh cha: Đền nợ nước, con thề...
Quì lạy cha, ôi đau lòng là thế!
Từ Chi Lăng, theo gió con bay về...»*
Nguyễn Phi Khanh vui sướng từ biệt con, bật lên thành thơ:

*«Ôi, sung sướng, trời sao chưa mờ hết
Về đi con, ghi nhớ hận Chi Lăng!
Chờ con đó, cha yên lòng nhắm mắt
Cha nguyện cầu: Con lấy lại giang san!»*

Khi bọn giặc biết chàng quân phu trẻ kia chính là Nguyễn Trãi, con cả của tù nhân nguy hiểm trong cũi số 2, chúng lòng lộn đột được bỏ vây lùng sục để bắt giết. Nhưng chúng đã muộn rồi, Nguyễn Trãi đã được nhân dân địa phương bảo vệ bằng hàng rào bất khả xâm phạm của những trái tim cháy bỏng lòng yêu nước và chí căm thù giặc. Nguyễn Trãi đang ung dung nựng hai cháu gái bé bỏng trong một hang đá tuyệt mật, ngay sát nách quân thù, dưới sự bảo vệ vững chắc của đồng bào các dân tộc Chi Lăng. Hai cháu bé đó là Hoàng Thị Kim Liên và Hoàng Thị Kim Hoa, con gái một người dân địa phương giàu lòng yêu nước là Hoàng Đại Huệ. (Lịch sử Việt Nam – tập 1 – gọi là Lý Huệ)

Nguyễn Trãi lưu lại ở đây một thời gian. Tương truyền rằng trong thời gian này, chiều chiều ông vẫn vác cuốc, giả đi lấy nước vào ruộng nương để nghiên cứu địa hình, địa vật.

Một điều vô cùng lý thú nữa là hai mươi năm sau, mùa thu tháng 10 năm 1427, thực hiện chiến thuật, chiến lược thiên tài của Nguyễn Trãi, đoàn nghĩa sĩ dân binh địa phương do ông Hoàng Đại Huệ đứng đầu trong đó có hai cô con gái ông, đã cùng quân dân cả nước đánh tan mười vạn quân giặc, chém đầu tướng giặc Liễu Thăng ngay trên quê hương mình, lập nên chiến thắng Chi Lăng lẫy lừng, góp phần quan trọng kết thúc chiến tranh giải phóng đất nước cực kỳ anh dũng suốt 10 năm trời.

GIỀNG NƯỚC MẮT

Đã lên thăm ải Bắc nơi tiếp giáp giữa ta và Trung Quốc, ít ai lại không ghé thăm “ Giếng nước mắt”.

“Giếng nước mắt” có gì mà làm xúc động lòng ta đến thế?

Một câu chuyện truyền miệng kể lại như thế này:

Một buổi chiều mùa hạ đốt cháy lòng nổi đau mất nước, năm 1407 ấy, Nguyễn Trãi vâng mệnh cha “Hữu qui phục quốc thù khóc hà vi dã” – nghĩa là hãy quay trở về đền nợ nước khóc mà làm gì. Bởi hơn ai hết, Nguyễn Phi Khanh hiểu rõ tâm lòng hiếu thảo của con trai mình mãnh liệt đến mức có thể chết để thực hiện kỳ được ý định mang hài cốt của cha từ nước giặc về mai táng ở quê nhà. Chính vì vậy mà ông giả làm dân phu đi khiêng củi tù để theo hầu cha trên đường bị giải về đất giặc. Là một người sáng suốt. Phi Khanh biết rõ tài năng và đức độ của con trai mình, ông tin rằng Nguyễn Trãi có thể trả thù nhà đền nợ nước được. Có lẽ chính vì vậy mà quyền lực làm cha của Phi Khanh đã buộc được Nguyễn Trãi quay trở về ngay trên mảnh đất Chi Lăng. Còn một lẽ nữa có thể là Phi Khanh biết rằng nếu cứ để Nguyễn Trãi đi theo hầu mình để thực hiện ý định thì có khi cả ba cha con đều bị chém trên đất giặc.

Chọn Chi Lăng làm nơi trao đổi xứ mệnh giải phóng giang san đang đắm chìm trong máu lửa hận thù cho người con trai yếu gầy. Phi Khanh cho đó là một việc làm có ý nghĩa sâu sắc biết chừng nào.

Vĩnh biệt cha ở Biệt Thự xứ đến căn cứ địa của Hoàng Đại Huệ, lòng Nguyễn Trãi vẫn không yên. Điều đầu tiên ông bàn với Hoàng Đại Huệ là chỉ cho ông con đường tắt dẫn đến ải Bắc trước khi giặc dẫn cha ông và những người đồng hành qua đó về nước chúng. Để ông nhìn thấy lần cuối cùng người cha thân yêu. Hiểu lòng Nguyễn Trãi nhưng Hoàng Đại Huệ, buộc phải trả lời, nếu vậy thì chẳng khác nào dẫn thân vào hang cọp, nộp mình cho giặc. Việc lớn không thành, có tội lớn với trời đất, tổ tông, biết bao giờ mới đền xong?...

— Việc lớn ư? - Nguyễn Trãi trầm ngâm hỏi lại và như để nói với chính lòng mình.

— Việc nhỏ chưa làm được nói chi đến việc lớn? Chưa làm tròn bổn phận hiếu nghĩa với người sinh ra mình thì hiếu nghĩa với dân làm sao được? Không thương cha mình thì làm sao có lòng thương dân? Không thương dân, xả thân vì dân nước thì sao thành việc lớn?...

— Ông có quen ai ở vùng ải Bắc không?

— Có, tôi có người thân làm tù trưởng vùng đó, bề ngoài trá hàng để che mắt địch, bên trong thì vẫn bí mật gửi lương thảo và nghĩa sĩ cho tôi.

— Thế thì được. Tôi đã có cách, ông cứ để tôi đi.

Vốn là người yêu nước, trọng nhân tài, bấy lâu nay Đại Huệ một lòng kính trọng Nguyễn Trãi, người đã từng đỗ Thái học sinh từ năm hai mươi tuổi, cháu ngoại của quan Đại Tư Đồ Trần Nguyên Đán, nên Đại Huệ đã đích thân cùng một số người thân tín quá nửa đêm hôm ấy đã đưa Nguyễn Trãi lên ải Bắc qua con đường tắt xuyên núi, xuyên rừng mà chỉ có dân binh của Hoàng Đại Huệ mới biết. Đại Huệ đưa Nguyễn Trãi đến nhà bạn mình trên ải Bắc trước khi giặc tới những một ngày rưỡi. Họ Được tiếp đón nồng hậu tại nhà tù trưởng họ Triệu. Ngay từ đầu, Nguyễn Trãi đã làm cho Đại Huệ và bạn ông vừa ngạc nhiên vừa thích thú về cách thức của ông lập mưu lừa giặc để vĩnh biệt cha.

Theo kế của Nguyễn Trãi, lợi dụng thế hợp pháp của người tù trưởng là bạn thân của Đại Huệ. Một đại lễ được soạn sẵn để chào mừng chiến công của quan quân “thiên triều” đi chinh phạt về. Thôi thì đủ cả, nào xôi, bánh giầy, gà thiến, lợn quay, nai nướng... Và dàn tế được lập ngay trên đường quan quân dẫn tù về nước.

Tất nhiên là quan quân “thiên triều” sẽ ban khen quan tù trưởng địa phương đã có lòng trung thành với đức vua tối thượng của chúng. Chúng nào ngờ trong đoàn người mang y phục đại lễ dân tộc vùng

ải Bắc kia lại có con trai của người tù nguy hiểm trong cũi sắt, người mà mới cách hai ngày, chúng đã ra lệnh lùng bắt khắp vùng rừng núi Chi Lăng mà chẳng được. Người đó dáng ung dung đứng trước dàn tế để vĩnh biệt cha lần cuối cùng ngay trước mũi kẻ thù. Dàn tế này đâu phải lập ra để mừng công quan quân “thiên triều” mà là để tế sông những người trong cũi sắt kia bị sa cơ lâm nạn. Đó cũng là lời thề đối với những người ra đi không bao giờ trở lại nữa, lời thề trung, hiếu với dân nước của những người ở lại, một ngày kia sẽ trả được thù nhà và đền xong nợ nước.

Giặc qua ải Bắc đã lâu rồi mà đám tế vẫn chưa tan. Nguyễn Trãi đã khóc cha suốt đêm hôm ấy trước dàn tế cha và những người bị bắt. Nước mắt khóc thương cha đã chảy như suối trong lòng người dân ải Bắc.

Sau này, khi đã quét sạch giặc thù ra khỏi bờ cõi, để nhớ lại tấm lòng trung hiếu của người anh hùng dân tộc, nhân dân các dân tộc vùng ải Bắc đã đào một cái giếng tại chỗ Nguyễn Trãi đứng tế sông cha, may sao đào trúng mạch, giếng rất trong, nước ngọt, mức đến đâu lại đầy đến đó. Đó là Giếng Nước Mắt.

Đối diện với núi Kỳ Lân phục là một thung lũng rộng chừng vài héc-ta được bao bọc bởi điệp trùng núi đá vôi cao vút và rừng già, ẩn hiện đây đó những hang động có nhiều ý nghĩa về quân sự. Những cây đại thụ quý như lát hoa, nghiêng, lý không còn nữa, song dấu vết của nó vẫn còn đây, gốc lát hoa đào lên còn tốt nguyên có thể làm cánh tù rất đẹp, bền và bóng lạng mãi. Thung lũng này xưa là quê hương của thú rừng và chim muông, bây giờ chim thú không còn mấy.

Tương truyền rằng:

Vào một đêm trăng sáng, sao chín rực cả bầu trời, trăng khuya lấp lánh tỏa xuống lá rừng, gió nhẹ lay cành xao động. Khuya lắm rồi mà Nguyễn Trãi vẫn chưa ngủ được. Tại căn cứ địa của Hoàng Đại Huệ, ông bước đi lặng lẽ giữa cảnh rừng sâu bên cạnh người vệ sĩ thân tín mà Hoàng Đại Huệ bấy lâu nay đã cử ra theo hầu ông. Rừng khuya tịch mịch, thỉnh thoảng lại vang lên tiếng dác của một chú nai con gọi mẹ.

Bỗng từ trong lòng thung lũng vẳng lên một âm thanh rất lạ, không phải là tiếng xẻ gỗ, tiếng xẻ gỗ nghe không đành như thế và lại còn ai xẻ gỗ vào lúc khuya khoắt thế này nữa? Cũng chẳng phải là tiếng bô củi, tiếng bô củi trầm hơn và không rền như vậy.

Lặng lẽ, không nói một lời, Nguyễn Trãi cùng người vệ sĩ đi xuống lòng thung...

Dưới ánh trăng khuya, hàng trăm nghĩa sĩ đang mài miết mài gương, dao, giáo mác. Lòng xúc động sâu sắc, Nguyễn Trãi đến gặp một nhóm nghĩa sĩ trẻ, nhìn rõ những chiếc khăn tang trên đầu họ. Ông hiểu được ngọn lửa nào đã thắp sáng trái tim họ. Vừa mài vũ khí vừa kể chuyện tổ tiên, đất nước cho anh em nghĩa sĩ nghe, mãi đến khi tiếng gà rừng đã gáy sáng và từ trên triền núi vách thung có tiếng cười vang của Đại Huệ cất lên chào mời Nguyễn Trãi và các nghĩa sĩ nghỉ tay, họ mới biết là sắp qua đêm. Một số hình ảnh trong “Cáo Bình Ngô” được thai nghén từ đây chăng?

“Gươm mài đá, đá núi phải mòn.

Voi uống nước, nước sông cũng cạn.”

Và biết đâu, thực tế này, chẳng đã là chất liệu làm nên câu thơ sống động của Nguyễn Trãi: “Đem gương mài, bóng nguyệt với khăn tang”.

Trên đường về căn cứ địa, Hoàng Đại Huệ bàn với Nguyễn Trãi đặt tên cho cái lân trong đêm ghi nhớ này.

Nguyễn Trãi vui vẻ đáp:

— Lân Dao! Ông và nghĩa sĩ có bằng lòng không?

— Phải! Lân Dao, Lân Dao, cái tên mang biết bao ý nghĩa.

Sau này, Lân Dao trở thành nơi tập kết và luyện tập chuẩn bị cho trận phục binh nổi tiếng của quân ta vào mùa thu năm 1427, chém đầu nguyên soái An Viễn Hầu, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài đằng đẵng suốt mười năm trời.

NÚI MẶT QUỶ

Đổi diện với đền Quỷ môn, về phía tây núi Mặt Quỷ. Ở lưng chừng núi cao, trên vách đá dựng đứng hiện ra khuôn Mặt Quỷ mà đứng cách xa vài trăm thước, ta có thể nhìn thấy rõ ràng. Mặt Quỷ có chiều rộng và chiều dài gần ngang nhau theo hình bầu dục. Chiều ngang chừng ba thước, chiều dọc xấp xỉ như vậy. Hai mắt Quỷ to như hai miệng thùng cái sâu thẳm, mồm rộng, tạo thành cửa một cái hang sâu đen ngòm trông rất dễ sợ, hai cái mũi to bằng hai cái bát điều.

Khi tướng giặc Liễu Thăng nằm trên kiệu sơn son thiếp vàng qua cửa ải, hắt vén rèm thêu kim tuyến phía tây cổ kiệu lên, rút kiếm lệnh chỉ lên Mặt Quỷ, thề rằng:

— Không phải cỏ được phương Nam, bình xong đất này, ta không trông thấy mặt ngươi nữa! Các tướng xem kia, lời ta là ý trời, Mặt Quỷ đã méo lại, quỷ đang khóc cho số phận diệt vong của giặc Lam Sơn đó!

Chưa dứt lời thì từ Mặt Quỷ phát ra tiếng cười vang như sấm động, tiếng cười vang dậy cả đất trời, rung chuyển cả núi rừng. Liễu Thăng khiếp đảm kêu lên trước khi đầu ròi khỏi cổ:

— Trời! Quỷ Trời! Ta chết mất... – Quỷ có khóc đâu. Quỷ cười đó chứ, hay vì “Bình Lữ tướng quân” kinh hoàng trước tiếng reo hò của ba quân Lam sơn mai phục tứ phía như có phép lạ bất thần ào ra kết thúc cuộc đời của một viên tướng xâm lược vấy máu người Việt?

ĐÈN CẨM

Bước vào năm Đinh Mùi, tin chiến thắng đồn dập theo ngựa trạm từ Thanh Hóa đến Đông Đô tới tấp bay qua sông, vượt qua suối, băng lên đèo, vượn lên núi tràn về cứ địa Chi Lăng khiến gió rừng, nhạc suối hát mãi không thôi.

Vương Thông ngoài mặt xin cầu hòa nhưng tâm can lại gửi theo những bóng đen thám tử lên lút về nước xin “thiên tử cứu tinh” Tuyên Đức Viện binh nhằm lật ngược thế cờ bóp chết “giặc Lam Sơn” làm gương cho kẻ nào chống lại “thiên triều”.

Lê Lợi và quan Thừa Chỉ đã biết rõ ruột gan quan Thông binh.

Chiều cuối thu, gió lạnh heo may xào xạc rừng cây, lân lũng. Từ cửa ải, ba con ngựa chiến tung vó bụi mù, tạo thành cơn lốc xoáy, bay về phía bắc. Đền đầu cầu phía nam Mỏ Chảo – chiếc cầu gỗ bắc qua thượng nguồn sông Thương thuộc địa phận Quang Lang. Ôn Châu, ba kỵ sĩ dừng ngựa, nhảy phắt xuống, buộc ngựa vào gốc đa, xem xét kỹ chiếc cầu, lội cả xuống dòng sông đo nước, đo chiều cao giữa mặt nước và con cầu, sờ nắn từng chiếc trụ cầu bằng gỗ nghiêng, gỗ tròn chỉ, gỗ lim cắm sâu xuống dòng sông đầy sỏi đá. Họ làm gì đó rất lâu, đến lúc lên bờ còn nhìn lại con cầu và dòng nước một lần nữa, quần áo ướt sũng nhưng vẻ mặt thì đầy mãn nguyện.

Một vệ sĩ trẻ măng, gương mặt tròn, mắt sáng, da ngăm đen nhanh nhẹn đến bên con tuấn mã lông màu hồng, lấy ra từ trong bọc bằng da thuộc trên mình ngựa, một bộ quần áo kỵ binh màu đỏ thắm.

— Xin tướng quân thay y phục.

— Thưa đã, ta còn chưa hoàn tất công việc.

Nói xong, vị tướng chừng bốn mươi tuổi đưa tay ngăn người vệ sĩ trẻ vừa đưa bộ quần áo đến, rồi nhanh nhẹn rẽ nước lội ngang dọc dưới gầm cầu lần nữa. Ông xem xét từng thanh dầm, lội ngược dòng theo phía đông con cầu, lại lội xuống tít phía nam, hai vệ sĩ lội theo, chẳng biết nghe ông nói gì, cả ba bỗng cười vang, át cả tiếng nước chảy ào ào đang vỗ vào bờ đá.

Họ lên bờ. Người vệ sĩ trẻ thứ hai, dáng cao, to, chắc nịch, nước da trắng hồng như con gái đang tuổi dậy thì, đôi mắt tròn, đen lóng ướt, nụ cười tươi tắn nở trên môi, nói bằng tiếng Kinh chưa sôi:

— Thưa tướng quân, làm gì ạ?

Vị tướng quân cười vang, ôm chặt lấy vệ sĩ có nước da trắng hồng như con gái ấy, lắc mạnh và nói to:

— Lên ngựa, ta đi tìm Cẩm Địa.

Họ không kịp thay quần áo đã ướt sũng nước, vội vã phóng ngựa vượt qua sông sang bờ phía tây điệp trùng núi đá. Người và ngựa men theo con đường mòn bên triền núi, lộn lại phía nam, chừng nửa dặm, đến một thung lũng nhỏ, nằm giữa hai sườn núi đá cao dựng đứng như trượng thành. Dọc triền núi đá phía nam, một dòng suối trong vắt đang tuôn trào, vỗ vào những tảng đá chắn ngang giữa dòng, tạo nên một bản nhạc ỉ ảm giữa núi rừng trầm mặc, thâm nghiêm. Ba tướng sĩ ngược dòng, chừng bốn trăm thước, đến một cửa hang lớn, nước từ trong hang đang cuộn chảy. Bên cạnh hang, về phía bắc là nơi tiếp giáp lưng chừng giữa hai quả núi đá, tạo thành một con đèo, dốc ngược lên cao. Lên đến lưng đèo, vị tướng reo lên:

— Ôi, hoa ngọc lan nở ở đâu sao mà thơm quá, lại còn nhiều hương, hoa lạ nữa nè! Quả là ở rừng, hoa đâu chỉ nở giữa mùa xuân.

— Thưa tướng quân, đúng thế, ở châu này, hoa nở bốn mùa.

— Thế đèo này gọi là gì?

— Thưa, đèo Rộ.

— Đèo Rộ! Các cụ nhà ta ở đây đặt tên hay lắm, đèo Rộ có nghĩa là đèo có hoa nở rộ bốn mùa. Nghĩa sĩ ta sẽ làm cho đèo Rộ này giàu thêm ý nghĩa. Ta sẽ lập nên những chiến công nở rộ giữa mảnh

đất thiêng này của ông cha. Vượt qua đèo Rộ, là Lũng Ngàn. Từ Lũng Ngàn, ba người trèo lên đỉnh ngọn núi đá cao ngất, bỗng người vệ sĩ da ngăm đen kêu lên thích thú:

— Quần áo khô, cong rồi, chỉ có lưng áo còn ướt thôi.

Phải! Gió heo may lưng đèo đã thổi khô quần áo sũng nước sông Thương của họ từ lúc nào mà chẳng ai để ý. Nhưng vượt đèo, trèo núi, mồ hôi lại đầm ướt lưng áo họ.

Từ trên đỉnh núi đá cao chọc trời này, 60 người nhìn bao quát được cả một vùng rộng lớn xa hàng chục dặm, tuốt từ Mai Sao đến tận Ngõ Thề. Nhìn chiếc cầu bắc qua sông Thương như nằm ở dưới chân mình, vị tướng vui vẻ truyền lệnh cho vệ sĩ:

— Ghi nhớ nhé: Lấy ngọn núi này làm đài báo hiệu, đêm dùng lửa, ngày dùng khói, khi những tên giặc cuối cùng qua cầu thì báo về hành dinh trung tâm. Báo xong nổi hiệu cho nghĩa sĩ cảm tử phá cầu, khóa hậu. Dưới chân đèo Rộ là Cẩm Địa có quân khóa hậu của ta mai phục ở đó. Đội quân chặn viện mai phục ở Lũng Ngàn. Quân tiên phong men theo núi đá phía tây bờ sông, sáng phía bắc chiếm lĩnh trận địa. Các vệ sĩ tỏ tường chưa?

— Bẩm tướng quân, tỏ tường cả rồi ạ! – Người vệ sĩ da ngăm đen, nhanh nhẹn đáp lời.

— Hai vệ sĩ còn có thêm mưu lược gì chăng?

— Xin thưa tướng quân, thế còn trạm liên lạc giữa bên này với tướng quân Đại Huề mai phục bên Động Mồ thì sao ạ? – Người vệ sĩ có nước da trắng hồng rụt rè thưa, mắt mở to, trong sáng, mặt đỏ lựng lấm tấm mồ hôi.

— À, khá lắm! Nhà người nhớ dai đấy. Việc ấy giao cho nhà người đảm nhiệm. Ta sẽ chọn thêm người. Nhà người ở ngay bên cạnh ta, dưới khu Cẩm Địa kia... Thôi, ta đi nào, xuống Cẩm Địa xem xét kỹ lưỡng lại lần nữa...

Ít ngày sau, trận chiến đấu quyết liệt diễn ra đúng như dự kiến của vị tướng trên điểm Cẩm Địa này.

Hàng vạn tinh binh tiên phong của nguyên soái lừng danh An viễn hầu Liễu Thăng vừa lọt qua cầu mỏ Chảo thì những làn khói ám hiệu màu xanh lơ, thơm ngát của gỗ hoàng đàn Chi Lăng nổi tiếng từ đỉnh núi đá cao bay lên, báo cho hành dinh trung tâm biết chính xác đến từng khắc. Lại hai làn khói thơm nữa bốc lên... Toàn bộ tướng soái và binh sĩ giặc đã lọt vào trận đồ mai phục. Pháo lệnh rền vang. Một bộ phận tướng sĩ giặc chạy tháo thân trở lại, định vượt qua cầu chạy trốn. Cầu đã gãy. Chúng định vượt sông. Bất thần, những nghĩa sĩ của ta như có phép lạ, nhất tề từ dưới đất vung lên những đoạn dao sáng lóa. Chúng định ào vào rừng núi phía đông để lẩn trốn, kỵ binh áo đỏ của Đại Huề như một cơn bão ào ra, hất chúng giạt sang triền vách đá cao sừng sững. Chúng không có cánh để bay qua núi cao, dọc triền núi chỉ còn có một chỗ thoát thân: Cẩm Địa.

Chúng bị dồn vào thung lũng nhỏ đó như đàn tôm lao vào hom đó. Thân giặc chồng lên nhau trên Cẩm Địa. Chúng vẫn tràn vào với hy vọng cuối cùng là vượt qua đèo Rộ, lẩn lên núi cao, vào rừng sâu mong thoát chết. Đất: không thể chui xuống được. Trời: không thể bay lên. Chỉ còn một con đường giành cho bọn xâm lược: Vĩnh viễn nằm lại trên mảnh Cẩm Địa này.

Trong cuộc chiến đấu đó, vị tướng hôm nào cùng hai vệ sĩ đã đặt chân tới đèo Rộ này đã tả xung hữu đột, hạ thủ hàng trăm tên giặc. Vị tướng bị trọng thương, vệ sĩ đã đặt ông lên bệ đá cao giữa Cẩm Địa, xung quanh đầy xác giặc để phục thuốc gấp cho ông.

Mặc dù vết thương rất nặng, ông đã cố gắng gượng dậy nghe các vệ sĩ trình báo lại kết quả trận đánh không một tên giặc nào sống sót thoát khỏi Cẩm Địa. Ông mỉm cười rồi nhắm mắt. Vị tướng đó là Nguyễn Khuyết.

Để ghi nhớ chiến công của ông, đồng bào các dân tộc địa phương đã dựng đền thờ, đó là Đền Cẩm.

Đền cẩm được xây dựng dưới chân đèo Rộ. Đền có kiến trúc rất đẹp: Hành lang chạy bốn xung quanh, đủ cả tiền tế, hậu cung với nhiều bức chạm công phu, có bàn cờ Tiên, có dòng suối bao quanh chảy rì rầm suốt ngày đêm.

Đền Cẩm đã được xếp hạng là di tích lịch sử quan trọng của xứ Lạng.

Tiệc thay những năm đánh Mỹ, “Người bạn láng giềng” sang giúp ta xây dựng nhà máy sửa chữa đầu

máy toa xe, trong khi đào hang xuyên qua núi đá đã phá hỏng mất Đèn Cẩm.

THÀNH PHỦ TRÀNG KHÁNH

Ngay cửa ngõ phía bắc ải Chi Lăng, bên bờ tây sông Thương, nơi dòng sông uốn khúc tạo nên vẻ đẹp hùng vĩ, có thác cao và vực sâu là trảng đất khá rộng mà Lê Lữ như Liễu Thăng suốt từ Pha Lũy, qua ải Lữ... về đến đây, sắp đến giờ tận số của tên nguyên soái giặc thì tình thế diễn ra khá phức tạp. Trước cửa ải, các mưu sĩ của Liễu Thăng đã nghi ngờ nên hết lòng khuyên giải chủ tướng chớ nên khinh suất... Đoán biết được ý đồ của giặc, kích vào đúng huyết kiêu ngạo của Liễu Thăng, Lê Lữ dựa vào thành phủ Tràng Khánh tiến đánh chặn hấn ngay trước cửa ngõ cửa ải Chi Lăng. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt từ đầu xã Quang Lang đến Thành Phủ Tràng Khánh, nhất là quanh thành. Lê Lữ quyết can phá kỳ được bước tiến quân vũ bão của Liễu Thăng, giữ vững thành phủ này. Liễu Thăng cũng quyết lấy bằng được đầu Lê Lữ, viên tướng Đại Việt vừa đánh vừa chạy này để thị uy ngay trước cửa ngõ của ải Chi Lăng. Đúng vào thời điểm quyết liệt nhất thì Lê Lữ bị thương máu loang trên mình ngựa, nhưng ông vẫn nghiến răng, xông vào Liễu Thăng đánh một hiệp nữa, rồi mới chịu quay ngựa ra lệnh cho nghĩa sĩ tháo lui vượt qua cửa ải. Bực tức vì chưa lấy được đầu Lê Lữ, Liễu Thăng gầm lên thúc quân đuổi theo, tràn qua cửa ải và lọt vào trận đồ bát quái của ta, cuối cùng là rơi đầu ở phủ Tràng Khánh.

THÀNH CỔ CHI LĂNG

Ngay sát chân núi Hàm Quý, chạy dọc từ Tây sang Đông qua Hà Bắc, là một thành lũy khá kiên cố.

Đó là thành cổ Chi Lăng. Thành án ngữ con đường từ phía bắc tràn xuống, bảo vệ toàn bộ khu dinh lũy phòng thủ dài từ chân núi Hàm Quý đến mãi thành Xương Giang. Thành được xây dựng từ thời Lê Hoàn. Chính Lê Hoàn đã cho quân mai phục ở đây và trong trận đánh Tống nổi tiếng năm 981, ông đã chém đầu tướng giặc Hầu Nhân Bảo ngay dưới chân thành cổ.

Về sau, Trần Lựu, một tướng tài của nghĩa quân Lam Sơn đã tiếp tục cho xây đắp hoàn chỉnh hệ thống phòng ngự nổi tiếng này bằng đá, gạch. Nguyên vật liệu xây dựng thành cổ chất cao như núi. Sách sử của Ngô Thời Sĩ nói rằng: “Chi Lăng có thành bằng gạch. Ở cửa nam của thành có bia đá ghi năm chữ “Hoàng tráng nhị thập đội” (Đội hoàng tráng thứ 20)”. Năm 1427, Lê Lợi – Nguyễn Trãi cũng chọn thành cổ làm nơi mai phục và đã đánh một trận thắng lớn bên thành cổ, góp phần kết thúc cuộc kháng chiến anh dũng, lâu dài mười năm trời.

Tướng Trần Lựu đã từng trấn ải Pha Luỹ. Giặc chiếm lũy, Trần Lựu được lệnh rút về ải Truy. Giặc tràn đến ải Truy, Lựu nhận được lệnh của Lưu Nhân Chú và Lê Sát tiếp tục rút về ải Lư, Liễu Thăng thừa thắng tràn qua ải Lư. Trần Lựu được lệnh rút về thành cổ, Lưu Nhân Chú và Lê Sát tiếp tục sai Trần Lựu ra nghênh chiến rồi giả vờ thua chạy. Gặp lại Lựu ở thành cổ, cũng như những lần trước, Liễu Thăng chẳng ngần ngại gì mà không thúc quân đuổi theo “tiểu tướng Trần Lựu bại trận”. Thế là Liễu Thăng trúng kế. Lưu Nhân Chú và Lê Sát phát lệnh. Quân mai phục tứ phía tràn ra kín đường, kín núi, chém đầu Liễu Thăng, kết thúc trận đánh thần kỳ bên chân thành cổ.

Cách Biệt Thự xứ chừng ba trăm thước về phía nam nổi lên một ngọn núi nhỏ xinh xinh giữa cánh đồng màu mỡ dọc theo bờ sông Thương. Trên đỉnh núi, có tượng đá giống như ba ngọn lửa cháy hình trái tim đặt ngược, đó là núi Tam Đăng (còn quen gọi là Ba Đăng), nghĩa là ba ngọn đèn cháy rực.

Một ngày tháng 10 năm 1427, tại quả núi nhỏ vô danh này, diễn ra một trận chiến vô cùng chênh lệch giữa một bên là hàng trăm tên giặc Minh có đầy đủ vũ khí trong tay và một bên là ba nghĩa sĩ dân binh, hai trai một gái. Chàng thứ nhất, to cao có sức khỏe và tài bắn cung hơn người, mười phát trúng cả mười. Chàng thứ hai, nhỏ hơn, nhanh như sóc, có tài đao kiếm hơn người. Cô gái có mái tóc như suối, da trắng, người nhỏ nhắn hơi gầy nhưng dẻo dăng, nẩy cung vào đầu trúng đầy. Hai chàng trai có tài có sức đều thầm yêu cô bạn gái quê hương. Ba người đã sát cánh chiến đấu bên nhau suốt từ khi mặt trời cười trên đầu núi phía đông đến lúc mặt trời đi ngủ sau rặng núi phía tây giữa bốn bề kín giặc. Tên hết, kiếm gãy, họ dùng cung và kiếm gãy vừa chiến đấu vừa rút lên núi. Giặc ào lên bắt sống, họ bẫy đá núi hất giặc xuống khe, bẻ cây rừng phang vào đầu chúng cho đến lúc kiệt sức. Trời tối, họ đốt lên ba đồng lửa. Trận mưa tên của giặc đổ lên ba ngọn lửa. Giặc dụ hàng, họ đáp lại bằng lời thách thức cao cả của người nghĩa sĩ anh hùng. Giặc liêu lĩnh mò lên. Họ giết chúng bằng đá núi, cây rừng, thà chết chứ không hàng giặc, cái chết phải sáng ngời như ba ngọn lửa. Thế giặc mạnh. Đã đến lúc họ phải hành động trước nguy cơ rơi vào tay giặc. Người dân binh gái đã dùng mẩu kiếm còn lại, rạch ngực mình móc trái tim ra dâng cho hai bạn trai. Hai bạn cũng dùng tay móc tim mình ra, chum lại dâng cao thành ba ngọn lửa. Trước mặt quân thù, ba trái tim ngọn lửa hùng hực căm thù bốc lên cháy bỏng lòng yêu nước sáng ngời khi phách bất khuất của nghĩa sĩ tuyệt vời anh dũng.

LÀNG LIU

Làng Liu (nay gọi là xóm Quýt, Quảng Lăng, Chi Lăng) là quê sinh của Hoàng Đại Huê, một thủ lĩnh của đội dân binh Tày – Nùng nổi tiếng, một nhà chỉ huy du kích tài giỏi, người đã cùng nghĩa binh dũng cảm tuyệt vời, mưu trí vô song, trực tiếp tham gia đánh trận đầm lầy Mã Yên nổi tiếng trong cuộc chiến tranh yêu nước, chống Giặc Minh vào thế kỷ 15.

Trong trận Chi Lăng lịch sử này, em ruột ông, hai người con gái yêu quý của ông đã có mặt trong đội ngũ những nghĩa sĩ anh hùng, đánh tan ngay trên quê hương mình đạo quân tiếp viện hùng mạnh gồm hàng chục vạn tên do An Viễn hầu Liễu Thăng chỉ huy.

Chuyện kể lại rằng:

Cô Huê, thân sinh của Hoàng Đại Huê, thời còn trẻ là người có thân hình cao lớn, khỏe mạnh. Anh săn bắn giỏi, cày nương, phát rẫy khỏe gấp hai người thường. Anh sli giỏi, lượn hay, con gái đẹp từ chín tuổi mười đèo, từ bản xa, làng cuối, hội chợ mùa xuân rủ nhau từng đoàn về hát với trai bản anh. Nghe anh hát, có chị quên cả đường về. Mười sáu tuổi đi hát bạn, hai mươi tuổi, bốn năm là bốn mùa đi hát với bạn gái mười châu, anh chưa chịu thua ai nên cũng chưa thương ai. Thế mà dùng một cái, trong hội chợ đầu xuân, anh đã phải kinh ngạc trước tài năng ca sli, hát lượn của một cô gái làng bên đang tuổi dậy thì. Nàng lớn lúc nào, chàng không biết, chỉ hôm ấy trái tim chàng mới rung lên như rừng động trước một sắc đẹp mê hồn và giọng nàng còn ngọt hơn cả nước giềng tiên mùa hạ. Cuối mùa lúa chín năm ấy, chàng đón nàng về làm vợ. Hồi đó, bản chàng vẫn còn đang ở cuối suối nước chứ chưa phải là làng Liu bên đầu sông như bây giờ.

Một đêm, chàng cùng phường săn vào rừng bắn đàn lợn lòi đang phá nương rẫy. Đến mờ sáng, phường săn của chàng đã hạ thủ được bảy chú lợn hung dữ, to kèn. Anh nói với bạn phường:

— Các bạn khiêng thú về trước, tôi phải qua đèo xem nương Lân Giao có bị thú phá phách gì không!

Chàng đi trong gió sớm lao xao của rừng. Những bông hoa ngũ say nồng trong chòm lá, bây giờ đã thức dậy, gần như cùng một lúc kín đáo đưa hương. Chim chóc thi nhau hát ca, chào đón những tia nắng hồng phía đằng đông chiếu tới.

Vừa đến một tảng đá đất bìa rừng, chàng thấy một đôi phượng hoàng đang thủ thi với nhau khoe bộ cánh rực rỡ màu sắc trong nắng mai.

Chàng rón rén đến sát bên mà cô cậu vẫn không hay. Bàn tay thợ săn ngửa ngáy quá, mà cái bụng không nở để bàn tay giương cung, chàng nghĩ: Chả phượng ngon lắm đấy, hơn cả nem công kia, nhưng bụng ta, bụng ta không muốn hại giống chim quý đang độ sinh sôi...

Chàng bước tiếp. Đôi phượng giật mình, vỗ cánh lao vút lên tầng cao. Chúng lượn những vòng tròn rất đẹp rồi hạ cánh thấp dần, thấp dần. Chàng rảo bước xuống núi. Đến chỗ rẽ ngoảnh lại, ơ kìa, đôi phượng lại hạ cánh xuống đúng chỗ đất ấy đang xoay trong, quay tròn như điệu múa khèn người Nùng. Chúng dừng lại, nghiêng cái đầu rất đẹp hướng về phía chàng, gật gật như cảm ơn. Chàng trở lại ngắm chim. Chim lại vỗ cánh lên cao. Chàng đi vài chục bước, chim lại đậu xuống đúng tảng đất ấy. Cứ thế, người và chim phượng như chơi trò đuổi bắt với nhau cho đến lúc ông mặt trời đỏ lừ như cái nong đựng lửa, nhô lên trên đồi núi. Chàng vỗ tay vui sướng reo lên:

— Đây rồi, đất tốt bản ta đây rồi, chim quý đậu ở đâu nơi đó phải là đất lành.

Thế là chàng xin bố mẹ dựng nhà đón vợ ra ở đấy. Miếng đất của chim phượng được họ Hoàng [\[7\]](#) tình cờ đến chơi vào buổi sáng nhân việc thăm nương, trở thành làng Liu từ đó.

Một năm sau, người vợ trẻ xinh đẹp của anh sinh con trai đầu lòng. Mẹ trở dạ ba ngày mà cậu bé vẫn chưa chịu ra nhìn ông mặt trời. Đến ngày thứ tư, cậu ra chào đời vào lúc mặt trời đã xuống núi, tiếng khóc vang cả rừng. Cậu khóc ngằn ngặt cho tới hôm sau, lúc ông mặt trời lại về đốt lửa trên đầu núi mới thôi. Cậu bé đó chính là Hoàng Đại Huê. Ba năm sau mẹ Huê sinh một con trai nữa là Hoàng Đại

Liệu.

Từ nay, làng Lìu xinh đẹp giữa cảnh núi sông hùng vĩ lại in thêm những dấu chân nhỏ xíu của hai chàng trai họ Hoàng, Đại Huệ và Đại Liệu càng lớn lên càng giống bố như đúc, từ vóc người to, khỏe, chăm làm, săn bắn giỏi đến sli, lượn cũng tài.

Hai anh em mê chuyện lắm. Những đêm đông, bên bếp lửa rực hồng, ngào ngạt mùi ngô nếp non nổ lép lép trên than đỏ, hai cậu có thể ngồi sáng đêm nghe người già kể chuyện về lịch sử quê hương, về những nghĩa sĩ đã làm lên chiến công rực rỡ trên mảnh đất quê mình, từ thời tiền Lê, qua thời Lý đến thời Trần.

Quê hương tựa lưng vào rừng đại ngàn, bát ngát, mặt nhìn ra sông Thương trong mát, soi trong lòng nước, dãy núi đá trập trùng cao tít trời mây... đã nuôi dưỡng và tắm mát tuổi thơ của Huệ và Liệu.

Thầy học, kể cả thầy dạy chữ và thầy dạy võ, thầy nào cũng quý mến hai anh em họ Hoàng. Các cậu không những học rất thông minh, lại chăm chỉ, ngoan ngoãn. Học được cái gì, Huệ dạy ngay lại được cho các bạn cùng lứa tuổi cái đó.

Mười hai tuổi, Huệ đã đứng trước các bạn, đóng giả Trần Hưng Đạo giảng Binh Thư yếu lược, thộc lầu lầu. Đánh trận giả thì bạn nào cũng muốn ở phe Huệ bởi bao giờ Huệ cầm quân cũng thắng, mặc dù ít quân hơn hay yếu thế hơn. Huệ thương bạn và quý bạn lắm. Năm mười sáu tuổi, một hôm Huệ cùng các bạn vào rừng lùa trâu về cày nương. Đến ngang đèo, chỗ gấp khúc, bạn đi đầu bỗng kêu thét lên:

— Hổ...

Huê đã thoáng thấy con hổ xám vồ mắt bạn rồi. Không hề chần chừ, do dự, Huệ rút phất con dao rừng sắc như nước lao theo. Con hổ bị đuổi sát, hai chân đầy vuốt bỏ mồi, giận giữ quay đầu lại gầm lên vồ xuống Huệ. Nhanh như cắt. Huệ nghiêng răng chém một nhát, đầu con hổ đứt ngang, lăn lóc, miệng há ra đỏ lôm đồm đầy răng nhọn hoắt.

Huê lao đến bế bạn lên. May quá, bạn chỉ bị thương nặng, không chết. Vai cũng bạn, tay xách đầu con hổ xám, Huệ gọi các bạn vào khiêng con hổ xám to như con bò tơ về làng.

Các già bản và bố Huệ khen:

— Rồi con có thể làm nên!

Từ đó, không có cuộc thi nào Huệ không đứng đầu, từ phi ngựa bắn cung đến múa kiếm, ném còn. Huệ trở thành niềm tự hào của các bạn trẻ quê hương và sau này là của cả quê hương, làng Lìu.

CON CHIẾN MÃ TRUNG THÀNH

Ngay phía sau núi Quỷ, chúng ta thấy hình một con ngựa đá, đầu vươn cao kiêu hãnh, dáng đang phi nước đại. Đó là con chiến mã trung thành.

Cùng nghĩa sĩ dân binh rút lui vào rừng sâu xây dựng căn cứ chống giặc, chiều mùa hạ, Đại Liệu đi với bạn nghĩa ra suối tắm. Tiếng một con ngựa hí lên nghe đến não lòng.

— Chắc nó bị thương. Sao lại có ngựa bị thương ở đây? Ngựa của mình không có con nào hí yếu ớt như vậy đâu! Liệu nhảy xuống nước, bơi qua suối, sang bên lùm cây có tiếng ngựa hí. Liệu đã đoán không sai. Một con ngựa cái, giống tốt, đang có mang. Nó đứng giụi đầu vào gốc cây thờ dốc, bợt sùi trắng hai mép đặc sánh, ngược đôi mắt đã mờ đục nhìn Liệu như cầu khẩn. Một vết chém nằm ngang trên cổ, vết thương còn đỏ lôm máu rỉ nhỏ giọt. Nhìn vết thương trên cổ con ngựa, Liệu thấy đau trong bụng. Anh biết ngay vết thương kia là vết gươm chém của giặc Minh. Một tên láu cá nào muốn cướp con ngựa hồng giống quý đang có mang này. Liệu biết chỉ vùng quê anh mới có giống ngựa này. Người lạ sờ vào thì coi chừng! Có lẽ nó cắn tên giặc định lôi đi nên nó bị chém và đã chạy thoát vào rừng. Anh đi tìm lá thuốc rịt cho ngựa xong, vuốt ve dặt ra bờ suối, lau từng vệt máu cho nó. Các bạn đã kiếm ngay được cho con vật bị thương những nắm lá, cỏ thật ngon. Vết thương con ngựa lành dần. Hai tháng sau, nó sinh một chú ngựa con màu hồng sẫm. Chú ngựa đẹp ra đời trong cảnh hoạn nạn vừa qua của mẹ nó và đúng lúc dân binh đang gặp khó khăn về lương thực. Tuy vậy nó vẫn cứ lớn nhanh như thổi trong sự chăm chút từng li của cả đội và ở đâu có Liệu thì ở đó có chú ngựa hồng. Nó quăn quýt bên người chủ đầy tình thương yêu ấy như mẹ nó, nhất là hôm mẹ nó đi chặn đánh một toán giặc, bị thương rồi chết. Đại Liệu càng quý con ngựa non hơn lúc nào hết. Nó lớn nhanh mà khôn lạ. Nó thuộc từng đường ngang ngõ tắt. Trong rừng sâu, tối như đêm ba mươi, cách xa hàng hai ba chục dặm, chú ngựa vẫn đưa chủ về đúng căn cứ bằng con đường ngắn nhất, không bao giờ lạc. Ngựa con rất thính. Ngay trong đêm tối, nếu bất thần chú dừng lại, hai vó trước cào cào xuống đất khe khẽ, dứt khoát là phía trước có hổ rình hoặc giặc Minh mai phục. Thế là toàn đội lập tức khai triển đội hình, diệt ngay con hổ ác hoặc giáng một đòn bất ngờ vào đối phương.

Có một lần, trong một trận kịch chiến giáp lá cà với toán giặc rất đông, chúng vác giáo xông bừa vào vây quang Đại Liệu. Ông rút cả gươm ra thủ thế. Rồi hai tay hai gươm, ông té con tuần mã của mình lao vào đội hình đông đặc của giặc, chém lia lịa. Đầu giặc rụng như trái chín gặp bão, nhưng rồi ông bị một tên giặc lao giáo vào ngực. Ông né ngực tránh mũi giáo và ngã ngựa. Bất dậy, ông bị hai tên khác đã vung gươm bỏ xuống... Bất thân, con tuần mã lao vào hai tên giặc cắn xé cứu chủ. Đại Liệu nhảy phốc lên con tuần mã, tiếp tục chiến đấu.

Từ đó chú ngựa hồng được các nghĩa sĩ gọi bằng cái tên âu yếm và tin cậy “con tuần mã trung thành”.

Cuối cùng, đáp lại lòng tin yêu của chủ, trong trận kịch chiến ngày 10 tháng 10 giữa lúc say máu nhất, chủ nó ngã ngựa. Trong cảnh hỗn quân hỗn quan, nó tưởng làm chủ nó đương ngồi trên mình nó. Chạy được một đoạn, nó phát hiện ra giặc ngồi trên lưng, nó quay tròn cật vó hất giặc xuống cho bằng được. Khi Đại Huệ dẫn nó đến vĩnh biệt người chủ thân yêu, chiếc mũi đen bóng ướt của con tuần mã cứ giụi giụi mãi vào thi hài Đại Liệu. Từ trong đôi mắt tối lại vì đau buồn của nó, ứa ra những giọt nước chậm chậm rơi xuống. Chôn cất chủ nó xong, người ta cho gì nó cũng chẳng ăn. Sau đó, nó hí lên thăm thiết rồi phi thẳng lên núi Quỷ. Cả một đoàn quân, sĩ leo núi tìm mãi đến tối mà không thấy nó đâu cả. Sáng mai ra thấy nó đã chết hoá đá sau núi Quỷ, đầu ngẩng cao kiêu hãnh, mãi mãi hướng về thôn Trung nơi có đền thờ chủ nó.

ĐỀN THÔN TRUNG

Một ngôi đền cổ kính nằm trên một gò đất cao giữa đầm lầy Mã Yên Sơn. Đó là đền thờ người anh hùng phó tướng dân binh Hoàng Đại Liệu, em ruột Hoàng Đại Huệ.

Tương truyền rằng Đại Liệu, ngay từ thuở thiếu thời vốn ít nói nhưng giàu lòng thương bạn. Có cái gì ăn, dù ít dù nhiều không bao giờ Liệu không chia đều cho các bạn cùng tuổi. Cái gan của Liệu thật là to. Các bạn lên núi vào rừng hái củi, hái măng... có Liệu là yên trí, chả sợ gì. Có một lần, vào đầu tháng chín, Liệu cùng các bạn vào rừng hái nấm hương. Năm ấy, thuận mưa, nấm hương ra nhiều, thơm lừng cả khu rừng. Cái nải xanh trên vai Liệu căng dần. Bỗng từ phía phải bên kia gốc cây nghiêng già, các bạn kêu thét lên có chuyện không lành. Không chần chừ, Liệu quăng nải, rút dao lao về phía bạn đang kêu cứu. Một con trăn đói đang đuổi bạn Khứu. Mặt xám ngoét, bạn đang chạy vòng vèo lẩn tránh qua các gốc cây. Mồm há hoác, con trăn lao theo mồi, lưỡi thè ra, mép sùi bọt. Liệu gào lên:

— Cứ chạy như thế, đừng có trèo lên cây, nó...

Liệu chạy bổ đến chém một nhát vào con trăn, đuôi nó rời khỏi thân. Bị chém bất ngờ, trong cơn đau điên dại, nó quay đầu bổ vào Liệu. Liệu chém một nhát nữa vào cổ nó. Con trăn văng ra rồi lại lao đến. Tại sao chém không đứt? Một suy nghĩ cay đắng loé lên trong đầu Liệu. Vội quá, chém bằng sòng dao rồi! Liệu chạy, con trăn đuổi theo. Liệu lẩn vào gốc cây to. Cái đầu đen xì của con trăn theo gốc cây trườn đến. Liệu chém một nhát bị trượt, lưỡi dao bập sâu vào thân cây, không bẫy ra được. Bỏ dao, Liệu vác hòn đá ném trúng cổ. Nó oằn lên rồi lại lao vào. Bí quá, Liệu chỉ kịp mở hai tay bốp chặt vào cổ nó. Con vật hung hãn quẩn quanh thân Liệu. Người và trăn lẫn tròn, tức thở quá, mắt hoa lên, Liệu nảy ra ý nghĩ trong đầu: Cứ bám chặt, buông thả ra là chết, cứ bốp, cứ bốp...

Liệu nghiêng chặt hai hàm răng, cũng may con vật chỉ to hơn vòng tay của Liệu một chút, lại bị cụt đuôi, không lùa vào nách Liệu để cù được nữa. Máu ra nhiều con trăn yếu dần. Các bạn đến, thấy Liệu và con trăn đang quẩn tròn lấy nhau, mỗi bạn một tay, xúm vào gỡ trăn ra cho đến khi con vật chỉ còn lại khúc cổ đang nhỏ từng giọt máu, ngung nguẩy trong tay Liệu.

— Vứt nó đi Liệu ơi, vứt nó đi! Các bạn reo lên trong niềm vui chiến thắng. Nhưng Liệu không sao buông ra được, ngón tay không duỗi ra được nữa, quặp chặt mãi vào cổ trăn. Liệu nhờ ác bạn gỡ ra. Vuốt mãi, nắn bốp mãi, mười ngón tay mới dần dần cử động được. Quanh mình Liệu tím bầm từng vòng tròn. Về đến cầu thang, mặt trời đã khuất, cậu nào cũng mệt rũ, đói meo, song vẫn vui như hội, trên vai mỗi cậu vác một khúc trăn còn tươi. Người già khen bọn trẻ giỏi. Bố Liệu mang mật gấu bốp cho con, bảo:

— Làm trai ở núi rừng, cái gan phải to, cái bụng phải sạch. Lấy cái gan mà cứu bạn, lấy trí khôn để vượt nạn thì đáng là con trai bố.

Hai hôm sau, Liệu cùng các bạn lừa trâu lên rừng trong tiếng ca của buổi sáng lộng gió rừng chở đầy mùi hoa thơm.

Đại Liệu đến tuổi trưởng thành, thì nước mất nhà tan, quê hương bị giặc tàn phá, cướp bóc, giết chóc. Anh đã cùng các bạn theo anh trai vào rừng giết giặc trả thù cho làng bản quê mình. Liệu sống với đồng ngũ bằng cả tấm lòng thương yêu nồng thắm. Được suy tôn làm phó tướng, Liệu vẫn ăn theo miếng ăn của bạn nghĩa, cùng ngủ trong đồng lá khô, cùng tắm truồng và vật nhau với dân binh bên bờ suối. Ông định làm cái gì là làm bằng được, chết cũng làm. Có một lần, trẻ con trong hang lánh nạn, ốm chết vì đói muối. Mấy lần chặn đánh giặc không cướp được hạt muối nào, Liệu xin đánh thành để lấy muối. Đại Huệ chưa cho. Thế là ông rủ hai bạn nữa, trốn anh trai, phi ngựa lên thành Khâu Ôn, buộc ngựa trong rừng, vào thành giặc, giết tên lính gác, vào đến kho bị lộ, ông ở lại chặn giặc cho hai bạn vác muối rút ra. Ông rút sau cùng bị một nhát gươm chém sạt bả vai trái. Tìm được lá thuốc rịt vào vết thương thì trời vừa sáng, ông phi ngựa về căn cứ. Tay phải ép chặt lên vết thương, tay trái ghì

cương vẫn cầm chặt tải muối trên lưng ngựa. Về đến căn cứ, vì mất nhiều máu, ông kiệt sức, ngã ngựa ngất xỉu. Sau khi vết thương lành, ông bị Đại Huệ phạt rất nặng. Ông chỉ cười rồi lại lao vào luyện quân. Ông hứa sẽ không bao giờ trái lệnh và từ đó, dù như thế nào, ông cũng không phạm luật ba quân nữa.

Hoàng Đại Liệu được bộ chỉ huy nghĩa quân giao nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp chỉ huy một đội kỵ binh tinh nhuệ của dân binh phối hợp với kỵ binh của nghĩa quân chủ lực, chờ sáng có lệnh trên núi Mã Yên, sẽ từ bìa rừng đại ngàn bắt thần xô ra té nát đội hình giặc, cùng đại quân giết cho bằng được Liễu Thăng. Sáng sớm ngày mười tháng mười năm 1427, tin mật báo bay về trận địa mai phục như sau:

Bị đội quân đánh dử của ta chọc tức, không chịu được, máu nóng trào lên, Liễu Thăng ra lệnh hạ kiệu. Liễu Thăng truyền cho đại quân dừng lại, tự mình mặc áo giáp cưỡi ngựa vằn, cùng đoàn quân kỵ mở đường hòng tăng thêm sĩ khí cho ba quân. Áo giáp của hắn đằng trước đằng sau đều chạm hổ phù vì vậy dân ta còn gọi Liễu Thăng là con hổ.

Súng lệnh nổ. Đại Liệu dẫn đầu cánh quân kỵ của ông lao vào đoàn quân đen đặc của giặc. Những lưỡi kiếm đỏ máu vung lên bổ xuống liên hồi. Giữa lúc đoàn kỵ mã của ông đang thừa thắng xốc tới, quân reo như sấm động cả một vùng thì Đại Liệu nhác thấy con hổ đang gò cương con ngựa vằn định tháo chạy.

— Nó đây rồi, anh em ơi, giết! Giết!

Đại Liệu hét lên, phi ngựa tới đuổi sát Liễu Thăng. Ông cúi gập người, lia mũi kiếm chặt chân sau con ngựa vằn. Con tuấn mã đang phi mạnh bỗng bị mất vó, ngã lăn. Nhưng cũng nhanh như cắt, Liễu Thăng đứng phắt, vung kiếm lên bổ vào đầu một nghĩa sĩ của ta. Nhanh như gió, Liễu vung kiếm lên bổ trúng đầu con hổ. Không ngờ lưỡi kiếm của ông lại chệch ra ngoài vì lúc đó, một viên tướng hầu cận Liễu Thăng đã đâm trúng sườn ông. Đại Liệu né người vung lưỡi kiếm ngược lại phía sau, hạ thủ viên tiểu tướng giặc. Thừa cơ đó, Liễu Thăng đã chém trúng ngang lưng ông...

Về sau nhân dân đã lập đền thờ ông. Đó là đền Thôn Trung.

KHU TUẦN ĐÌNH

Bên bìa rừng đại ngàn, cạnh Mã Yên Sơn là khu Tuần Đình. Mảnh đất này đã liên kết những người dân binh giàu lòng yêu nước thành một tổ chức kháng chiến dưới sự chỉ huy đầy mưu trí và quả cảm của Đại Huê. Đã có nhiều chuyện Đại Huê đánh giặc của truyền lại đến ngày nay.

Do tài năng và đạo đức của mình, năm 20 tuổi, Đại Huê đã được đồng bào mình suy tôn làm tù trưởng. Chỉ trong vòng vài năm, ông đã đền đáp lại một cách xứng đáng lòng tin yêu của dân bản quanh vùng. Dưới sự lãnh đạo của ông, thóc chất đầy sàn mọi nhà, ngô đầy gác, trâu, bò, gà, lợn từng đàn dưới sàn, mất vài con không thể biết. Săn thú dữ, có ông dẫn đầu; trồng lúa ruộng, ông cùng bà con lên đầu nguồn khơi con nước, phát nương, đào rẫy có ông.

Tiếng lành theo gió bay xa, hương thơm mọi người đều biết. Khắp các châu bạn nức tiếng khen dân châu Ôn chọn được người tù trưởng tốt.

Quê nhà đang rạo rực niềm vui xây dựng, niềm vui sinh sôi dưới sự lãnh đạo của người tù trưởng trẻ tuổi thì đất nước lại bị bọn giặc Minh bạo tàn sang xâm lược.

Ngày 19 tháng 11 năm 1406, một ngày u ám và giá lạnh. Mây đen theo gió mùa đông bắc tràn vào lớp lớp. Tin giặc Minh tấn công vào đất nước giữa lúc Đại Huê đang đứng trước đội ngũ dân binh bừng bừng khí thế chống giặc tại khu Tuần Đình.

Thế là dã tâm xâm lược của kẻ thù đã phơi trần. Trước giờ phút nghiêm trọng ấy. Giọng nói như sấm của người thủ lĩnh dân binh trẻ tuổi vang lên:

— Hỡi anh em trai tráng bản làng, không cho giặc xấu đến đây, phải đánh đuổi chúng nó đi, giết chúng nó đi... Cả hàng quân ào ào như sấm dậy, không gì át nổi.

Những tiếng hét vang rền không dứt:

— Không cho giặc đến đây làm xấu, đánh giặc giữ lấy dân lấy bản, giết giặc, giữ lấy núi rừng...

Từ giờ phút thiêng liêng đó, khu Tuần Đình trở thành nơi tụ nghĩa, căn cứ địa của dân binh Chi Lăng. Cũng trong không khí bừng bừng dũng khí giết giặc, Hoàng Đại Liệu được anh em suy tôn làm phó tướng của đội quân du kích quê hương.

Gần hai trăm ngày đêm liên tục chiến đấu, bám chắc từng ngọn suối, từng khúc sông, từng vách đá, phạt rừng, bám chắc từng bản, từng làng, từng người dân quê hương, đội dân binh Chi Lăng đã làm cho giặc Minh nhiều phen khốn đốn. Chúng bị đánh ở khắp nơi, ở mọi chỗ, bị đánh cả ngày lẫn đêm, mất ăn, mất ngủ. Lính xâm lược đang đốt nhà cũng lăn đùng ra chết, đang ngủ, rú lên một tiếng mà chết, đang ăn, quăng bát giãy đánh đập mà chết, đang gác, ngã vật xuống mà chết. Những mũi tên độc không biết từ đâu đến, ở chỗ nào ra, chỉ nghe tiếng vu... u... u...u thế nà đã cắm phập vào quả tim chúng rồi chết không kịp trời trăng. Thế mà không sao tìm ra địch thủ. Núi cao, rừng sâu. Càn mãi mà không sao tìm được bóng dáng của đối phương, chúng giận dữ, giận tím mặt, giận điên người... nhưng làm sao được? Đất này, sông này, núi rừng này không phải của chúng. Làng bản này, nhà cửa này không phải do ông cha chúng để lại.

Cuối tháng sáu năm ấy, tin dữ bay về như tiếng sét đầu mùa mưa, đất nước bị xâm lược.

Đêm ba mươi, khu Tuần Đình không một ánh lửa, không một tiếng rì rào. Chỉ có gió rừng rên rĩ. Tiếng suối như khóc than. Giữa lặng im mênh mông, tiếng người thủ lĩnh lại rền vang như trống trận:

— Giặc đã xâm chiếm đất nước ta nhưng không bao giờ giặc chiếm được lòng người mình đâu. Như anh em mình đây, như lòng người dân đất này, lòng ta vẫn yêu con sông, cái suối, lòng ta hoà vào dòng nước ngọt đầu nguồn. Lòng ta yêu cái núi cao, rừng dày, lòng ta hoà trong đó. Lòng ta yêu cái nương nên lòng ta hoá gạo trắng ngần... Giặc không chiếm được lòng ta. Giặc không chiếm được quê ta. Ta biết chết cho quê hương của ta. Ta không biết đầu hàng giặc. Trần Bình Trọng thà chết thơm còn hơn sống nhục. Nguwoif đất quê ta xưa nay chưa hàng giặc bao giờ. Nào anh em!

Đêm ấy, đội dân binh đã đưa dân chúng vào tận rừng sâu, lên những núi cao tổ chức lực lượng đánh giặc, cứu nước.

THÀNH KHÂU ÔN

Cách ải Chi Lăng về phía Bắc chừng hơn ba mươi cây số là thành Khâu Ôn. Đây là một thành lũy được giặc xây dựng gần hai mươi năm, thành cao, hào sâu, đại hình hiểm trở. Từ thành Khâu Ôn đến thành Xương Giang, Hà Bắc, cách hơn tám mươi cây số, là quãng đường có quan hệ sinh tử tới mười vạn viện binh địch.

Vào những ngày đầu tháng chín năm 1427, phần lớn đất nước ta đã được giải phóng. Hàng loạt thành lũy cuối cùng của giặc như Nghệ An, Diễn Châu, Tam Giang, Thị Cầu... lần lượt bị tiêu diệt. Riêng hai thành kuyx Khâu Ôn và Xương Giang, bọn giặc ngoan cố chống cự đến cùng. Ngày toàn thắng sắp tới thì tin dữ đến, mười vạn viện binh địch đã tràn sang cứu nguy Vương Thông đang bị ta vây chặt ở Đông Quan. Đạo quân này do An Viễn hầu Liễu Thăng thống lĩnh. Liễu Thăng, một viên tướng tài của nhà Minh đã từng đánh Đông dẹp Bắc, già đời nơi trận mạc, một viên tướng đã được triều Minh phong đến tước hầu, chưa hề biết thất bại trong binh nghiệp của hãn trên đất hãn là gì.

Theo lời bàn trong thư Nguyễn Trãi, Đại Huê đã tập hợp được các tù trưởng quanh vùng, thảo kế lấy thành. Đặc sản quý nhất của địa phương được tập trung lại thành món lễ vật lớn. Một đoàn gồm các thổ quan ở địa phương cùng một đoàn con gái đẹp ăn mặc lộng lẫy do Kiều Liên và Kiều Hoa đứng đầu, bung lễ vật vào dâng quan chủ thành và lĩnh lệnh truyền của quan chủ thành về chuẩn bị rượu, thịt, cùng các đặc sản khác, đón đại quân tiếp viện nay mai. Còn đại bộ phận quân ta bí mật phục trên thành từ đêm trước, chờ tin của đoàn công lễ thì tràn vào hạ thành.

Kế hoạch đã được chuẩn bị xong xuôi. Đại Huê thảo biểu dâng lễ vật lên quan chủ thành. Các thổ quan ký vào tờ biểu.

Một thổ quan có tín nhiệm với quan chủ thành được cử vào dâng biểu, lời lẽ thông thiết nói lên lòng trung thành của nguy quan đối với “thiên triều”, và nỗi vui mừng của dân các châu miền núi đang nóng lòng chờ đón đại quân tiếp viện sang để tỏ lòng thành đối với “thiên triều”.

Lòng thành của thổ quan và dân địa phương được quan chủ thành chấp thuận, ngài còn tỏ lòng cảm ơn khi biết rằng dân địa phương cử một đoàn gái đẹp tới dâng lễ vật và ở lại để hầu hạ các quan trong thành.

Đúng theo lời biểu, một buổi chiều tháng chín, mùa thu năm 1427, trời cao xanh vời vời, gió từ những thung lũng khô thổi bay bay những tà áo chàm xanh, đậm sắc núi rừng của các cô gái đẹp vòng bạc, đoàn dâng lễ của quân dân địa phương với quần áo rực rỡ sắc màu như ngày hội chơi xuân, đang từ từ tiến vào cổng thành. Những cô gái, vai đeo đàn, bung những mâm quả sơn son thiếp vàng theo sau các thổ quan. Tiếp đó, đến đoàn trai bản gánh gà thiến, rượu, gạo, những chú lợn đang béo ngậy, cả những con bê tơ đang ngoan ngoãn bước theo đoàn người, thỉnh thoảng lại rống lên bê... bê... rất ngộ.

Cổng thành mở. Chiêng, trống nổi lên chào đón đoàn lễ. Mấy tiểu quan ra tận cổng thành đón họ. Đoàn người vào hết, cổng thành đóng sầm lại, kín như bưng. Mặt trời đã khuất sau đỉnh núi.

Quan chủ thành chuyển lệnh mở tiệc khao quân để trấn an tinh thần binh lính, quyết giữ thành kỳ được, chờ tướng quân sang tiêu trừ quân Lam Sơn nổi loạn. Trời tối hẳn. Những cột lửa được đốt sáng đêm, chẳng là để đề phòng đối phương đánh úp. Những tiếng cười, tiếng la hét om sòm từ tiệc rượu trong thành vọng ra đến cả những dãy núi bao quanh. Những người con gái của quê hương đang tiếp tục dâng lễ làm nhiệm vụ quan trọng của mình. Trong khi đồng đội đang chúc rượu cho binh lính say mê, Liên và Hoa lén vào trại giặc, lấy cắp kiếm giấu trong người, rồi bung mâm rượu ra cổng thành. Bốn tên lính canh thấy gái mang rượu đến, lập tức sà đến như ruồi thấy mật, cười cợt chòng ghẹo và như những con gấu đói, vồ ngay mâm rượu, ngửa cổ tu. Nhanh như cắt, những đường gươm điêu luyện của Hoa và Liên đã hạ thủ bốn tên lính gác trong nháy mắt. Chúng không kịp kêu một tiếng. Hai chị em mở toang cổng thành. Hiệu lệnh tiếng chim đêm rúc lên, đội nghĩa sĩ bí mật tràn vào. Giặc kêu rú lên

thì đã muộn rồi, một trận giáp lá cà xảy ra ngay trong bàn tiệc. Tiếng kiếm rít gió lạnh gáy, tiếng rú man rợ của giặc phá lên kinh hoàng. Chúng chết không nhắm mắt, mồm há ra trong cơn bất ngờ khủng khiếp. Thành Khâu Ôn bị tiêu diệt, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho Lê Sát và Trần Nguyên Hãn phá chốt Xương Giang, cô lập Đông Quan và đánh bại đạo quân cứu viện lớn của Liễu Thăng để bước vào thời kỳ sắp kết thúc chiến tranh giải phóng dân tộc do Bình Định Vương tiến hành gần mười năm qua.

TỪ GIỀNG ĐỒNG THỌP ĐẾN CHÙA NÁI ĐỒNG BÀNH

Từ đền Mo Bạo (làng Trung) qua giếng Đồng Thọp đến chùa Nái Đồng Bành, có đến bốn đền thờ hai cô Hoàng Thị Kiều Liên và Hoàng Thị Kiều Hoa, con gái thủ lĩnh Hoàng Đại Huê, hai nữ dân binh nổi tiếng của quê hương Chi Lăng.

...Ngày từ thuở lọt lòng, hai chị em đã có những nét giống nhau đến lạ.

Liên ra đời trong một đêm mưa bão tháng 7, gió gầm rít lên điên dại. Gió rít qua khe sàn, lùa vào nhà giận dữ, lay đổ cả bát hương. Liên khóc ngằn ngặt, khóc khản đặc suốt 20 đêm liền. Mẹ Liên gầy rạc, mắt trũng sâu vì 20 đêm thức trắng ru con.

Hai năm sau, Hoa ra đời trong tiếng sấm đầu mùa của tháng 3. Cô cũng khóc liền 18 đêm trắng trong cánh tay mềm của mẹ. Hai chị em giống nhau đến nỗi có người gọi nhầm. Mới sáu, bảy tuổi, Liên và Hoa đã thuộc lòng những khúc ca mẹ dạy. Hai chị em có giọng hát trong như suối đầu nguồn, ngọt như bắp nếp non đầu vụ. Học chữ dù khó mấy, hai chị em chỉ cần một tuần nước chưa sôi, đã thuộc. Vì vậy, hai chị em luôn luôn làm vui lòng ông và bố. Giá như không có giặc Minh xâm chiếm đất nước, tàn phá quê hương, giết chóc người già, bạn trẻ thì tương lai của Liên, Hoa và các bạn cùng lứa tuổi sẽ tươi đẹp biết bao trên quê hương tươi đẹp của mình!

Sinh ra trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, hai chị em Liên, Hoa đã rủ các bạn cùng tuổi theo cha chú vào rừng học võ và trở thành những dân binh gái tài giỏi mưu trí.

Những người dân binh gái ngày càng tỏ ra xứng đáng với lòng tin cậy tuyệt đối của toàn đội. Họ không chỉ phát rẫy tria bắp, trồng sắn, gieo lúa nương, đào củ mài nuôi quân mà còn băng rừng, lội suối đến các phiên chợ trong vùng giặc chiếm, dò xét, nắm chắc tình hình địch, đổi sa nhân, mộc nhĩ, nấm hương, lầy muối, dao, gạo, thuốc về nuôi dân bản và nuôi quân. Họ là tai mắt tinh tường của cả đội. Sống với dân làng, bản, chết với dân làng, bản, họ đã tổ chức cuộc sống trong rừng sâu suốt những tháng năm chạy giặc vô cùng gian nan.

Có một lần, vào những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến, Đại Huê cho gọi hai con lên bảo:

— Chồng giặc còn phải bền bỉ lâu dài. Cơ trời đã định thế để thử chí người dân Việt, các con lớn rồi, bố muốn cho các con có bạn trăm năm, bố cho Liên...

Hai chị em nghe bố nói, xấu hổ, mặt chín lựng như quả mắc lầu[8]. Và mỗi người đều biết chàng trai được bố cho kia là ai rồi. Đó là bạn trai cùng quê và cũng là bạn chiến đấu mà Liên, Hoa đã thương.

— Bố ạ! Chúng con có thương nhau thật nhưng chúng con đã hẹn nhau đến ngày đuổi hết giặc Minh...

Chiến thắng ngày 10 tháng 10 của quân ta ở đầm lầy Mã Yên với trên một vạn quân tiên phong của địch bị phơi thây và đầu của hổ tướng Liễu Thăng lìa khỏi cổ, đã giáng một đòn sấm sét lên đầu đạo quân viện binh khổng lồ. Hàng ngũ rối loạn, tướng sĩ khiếp đảm đến nỗi phó tướng Lương Minh còn phải mấy ngày sau mới hoàn hồn, hò hét quân sĩ tiếp tục con đường đến đến “cửa tử” của chúng.

Hắn ra lệnh, nếu chiếm được ải Chi Lăng, sẽ cho tướng sĩ mặc sức cướp bóc, đốt phá để cho miếng đất ma quỷ này phải mãi mãi khiếp sợ sức mạnh của đội quân “thiên triều”.

Được! Bảo cho tướng giặc Lương Minh biết đất Chi Lăng, người Chi Lăng, cỏ cây, hoa lá, chim muông của núi rừng Chi Lăng hùng vĩ này đang đứng đây đón nhận mọi thách thức lão xược của cả “thiên triều” nhà hắn.

Trước đội quân xâm lược còn quá đông với thực lực của ta chưa thể tiến công tiêu diệt hoàn toàn chúng ngay được, các tướng lĩnh chỉ huy mặt trận quyết định căng con rắn độc xâm lược khổng lồ ra để chặt đứt từng khúc một.

Đội dân binh Chi Lăng lại được nhận nhiệm vụ về vang tiếp tục chặn đánh quân địch ngay trên quê hương mình và dữ bằng được quân thù, lao vào những trận đồ thiên la địa võng mới của quân ta chia cắt chúng, tiến tới tiêu diệt chúng hoàn toàn.

Đêm rằm tháng mười. Càng về khuya, trăng càng sáng. Hết canh ba, Đại Huệ cầm chiếc bút lông vào ống, gấp tập trận đồ tác chiến lại, khoan khoái rít một mũi thuốc lao toả khói ra sau những vòm lá ở khu căn cứ. Trăng e lệ nghiêng đầu như mời mọc vị thủ lĩnh dân binh. Ông ung dung rời căn cứ đi lên núi Quỷ môn quan. Ngay dưới chân thành lũy, đến bờ sông ánh trăng, Đại Huệ thấy hai nghĩa sĩ đang múa gươm, luyện kiếm say mê đến nỗi, ông đến ngay bên cạnh mà họ vẫn không hay biết gì. Bản thân ông cũng say mê đường gươm của họ đến nỗi phải rón rén như người đi săn. Đôi chân đưa ông đến sát hai người nghĩa sĩ lúc nào không biết, đường gươm thế thủ của họ quay tít đến mức giá ông có cầm hòn đá ném thẳng vào người họ, hẵn đá phải bắn tung ra bởi đường gươm bao kín người nghĩa sĩ như một tấm lưới sắt bọc ngoài. Trăng như dát bạc xung quanh hai người họ theo đường kiếm tuyệt vời của họ. Giữa đường kiếm kỳ diệu ấy, khó mà nhận biết được ai trong ba quân của mình. Đại Huệ gật gật đầu đôi mắt ông sáng lên dưới ánh trăng, thật cũng bỏ công bao đêm ngày ra sức luyện rèn binh sĩ.

Ồi! Bó! Chị Liên ơi! – một nghĩa sĩ giọng thanh thanh kêu lên. Cả hai người ngừng tay kiếm, mồ hôi sáng long lanh trên hai khuôn mặt tươi trẻ ngời ngời dưới trăng tròn. Nhìn hai người con gái trong bộ binh phục nam giới đang bẽn lẽn nghiêng đầu trước mặt mình, lòng người cha dào lên niềm tự hào, tin cậy.

— Thì ra là hai con! Các con không ngủ à? Canh tư mới đến phiên các con gác kia mà!

Kim Liên lễ phép thưa:

— Chúng con không ngủ được! Cứ nhắm mắt lại là thấy giấc Minh tiên công bất ngờ vào doanh trại của mình. Thế là hai chị em con rủ nhau ra đây ôn luyện vài đường kiếm trước khi đổi gác. Từ nhiên con thấy người bồn chồn như sắp có gì xảy ra, em Hoa cũng vậy bố à!

Đúng lúc đó, một con ngựa chiến từ trong doanh trại phóng ra. Bị gò cương bất ngờ, nó quay tròn trước mặt ba cha con vị thủ lĩnh và dừng lại, đầu vươn cao tỏ ra còn sung sức lắm. Từ trên mình ngựa, một kỵ sĩ cao to, nhảy phắt xuống đứng nghiêm trang trước mặt Đại Huệ:

— Thưa tướng quân, có tin mật báo khẩn cấp!

— Được! Trở về doanh trại trình ta.

Vài khắc sau, hai chị em Liên – Hoa và ba quân đã nhận được tin: Canh năm, giấc tiên vào phá ải.

Tất cả đã nghiêm lệnh sẵn sàng chờ giấc. Đúng như tin mật báo, mờ sáng ngày 16 tháng mười, trời đất dày đặc mây mù, đi chạm quân nhau mới biết người đằng trước, ỷ vào thế mạnh quân đông, phó tướng Lương Minh dẫn gần một chục vạn quân tràn vào cửa ải.

Cuộc chiến đấu quyết liệt từ lúc sương mù ban mai còn dày đặc đến lúc trăng 16 tròn vạnh, đỏ lù treo đầu núi vẫn chưa kết thúc. Xác giặc chất đầy khe, kín núi, nhưng chúng vẫn cứ như lũ tháng bảy tràn về, xác mới chồng lên xác cũ. Chúng truy kích theo quân ta trên đường rút lui dọc sông Chảy, cứ xuôi, xuôi mãi, mọi ngã, mọi đoạn, tuy cách nhau theo hình nan quạt nhưng đều cùng một hướng nam.

Như vậy là ta đã khiến địch làm theo ý ta căng chúng ra, dàn mỏng chúng. Với tinh thần “nhận được lệnh thì quên gia đình, ra trận thì quên mình”, đội dân binh Chi Lăng đã hoàn thành nhiệm vụ cơ bản thứ nhất. Đại Huệ và quân sĩ chuẩn bị khoá chặt đuôi quân địch trong trận cuối cùng tiêu diệt quân xâm lược thì có tin dữ dội: Một tên phản quốc hàng giặc đã dẫn một đạo quân khá lớn đang bao vây cơ sở an toàn của dân chúng trên rừng Đại Ngàn. Thoáng trước mắt Đại Huệ hiện ra những đám lửa cháy rừng rực, giặc rú lên những tiếng cười man rợ mỗi lần chúng quăng những mái tóc bạc phơ, những đàn bà tay không tác sát, vào lửa và tiếng thét đứt ruột của những đứa bé ngây thơ bị chúng cầm hai chân xách ngược, xé đôi quăng vào lửa. Cảnh ấy, ông đã tận mắt nhìn thấy mới cách đây vài hôm... Không thể được, phải cứu lấy dân, không thể để lọt một người nào vào tay quân lang sói ấy... Cả đội quân đã luôn qua vòng vây dày đặc của giặc vào giữa lòng dân. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt cho đến nửa đêm, giặc kéo đến ngày một đông như kiến vỡ tổ. Chúng vây kín khu căn cứ của ta bằng một vòng đai

lửa. Lửa cháy sáng rực cả góc trời. Càng về khuya, sương buông xuống như màn bạc. Những đám lửa mờ ảo trong sương mù, lũ giặc vẫn không ngừng chắt thêm củi khô vào lửa. Thời cơ cứu dân đã đến, phải mở một đường máu, không còn cách nào khác. Chờ đến sáng thì chẳng khác nào cá nằm chờ suối cạn, địch sẽ càng kéo đến đông hơn. Nhưng ai sẽ là người ở lại mở đường máu, thu hút giặc về phía mình, đánh lạc hướng chúng, nhận sự hy sinh để cho quân ta thừa cơ phá tan một đoạn vòng vây yếu nhất ở phía đông, đưa dân ra khỏi nguy cơ bị tiêu diệt?

Liên và Hoa đã tự mình xin nhận thử thách ghê gớm đó trước cha cùng với 10 dũng sĩ dân binh nữa. Tất cả những tro bếp, ốt rừng của cả khu căn cứ đều được tập trung lại lèn chặt vào từng dàn lớn có quai đeo ở lưng, cung kiếm sẵn sàng. Gà gáy canh tư. Mười hai dũng sĩ cảm tử do Kiều Liên và Kiều Hoa dẫn đầu, lặng lẽ xuyên qua rừng đêm, tiến ra vọng gác phía Tây của giặc đang bập bùng ánh lửa. Những cặp mắt đỏ ngầu, mệt mỏi của giặc vừa kinh hoàng giương lên, mồm há hốc, không kịp kêu trước đường gươm sáng ngời của đoàn dũng sĩ. Đầu giặc cứ rụng, sương tan dần, giặc khiếp đảm kêu cứu. Rồi chúng như bầy ong vỡ tổ bu đến những người dũng sĩ. Những nắm cho ốt vung lên, những tên giặc liều lĩnh ôm mặt, quay tròn chờ lưỡi kiếm. Cuộc chiến đấu giáp lá cà không cân sức diễn ra ác liệt từ canh tư cho đến lúc sương tan. Mười hai dũng sĩ dân binh đã nằm xuống. Lưỡi kiếm của Kiều Liên và Kiều Hoa đã đỏ máu giặc. Tro ốt không còn một hạt. Tên không còn một mũi. Bình minh đã đỏ rực hành đông. Giặc ào đến như thác. Chúng được lệnh phải bắt sống bằng được hai người con gái to gan, lớn mật như hổ xám gấu đen ấy, ai chém chết sẽ phải chết thay. Hai nàng đã đứng lên bờ giếng Đồng Thọp của quê hương đầy nước trong và ngọt như lời mẹ ru, mặt nước phẳng lặng là tấm gương mà hai chị em đã soi bóng hôm nào.

Giặc kéo đến vòng trong, vòng ngoài dày như nêm. Chúng gọi hàng đến ngàn hơi. Họ vẫn đứng đó, gươm tuốt trần đỏ máu giặc, mắt sáng quắc, uy nghi như hai tượng đồng chờ giặc đến.

— Hoa à! Phải xây xác giặc quanh bờ giếng cao bằng đầu chị em ta mới chịu!

Hoa gật đầu. Hai chị em đã giữ đúng lời thề nguyện cuối cùng. Giặc đã chất đầy xác dưới chân họ, nhưng nào đã bắt nổi hai người con gái. Kiếm gãy, Hoa đưa mắt nhìn chị, gật đầu. Liên nhìn em đáp lại. Hai chị em đã nhảy xuống giếng, bọn giặc chưng hửng.

Giếng Đồng Thọp đã tắm mát tuổi thơ hai chị em Liên – Hoa lại được ôm ấp trong lòng cái chết đẹp đẽ của họ. Họ ra đi trước lúc đất nước được hoàn toàn giải phóng đúng mười ngày.

ĐỀN HỒ LAI

Ngay cửa làng Cóc, cách đầm lầy Mã Yên chừng mười hai cây số, có một ngôi đền cổ kính, gọi là đền Hồ Lai (nghĩa là hồ sẽ quay lại).

Tương truyền rằng:

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc Minh, giải phóng đất nước, dưới bóng cây si rợp bóng ở cửa làng Cóc, một quán hàng mọc lên, chủ quán hàng nước là một cụ già, tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, khuôn mặt hằn sâu những nếp nhăn vì tuổi tác. Tuy vậy, cụ già vẫn luôn vui vẻ, đôn hậu và độ lượng. Không ai rõ tung tích của bà già chủ quán, song người trong vùng ai cũng đoán rằng: chắc chồng con gia đình cụ bị giặc giết hết, không chịu nổi, phải bỏ quê hương đến đây. Bởi thế, cụ rất quý trẻ nhỏ, có gì cho nấy, dân bản đi làm nương qua quán cụ uống nước cụ không lấy tiền. Người trong vùng quý mến gọi cụ là già quán. Giặc Minh lúc đó bị đánh tả tơi khắp nước. Ở vùng này, chúng cũng phải chui vào hầm cố thủ, dân binh hoạt động mạnh. Dân bản từ rừng sâu kéo về làng bản cũ làm ăn. Rồi viện binh Minh sang. Già quán vẫn ung dung ngồi bán hàng nước tại đó. Đến ngày mười tháng mười năm 1427, ngay từ mờ sáng, già quán đã thổi lửa, ấm nước chưa sôi thì từ phía Bắc, tiếng chiêng, trống hò reo đã vang động cả núi rừng.

— Chúng nó đến! Già quán lăm bầm và đánh thức một em bé chừng mười ba mười bốn tuổi dậy. Không biết cậu bé này từ đâu lạc đến, bấy nay được già quán nuôi dưỡng và yêu thương như cháu ruột. Lành lợi nhưng ít nói, đôi mắt lúc nào cũng sáng, cậu tỉnh dậy như sáo, nhanh nhẹn giúp bà bày hàng. Quân giặc tràn đến thì quán hàng của già quán cũng đã được bày ra sạch sẽ, tinh tươm. Già quá ra tận giữa đường mời tướng sĩ “thiên triều” vào uống nước. Những khuôn mặt đỏ gay vì mệt mỏi sáng lên trước những bát chè sòng sánh bốc khói thơm. Những con ngựa chiến sùi bọt trắng hai mép được nghỉ, hí lên mừng rỡ. Giặc uống nước và bóc bánh ngai ngấu nghiến, bỗng tiểu tướng hét lên một tràng ghê rợn... Bọn lính rầm rập tỏa ra hai bên đường, đứng ngang đầu ngựa, nghiêm trang chờ đợi, gươm tuốt trần. Từ phía Bắc, một đoàn người, ngựa trống chiêng gươm giáo hộ tống một cỗ kiệu lớn đang từ từ đi tới. Già quán không bỏ sót chi tiết nào: Chiếc kiệu sơn son thiếp vàng, đầu kiệu có ba con rồng chồng lên nhau ở mỗi bên trông thật oai phong. Lầu kiệu hình chữ nhật, có bốn cửa tròn buông rèm thêu kim tuyến. Giữa bức rèm, có hai con hổ ngồi chầu, thêu nổi rất công phu. Tất cả các chi tiết đều được chạm trổ rất tinh vi. Khi kiệu đến gần quán nước, hai hàng kỵ binh đứng chào, rồi kiệu từ từ hạ xuống. Từ trong kiệu, một viên tướng mặt đỏ gay vén rèm bước ra. Hắn mặc áo lụa trắng, quần lụa trắng, chân đi hài đỏ, đầu đội mũ đỏ có thêu hai đầu hổ chầu màu vàng đen, tay cầm quyền sách dày (chắc là binh thư). Viên tướng trông thấy mái đầu bạc của già quán, bước tới khẽ nhếch mép cười, mắt tối như cửa hang hổ:

— Bọn giặc cỏ có đông không? Bà lão biết chúng ở đâu thì chỉ đường cho tướng quân, sẽ được trọng thưởng.

Già quán điềm nhiên trả lời:

— Chỉ có vài chục đứa, chạm vào uy phong của tướng quân, vừa rút vừa chạy qua đây, mặt còn sợ xanh như chàm đỏ, không biết chúng phiêu dạt về đâu.

Viên tướng quân sáng khoái, cười ha hả.

Già quán nghĩ rằng hắn coi trời không bằng cái đĩa sành đựng dưa.

Viên tướng rút kiếm lệnh, chỉ về ải Chi Lăng, gầm lên:

— Hừ! Lũ giặc cỏ, liệu có đứa nào to gan lớn mật dám núp lại nơi chiến lũy kia chăng? Ta sẽ cho vó ngựa xé tan thân quân bay! Hãy nhìn xem kia là ải Chi Lăng, đất sỉ nhục của tướng sĩ ta ngày xưa đây nhưng vó ngựa của ta sẽ đóng son trên đất đó ngay bây giờ. Quân bay, hãy nghe đây: Truyền cho đại quân dừng lại nghỉ ngơi lấy sức, còn quân kỵ theo ta qua lấy ải Chi Lăng mở tiệc khao quân rửa nhục

cho lịch sử thiên triều trên đất này thưở trước.

Ba quân dạ ran, chiêm trống nổi lên âm âm. Các tướng hầu tít tít mặc áo giáp, đội mũ chiến cho viên tướng. Chiếc áo chiến khoác ngoài hồng bào đỏ rực rỡ có thêu song hồ phù, một con ngựa chiến vằn đen trắng được dắt đến cạnh viên tướng. Già quán đưa mắt cho em bé. Em ra sau quán, lẩn vào rừng biến mất. Viên tướng lên ngựa rút kiếm lệnh ra quân. Đoàn quân hò reo, phi ngựa tràn vào cửa ải.

Già quán nghĩ: Liễu Thăng đây, đúng là con hổ rồi, tướng mày có gan nằm trên kiệu vào phá ải, hóa ra cũng sợ chết như ai... Không biết cháu bà có kịp báo tin không nhỉ? Già quán nhìn về cửa ải lo lắng. Đoàn kỵ binh giặc tung vó ngựa, bụi mù đường. Có lẽ chúng đã vào hết trong trận đồ của ta rồi sao mà không thấy động tĩnh gì sất? Bao nhiêu câu hỏi cứ xoáy vào trái tim già nua của già quán. Già quán rút ra ba nén hương cắm lên bát hương giữa lều, làm bầm khăn vải, cầu trời đất phù hộ độ trì cho quân ta đại thắng, rồi bỗng mặt già quán giãn ra, hồng lại, mắt già chớp chớp sáng lên, già ra cửa quán lắng nghe:

— Đúng rồi! – Già quán reo lên. Tiếng quân ta hò reo vang dậy từ cửa ải vọng lên. Em bé từ trong rừng chạy bổ về nắm chặt hai bàn tay run run của bà, mồ hôi ướt đầy mặt, em vừa thở, vừa cười, hở ra hai hàm răng trắng, mắt sáng rực lên lạ lùng.

— Chúng nó... Chúng nó...

Em nói đứt đoạn thì thở dốc. Già quán ôm chặt em vào lòng, hôn lên vầng trán đầm mồ hôi của em, giọng âu yếm:

— Cháu bà giỏi quá! Cháu báo thế nào nói lại bà nghe nào!

— Cháu bảo nó mặc áo giáp có hai con hổ châu đầu vào nhau, thanh kiếm có chuôi vàng nạm ngọc xanh cười con ngựa vằn...

— Giỏi, giỏi lắm! Già quán càng siết chặt em bé trong vòng tay run rẩy... Bỗng em bé vùng khỏi tay bà hét lên:

— Ôi! Bà ơi! Con hổ quay lại, con hổ quay lại, hổ lại... hổ lại...

Từ phía cửa ải, có người cưỡi ngựa hồng tay ôm đầu, tay gò cương đang phi ngược lại quán hàng.

— Đúng con hổ lại rồi nhưng không phải là con ngựa vằn bà ạ!

— Chạy lên Sao Thượng báo lại ngay – già quán hét lên lạc giọng. Chú bé lại chạy biến vào rừng...

Con ngựa hồng lao đến cửa quán cứ quay tròn, quay tròn, hí lên giận dữ, không chịu đi nữa. Trên lưng ngựa, viên tướng thở hồng hộc, ruột lòi ra, áo giáp thủng lỗ chỗ, đầm máu, bàn tay viên tướng bung mặt cố giữ lấy cái đầu chưa rơi xuống. Viên tướng hỏi bà lão, giọng rên rĩ:

— Bà lão ơi! Bà lão giúp tôi, công bà sẽ to hơn thiên tử. Người tài bị chém đầu, liệu có chết không? Có chết không...? Người quân tử...

Già quán quắc mắt, điềm nhiên trả lời:

— Đã là dân đen hay quân tử, hoặc những bậc tài ba, nếu làm việc bất chính hại người, dối thiên hạ, tàn ác, háo danh thì đã chết từ khi mới ra khỏi bụng mẹ kia rồi, phải đâu chờ đến khi bị chém đầu! Còn những ai khi làm việc ích nước thương đời thì đầu đã rơi xuống đất, họ vẫn chẳng bao giờ chết, họ vẫn sống mãi với dân với nước.

Nghe vậy, viên tướng nắm lấy chòm tóc của mình quẳng đầu vào gốc si già, lẩn mình khỏi ngựa, giẫy dảnh dạch trên khoảng đất trũng. Đó là Liễu Thăng.

Vừa lúc đó, Đại Huê cũng phóng ngựa như bay từ Sao Thượng đến đón đầu, ngồi trước ông, trên mình ngựa là em bé của già quán. Đại Huê bế già quán lên ngựa, đưa cương cho chú bé.

Con ngựa hồng thấy Đại Huê, hí lên vui sướng chạy bổ đến bên ông, giục giục cái mũi đen bóng ướt vào cánh tay ông. Bắc giác ông kêu lên: ngựa chú Liệu!

Ông vội xách cái đầu Liễu Thăng lên ngựa cùng già quán và em bé phi về cửa ải. Liễu Thăng đã cướp ngựa Hoàng Đại Liệu tháo chạy nhưng làm sao mà thoát được nổi.

...

Về sau, nhân dân ta đã lập đền thờ già quán trên nền quán cũ để ghi nhớ công lao người nghĩa binh

cao tuổi, giàu lòng yêu nước. Đó là đền Hổ Lai. Ngay trước cửa đền, chệch về phía nam một chút, dưới miềng đất trũng là hình Liễu Thăng hóa đá. Hắn nằm úp sấp, ruột lòi ra, cái cổ không đầu, tro trụi.

TỪ ĐỒNG BÀNH ĐẾN BA ĐÀN, QUÁN THANH

«*Rồng bay, phượng múa Đồng Bành*

Ba Đàn quỷ đột Quán Thanh hổ châu»

Câu ca dao trên cứ ngân vang mãi trong tâm hồn người Lạng Sơn qua bao thế hệ mỗi lần nghĩ đến địa thế Chi Lăng.

Đồng Bành có núi Giữa giống như một chiếc bánh voi khổng lồ mà các tượng binh nổi tiếng của ta xưa, về đây nhận lệnh rồi “cùng nhau lên bánh voi”, phát cờ, vung thương xung trận. Quanh núi Giữa, núi tiếp núi trập trùng như bát úp phía tây tạo nên con rồng bay và phía đông, tạo nên con phượng hoàng đang xòe đuôi, giang cánh múa.

Ba Đàn nằm giữa nhưng dãy núi kế tiếp nhau, tạo thành những khe, dọc sâu thẳm chạy tít lên cao và mất hút trên rừng Đại Ngàn. Những quả núi nằm dài, như những con quỷ dữ dằn, thâm lặng, bí hiểm như trong truyền thuyết quỷ thần: đó là Quán Thanh nằm giữa núi Hàm Quỷ phía bắc và núi Phượng Hoàng phía nam như con Hổ châu mặt Nguyệt. Cửa chính của Vọng Các Đài là nơi Nguyễn Trãi xưa từng ngồi vỗ gối suốt đêm nghĩ suy những điều tâm huyết để đền nợ nước trả thù nhà.

Đây là nói về địa thế. Giấu trong địa thế thiên nhiên liên hoàn tạo thành một kỳ quan đó là nội dung của một chiến thuật kì diệu của ông cha ta xưa.

... Vâng mệnh của bộ chỉ huy tối cao nghĩa quân Lam Sơn, Lê Lợi một vị tướng trẻ giàu mưu kế và dư ý chí chiến đấu của ta có nhiệm vụ vừa đánh như địch lọt vào trận đồ mai phục của ta, vừa phải kích động đến cao độ tính kiêu căng, xem thường đối phương của viên nguyên soái An Viễn hầu họ Liễu lưng danh của giặc. Đánh thế nào để như mà giặc không nghi, nếu giặc nghi thì lấy nghi mà trị giặc, nghĩa là biết lấy nước mà trị lửa, lấy lửa mà trị lửa. Làm xong việc lớn ấy thì sẽ có lệnh mới.

Với tài thao lược và lòng quả cảm của mình, Lê Lợi đã cùng nghĩa sĩ chiến đấu ngoan cường, chặn lại từng bước tiến đang như thác lũ của mười vạn tinh binh giặc suốt từ Pha Lũy đến Khâu Ôn rồi hội quân ở Khâu Ôn, củng cố lực lượng, dựa vào thành lũy đón giặc tràn đến lại đánh để tiêu hao sinh lực giặc. Giặc tràn vào thành Khâu Ôn, Lê Lợi lại chỉ huy nghĩa sĩ đánh từ Khâu Ôn vào Ai Lư, lại hội quân củng cố lực lượng kêu gọi tinh thần xả thân vì xã tắc của nghĩa sĩ, giặc ào tới, lại đánh. Thế giặc đang mạnh, chúng tràn vào thành Ai Lư.

Sâm tối ngày mùng chín tháng mười, sau hai ngày đêm chiến đấu ngoan cường, nghĩa quân ta rút về đến Đồng Bành, chiếc áo giáp của tướng quân Lê Lợi đã thủng lỗ chỗ bởi những vết gươm đâm thẳng, cả phần chỏm chiếc mũ chiến của ông bay đi lúc nào cũng không rõ, chỏm tóc trên đỉnh đầu cũng bay theo, máu đã khô quánh trên chóp đầu vị tướng quân dũng mãnh. Đúng lúc đó, một con ngựa lệnh từ phương nam, phóng như bay về Đồng Bành, người kỵ binh truyền lệnh nhảy phắt xuống đất, đứng nghiêm trước mặt Lê Lợi – thờ hồng hộc – sập xuống, hai tay dâng lên trước vị tướng trẻ, phong lệnh của bộ chỉ huy tối cao còn thơm mùi nhựa mới gắn.

Xem lệnh xong, Lê Lợi liền nhận được tin thám báo của ta báo về:

Liễu Thăng tuyên cáo với các tướng sĩ của hắn rằng: Sáng mùng mười sẽ chiếm ải Chi Lăng trong nháy mắt.

Sau khi họp mặt chớp nhoáng với các tướng sĩ thân tín, Lê Lợi truyền lệnh hội quân và tuyên bố:

— Nhân danh bộ chỉ huy tối cao, Thân, Ưc Trai, ban khen tướng sĩ ta trong hai ngày qua đã đánh giỏi, nay trước khi vào trận mới được mở tiệc khao quân, hãy đốt lửa lên cho nghĩa sĩ dự hội rồng bay phượng múa đất này. Liễu Thăng có giỏi, hãy dẫn xác đến đây mà nạp mạng!... Không giết được soái Liễu, chúng ta thì không nhìn thấy đất, trời non sông gấm vóc này...

Trong khi đó, nhận mật lệnh của Lê Lựu, các nghĩa sĩ coi tù của ta vừa uống rượu vừa giả say để cho một số thám tử của giặc bị ta bắt, thừa cơ trốn thoát. Số thám tử của giặc trà trộn vào dân ta chạy giặc theo đường vừa đánh vừa lui của đạo quân Lê Lựu, mặc dù bị phát giác, nhưng mật lệnh của Lê Lựu chưa cho bắt, để chúng đem tin quân ta hội quân ở Đồng Bành chặn giặc về cho chủ tướng chúng nó.

Nhận được mười tin, giống nhau cả mười, Liễu Thăng dùng dùng nổi giận, rút kiếm lệnh nguyên soái ra, chỉ lên trời và thề rằng:

— Ngày mai không chém đầu được tên tướng nhãi nhép Lê Lựu hèn nhất, khinh mạn và hỗn láo kia, ta không nhìn thấy các ngươi nữa...

Lời thề của Nguyên soái An viễn hầu chưa dứt thì đầu ngài lìa khỏi cổ, lăn trên mình ngựa chiến chiến rơi “bịch” xuống đất Chi Lăng và Lê Lựu đang cùng với Lưu Nhân Chú, Lê Sát, Lê Ván, Đại Huệ... và các nghĩa sĩ reo hò chúc mừng chiến công của “Quỷ đột Ba Đàn”, những kỵ binh áo đỏ như từ trên trời rơi xuống, phóng như bay vào hàng ngũ quân thù, chém chúng như phạt chuối. Còn những con mãnh hổ Quán Thanh bất thần, như từ dưới đất chui lên thành trăm nghìn con mãnh hổ, vây chặt lấy quân thù mà bầm vằm tơi tả. Chính chiến trường là nơi:

Rồng bay phượng múa Đồng Bành

Ba Đàn quỷ đột, Quán Thanh hổ châu.

Cuộc tử chiến diễn ra và kết thúc nhanh đến nỗi chính Đại Huê cũng không lường trước được. Ông tra gươm vào vỏ, gò cương quay ngựa, phóng tầm mắt về phương nam, xác người, ngựa, giặc nằm ngổn ngang, chồng đống suốt mấy dặm dài. Trong lòng ông bỗng dâng lên nỗi nhớ Úc Trai đến còn cào cả ruột. Ông nghĩ:

— Nhận được tin quân ta đã chém lìa đầu viên hổ tướng lòng danh thiên triều này, chắc Bình Định Đại Vương và Úc Trai vui mừng khôn xiết. Bên tai Đại Huê như vẫn còn vang lên tiếng nói thiết tha, da diết và xao động lòng người của Úc Trai thuở ấy... – Trời đất đã sinh ra núi sông hiểm yếu này giúp ta giữ gìn xã tắc, Nguyễn Trãi tiên sinh vẫn còn đó, Huê và các nghĩa sĩ vẫn còn đây, kẻ thù đã phôi thây trên mảnh đất này. Con rắn độc khổng lồ đã bị đánh đòn thứ nhất đập đầu, đang quần quai. Hỡi phó tướng Lương Minh, hỡi Thôi Tụ đô đốc và cả tên Thượng Thư Lý Khánh nữa, chúng bay còn nằm trong tay hơn tám vạn tinh binh nữa, cứ dẫn xác về đây, đất này đang chờ đón...

Đại Huê truyền lệnh thu quân chuẩn bị cho trận đánh mới.

Trong rừng sâu, nơi ông hội quân sau trận đánh, các nghĩa sĩ tung hô ông, bà con làng bản từ trong hậu cứ khe sâu, hang động kìn kìn đổ từ mọi nẻo đổ về, hô hét vang rừng, vẫy chào ông và các nghĩa sĩ dân binh thân yêu của họ, nào gánh, nào mang, vác ra đủ thứ bánh, thịt rượu để khao quân.

Từ trong đám đông dân bản, Đại Huê nhận ra ngay người vợ hiền đôn hậu của ông, bà đang dẫn đầu các bà, các bá chia bánh và thịt cho các nghĩa sĩ, khuôn mặt tròn, đôi mắt to sáng lúc nào cũng ánh lên những tia sáng bao dung, hiền dịu. Những giọt mồ hôi chảy tràn, lấp lánh trên trán, trên má xuống cằm, chốc chốc bà lại nghiêng mặt, kín đáo gạt nhẹ những giọt mồ hôi trên cằm, qua cánh tay áo chàm xù sờ. Tay bà vẫn thoăn thoắt trao cho các nghĩa sĩ hết [dậu](#)^[10] bánh này đến [dậu](#) khác. Lo cho các nghĩa sĩ xong một lượt, bà bươn tới ông, mặc dù sắp đến ngày ở cũ, bà vẫn đi nhẹ nhàng, nhanh nhẹn và chắc chắn, chiếc khăn chàm trên đầu bay bay, tay phải cầm bánh, tay trái cầm gói thịt nai nướng còn thơm mùi “Kinh sa”^[11]. Bà nhìn chồng mỉm cười... Cầm trong tay chiếc bánh “Cốc mò”^[12] và gói thịt còn ấm nóng của vợ trao cho, lòng Đại Huê bỗng tràn dâng một tình thương da diết, ông lựa lời khuyên vợ:

— Nhà sắp ngời rồi, nên lui sâu vào cứ thôi, việc quân biến hóa bất kỳ, tôi e lúc đó, nhà rút không kịp...

— Ông cứ bình tâm cùng anh em lo việc đại sự, việc bà con chị em tôi là việc nhỏ mọn, có sá gì. Tôi khắc lo được.

Đang lúc ấy có tin cấp báo: Phó tướng Lương Minh, sau cơn hoảng loạn, đã củng cố đội ngũ, khích lệ tướng sĩ, bắt đầu ra quân.

Đại Huê truyền và tự mình bố trận bày binh. Cùng lúc, ông tung thêm thám tử lên mạn bắc nắm tình hình giặc và cử người phi ngựa về nam báo cáo tình hình cho bộ chỉ huy tối cao.

Tuy đã bị một đòn phủ đầu sấm sét nhưng vốn nông nghênh và ngạo mạn, ỷ thế đông, chúng đẩy vào lưng nhau, từ Ai Lưu tràn xuống như lũ thác bầy. Vừa chạm chân đến đất Quang Lang, cả một đạo quân khổng lồ khựng lại như dòng thác gặp tảng đá to bầy hất lên cao những cột nước lớn đổ xuống tung tóe ra tứ phương, ấy là lúc những đội kỵ binh áo đỏ bất thần từ khe dọc, rừng sâu ào ra như cơn lốc, băm nát đội hình địch như ta chặt một khúc rần, một phát pháo lệnh từ đỉnh núi cao âm vang, tức thì mặt đất rung chuyển, quân mai phục của ta như có phép lạ, từ dưới đất hiện lên, những đường gươm sáng lóa.

Trận tử chiến giáp lá cà suốt từ nửa buổi sáng đến xế chiều ngày mười hai tháng mười mà cả một đạo quân ngót chục vạn tinh binh chưa qua nổi đất Quang Lang. Đến đây nhiệm vụ đánh, cản bước tiến, tiêu hao sinh lực địch của Đại Huê và nghĩa sĩ của ông đã được hoàn thành xuất sắc. Ông truyền mật lệnh lui quân để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho trận đánh cuối cùng nay mai quét sạch bọn giặc

thù. Đúng lúc đó, ông nhận được tin cấp báo:

— Đội hậu cần cuối cùng của ta chưa kịp rút đã bị một đạo quân tiên phong của địch bao vây ở khu rừng phía tây Làng Chung.

Nghe tin xong, đầu Đại Huệ như có lửa đốt, tim ông nhói đau. Trục tiếp chỉ huy các mũi rút lui an toàn, thừa lúc địch đang bàng hoàng, ông dẫn đội cảm tử lao vào phá tan vòng vây giặc.

Bên dưới gốc cây kháo cổ thụ, người vợ hiền của ông đang tựa vào thế thủ, tay phải cầm thanh gươm vung lên, vết thương do kẻ thù chém vào vai trái bà đang chảy máu. Bà nhìn ông, mắt sáng long lanh, nén cơn đau của vết thương, mỉm cười...

Đại Huệ xóc vợ lên vai, rút tấm ván nắp hầm độn thổ che sau lưng bà làm lá chắn đề phòng giặc đâm thương từ phía sau, phốc lên mình con chiến mã, chỉ huy đội quân cảm tử lao thẳng vào vòng vây trùng điệp của quân thù đưa đội quân hậu cần gồm những nữ binh thân thiết của ông rút lui an toàn.

— Nhà có đau lắm không?

— Tôi không đau, nhưng mệt, chỉ tiếc là làm bận tâm ông và không giúp thêm ông được đường gươm hiểm lúc này...

Đến đỉnh Đèo Ý, Đại Huệ truyền lệnh dừng chân nghỉ sức. Các nghĩa sĩ lao đến đỡ ông xuống ngựa, những vòng dây buộc được tháo ra. Trái tim yêu thương và quả cảm của người vợ hiền yêu quý của ông đã ngừng đập...

Đại Huệ nấc lên, mắt hoa, tai như không còn nghe được gì nữa, lòng đau thắt, chân tay tê dại... Vẳng đâu đây còn vang lại tiếng nói cuối cùng của người vợ hiền yêu dấu:

— Tôi không đau, không mệt, chỉ tiếc...

Các nghĩa sĩ cũng nấc lên, họ dìu ông xuống dòng suối, ngâm hai bàn tay khô cứng máu thù xuống nước mát quê hương. Các nghĩa sĩ nam nhẹ nhàng vuốt từng ngón tay đã tê cứng của ông sau một ngày vung gươm chém giặc, rồi gỡ hai thanh kiếm ra khỏi tay ông...

Các nghĩa sĩ gái cũng đang làm việc ấy cho vợ ông, đôi bàn tay dịu dàng của họ đang vuốt mắt cho bà, đặt thanh kiếm nằm bên cạnh bà, đưa bà lên đỉnh đèo cao Pắc Piêng, nơi người liệt nữ quê hương an giấc ngàn năm...

Hơn năm thế kỷ trôi qua, thế mà hôm nay, mỗi lần về tại xóm Động Mồ, vượt đèo Ý lên đỉnh Pắc Piêng cắm nén hương trên miếu thờ bà Đại Huệ, chẳng ai không kính cẩn nghiêng mình trước tấm gương chiến đấu sáng ngời ấy và hẳn là lòng sẽ trào dâng niềm tự hào vô hạn...

LIỄU THĂNG THẠCH

Các cụ kể lại rằng:

Hôm mùng mười tháng mười, sau khi các nghĩa sĩ lấy thủ cấp của Liễu Thăng đem về làng Liu làm lễ mừng chiến thắng, trời đang u ám bỗng sáng bừng lên. Một bộ phận nghĩa quân được chỉ huy chiến dịch Chi Lăng cử ra làm lễ an táng cho tên nguyên soái giặc đã bỏ mình trên mảnh đất thiêng liêng này cùng với những chiến binh đã tử trận của hắn.

Quan tài của Liễu Thăng được đóng bằng gỗ trồ chỉ, một thứ gỗ quý của vùng Chi Lăng. Khi liệm, nghĩa quân để hân nằm úp sấp theo tư thế lúc lìa đời, huyết được đào ngay chính nơi hân tắt thở, ở bên cạnh hòn đá, giữa thửa ruộng của làng Cóc, mộ hân được đắp điểm tử tể.

Đêm hôm ấy, trời tháng mười sâu thẳm, xanh cao lồng lộng, sao lung linh lấp lánh, không một gợn mây.

Bỗng từ phương bắc, phía chân trời, một đám mây đen đùn lên, trắng, sao tháng mười phút chốc bị mờ đi, bầu trời chao đảo như đang say rượu... Lửa hiệu từ Khâu Ôn báo về cho biết, bọn giặc phía sau đã củng cố xong đội ngũ, sau phút kinh hoàng thì biết tin thông soái cùng với cả đạo quân tinh nhuệ tiên phong bị tiêu diệt – đang liều chết mọ mẫm tiến lên, bởi quay về cũng bị tội chém. Vào lúc đó, giữa bầu trời đen kịt, một tia chớp xanh lè xé ngang làng Cóc, một tiếng sét inh tai đánh tan ngôi mộ mới của tên tướng bại trận. Mưa ào ào trút xuống gập gáp, và cũng tạnh rất nhanh. Bầu trời đêm làng Cóc sau cơn mưa bất ngờ trở lại xanh trong thăm thẳm, sao chín lụng, trắng dát vàng từ thung lũng đến triền núi cao vốn đã sừng sững uy nghiêm, giữa bầu trời đêm nay như càng thêm uy nghiêm sừng sững.

Bỗng có những tiếng reo hò nổi lên như tiếng hò vang chiến thắng của nghĩa quân trong trận đầu sáng nay. Đó là tiếng reo hò của nghĩa quân đầu tiên đã phát hiện ra hòn đá nơi Liễu Thăng trút hơi thở cuối cùng, sau tiếng sét kỳ lạ trước đó đã biến thành hình một người khổng lồ cụt đầu, nằm úp sấp, chân tay như còn đang run rẩy, ruột lòng thông, từ bụng bên phía tay còn sỏ dài xuống tận gót chân. Đó là Liễu Thăng thạch.

Liễu Thăng thạch nằm đó suốt mấy trăm năm nay như biểu tượng của chiến công oai hùng của nhân dân ta.

Rất tiếc rằng thời ta đánh Mỹ, “những người bạn lớn” của ta, trong một đêm tháng mười năm 1967, đã phá tan Liễu Thăng thạch bằng bộc phá với lý do: “Đặt pháo bắn giặc Mỹ xâm lược nước Việt Nam anh em”.

Nhưng với những kiến thức quân sự sơ đẳng thôi cũng chẳng có ai đặt sở chỉ huy trung đoàn pháo giữa một cánh đồng trống rỗng để hứng bom của đối phương, trong khi địa hình liền đó là đồi núi trập trùng vô tận rất lợi thế.

Bởi vậy, chỉ ngay sau cái đêm bỏ ra vài yển thuốc nổ với khá nhiều công sức phá tan Liễu Thăng thạch, ông “bạn lớn” đã chuyển sở chỉ huy trung đoàn pháo đến nơi khác ngay.

QUỶ MÔN QUAN

Từ Biện Thự Xứ là trung tâm của các kỳ tích Chi Lăng, theo đường quốc lộ 1A đi ngược lên phía Bắc, qua đoạn đường dài 2 km rợp bóng xanh sum suê của lá cành phượng vĩ, ta sẽ đến một dải đất hẹp. Chia đôi dải đất hẹp này là dòng sông Thương xanh trong, chảy giữa hai triền núi đá. Giữa đường nhựa 1A và dòng sông, còn lại một mẫu thành hình thang dài 20 thước, mang một ý nghĩa lịch sử vô cùng đặc biệt, đó là Quỷ môn quan.

Hình như thiên nhiên đã cố ý tạo nên cửa ải lịch sử này. Hai rặng núi đá từ Đông Bắc và Tây Bắc chạy về đến đây đều khép lại như hai nan cái của chiếc quạt giấy chạy về điểm tựa. Và cũng từ Quỷ môn quan này, hai rặng núi như hai cánh tay khổng lồ giang rộng ra ôm cả một vùng đất nước đến mãi sông Cầu.

Nếu đứng từ phía Bắc nhìn về phía Quỷ môn quan quả là mút của một chiếc hom giỏ khổng lồ nơi địa đầu tổ quốc. Địa thế ở đây hiểm trở vô cùng, hai bên là vách đá cao thẳng đứng. Rừng cây trùng điệp. Ở giữa là dòng sông, mùa thu nước trong xanh chảy êm đềm vuốt ve hai bờ đá lởm chởm hình thù kỳ lạ, gợi cho ta biết bao những hình ảnh kỳ vĩ ngày xưa. Từ giữa dòng sông sâu, nổi lên những cồn đá màu xanh thẫm, nhấp nhô trên sóng nước. Có thể gọi đây là hình ảnh thu nhỏ của vịnh Hạ Long.

Mời các bạn trèo lên mặt chiến lũy. Năm đất thiêng liêng này đã được nhiều khách tham quan trong và ngoài nước, phát biểu với một sự trân trọng đặc biệt. Lần này xin chuyển đến các bạn, suy nghĩ của đồng chí S. Lô-vắc-xóc, nhà dân tộc học nổi tiếng của Tiệp Khắc, nhân dịp đồng chí đến thăm Quỷ môn quan:

— Có lẽ đây là một chiến lũy hình thang độc nhất trên thế giới. Nó thể hiện đầu óc thông minh và tài trí quân sự tuyệt vời của một dân tộc luôn luôn phải chống trả với những đội quân xâm lược mạnh hơn mình gấp trăm lần trong quá trình lâu dài giữ nước và dựng nước.

Xin bàn thêm với các bạn điểm này. Thông thường các dân tộc trên thế giới xây thành lũy để bảo vệ tổ quốc thì mặt ngoài của thành lũy bao giờ cũng xây thẳng đứng để cản bước quân địch, nhưng thành lũy của ta ở đây có hai mặt trong ngoài như nhau. Tiến cũng được, thoái cũng được. Nó là con dao hai lưỡi. Phải là một dân tộc cao tay lắm thì mới sử dụng nổi con dao hai lưỡi này. Lịch sử bốn ngàn năm giữ nước và dựng nước đã chứng minh hùng hồn tài trí quân sự tuyệt vời của dân tộc ta.

Dân tộc ta luôn phải đứng trước những đội quân xâm lược khổng lồ mạnh hơn mình gấp bội (đời Trần, ta có 6 triệu dân đánh bại nhà Nguyên một trăm triệu dân). Chiến lũy hình thang này cũng thể hiện một phần tư tưởng chiến lược chống ngoại xâm nổi tiếng của ta: Lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh, mà vẫn thắng, lại thắng rất vẻ vang.

Khi quân địch ào ạt tiến công vào thì bằng những chiến lũy kỳ diệu ấy ta chặn đứng quân thù, từng bước chia cắt và tiêu hao sinh lực địch. Ta lùi từng bước, để bảo toàn lực lượng và để dụ địch vào những trận kịch chiến mà ta đã định trước. Trong khi đó, ta gài lại một lực lượng quan trọng xung quanh chiến lũy. Lực lượng này chủ yếu là dân binh người các dân tộc địa phương. Khi địch lọt vào sâu đất nước ta thì các chiến lũy ở các cửa ải trở thành một chiếc khóa, khóa chặt sau lưng chúng lại. Qua nhiều triều đại, nhiều tên tướng giỏi, con cưng của “thiên triều” ở các thời kỳ khác nhau đã bỏ xác tại Quỷ môn quan này. Ở đây chỉ xin đơn cử chuyện bại trận của tên tướng Quách Quỳ mà thôi:

Sau khi vượt qua Quỷ môn quan với một giá máu khá đắt, chỉ ba tháng sau, hắn đã cùng quân sĩ chạy tháo thân về nước. Lúc chạy qua Quỷ môn quan, chúng khiếp đảm đến nỗi tướng sĩ giẫm đạp lên nhau, cố sống cố chết chạy qua cửa tử, mặc dù Quách Quỳ đã sai đốt hương tế thần núi, quỳ trên mình ngựa nhìn một đám tướng sĩ xéo lên nhau mà chạy, ngựa cô gạt nước mắt than:

— Đi mười, về không được một. Cửa quỷ này là đất của trời.

Có lẽ Quách Quỳ nói thật lòng, bởi vì đi cả người lẫn ngựa 31 vạn có dư mà trở về vền vẹn 3 ngàn

bốn trăm linh không, không hơn không kém.

Vì vậy, sau đó cha ông ta đã dựng bia để ca ngợi chiến công của các chiến sĩ dân binh người địa phương và cảnh cáo những đội quân xâm lược khác. Bia dựng ngay giữa Quỷ môn quan với hàng chữ: “Quỷ môn quan, Quỷ môn quan, thập nhân khứ, nhất nhân hoàn”. (nghĩa là Cửa Quỷ môn, Cửa Quỷ môn, 10 người đi, 1 người về)

VỌNG TIỀN TIÊU – VỌNG CÁC ĐÀI

Ai Chi Lăng là một chiến lũy hình thang nổi liền đông tây giữa núi Hàm Quý và núi Mặt Quý. Hình như thiên nhiên đã cố ý tạo cho mảnh đất này một địa thế hiểm yếu hiểm thấy. Dãy núi đá trùng điệp đang chạy dài theo hướng tây bắc – đông nam đến đúng hẻm Mặt Quý lại đâm ngang ra một hòn núi đá cao vút, dựng đứng sừng sững, tạo nên bức tường thành Chi Lăng nổi tiếng. Trên lưng chừng tường thành bằng đá khổng lồ này, thiên nhiên lại tạo ra một hang động có hai cửa – cửa đông bắc và cửa tây nam giống như một cái “lầu vọng nguyệt” có giá trị đặc biệt về mặt quân sự. Đó là vọng tiền tiêu.

Ở vọng tiền tiêu này, từ người lính đến viên quan trấn ải đều có thể phát hiện được địch từ xa qua vòm cửa đông bắc xuống tây nam bao quát toàn bộ trận đồ Chi Lăng. Ở vị trí này một nghĩa quân trấn ải của ta có thể tiêu diệt được vài ba trăm địch bằng nhiều thứ vũ khí kể cả máy bắn đá, cung nỏ... nhưng địch thì hoàn toàn bất lực. Bởi vì, khi tiếp cận được đến vị trí có thể tiêu diệt được người lính trấn ải của ta thì địch đã về châu diêm vương rồi. Đến một thời điểm nào đó, với số đông áp đảo tầng tầng lớp lớp tràn lên được mặt thành, leo lên Vọng tiền tiêu để trả thù thì ôi thôi, đối phương không có cánh mà đã bay mất rồi. Biết đối phương đã biến mất qua cửa phía tây nam lẫn vào giữa trùng trùng điệp điệp núi cao và hang động thì biết bao nhiêu quân mà truy đuổi theo cho vừa. Mà địa thế thiên la địa võng này thì dày đặc khắp nơi. Qua được một dải đất, địch phải lát thầy lính lên mà đi cho đến khi một số quân tướng như vô tận của “thiên triều” vơi đi một nửa, tướng sĩ còn đang bàng hoàng trong cảnh tiến thoái lưỡng nan thì bất thần tướng sĩ Đại Việt như có phép lạ, tự đội đất chui lên, từ trên trời rơi xuống đánh cho một đòn chí tử, kẻ sống sót nhờ đầu hàng, được cấp thuyền xe, lương thảo về đến đất tổ mà còn “ngực đập, chân run”. Nếu nói đến chiến tranh hiện đại thì Vọng tiền tiêu này còn có giá trị diệt địch rất lớn. bao nhiêu tấn bom dội xuống cũng chẳng ăn nhằm gì. Địch vác được B40 – B41 đến đây thì chưa kịp nhắm bắn đã bị tiêu diệt.

Ở đây từng có truyền thuyết như sau: Chính ở Vọng tiền tiêu này đây, trên năm thế kỷ trước, Nguyễn Trãi cùng Hoàng Đại Huệ và các dân binh trung thành của ông, ngày ngày bí mật từ trong rừng sâu ra đây, ngồi nghiên cứu kế diệt giặc giữ dân giữ đất mà những trận đánh xuất quỷ nhập thần của nghĩa binh người dân tộc do Hoàng Đại Huệ chỉ huy còn vang dội mãi đến bây giờ. Chẳng biết vì sao, mỗi lần Nguyễn Trãi muốn ra Vọng tiền tiêu thì ông và Đại Huệ nói với nghĩa quân bảo vệ là: Ra Vọng Các Đài. Từ thời tiền Lê vẫn gọi là Vọng Tiền Tiêu, giờ thêm tên gọi mới. Vọng Các Đài chỉ là một. Nhiều người cho rằng bài thơ “Vọng Các Đài” là do Nguyễn Trãi viết ra song chưa có sở cứ khẳng định chắc chắn được, bởi triều Lê mà Nguyễn Trãi là một trong những người có công đầu dựng nên nó, đã chu di ba họ của ông vì lòng ghen ghét, do đó toàn bộ những sáng tác vô giá của ông đều bị chúng ra lệnh đốt sạch. Dù sao chúng tôi cũng xin mạnh dạn chép ra đây để cùng tham khảo.

*«Vọng Các Đài, Vọng Các Đài
Lầu cao hiểm yếu, một không hai
Trời cho để giữ gìn non nước
Một địch trăm nghìn, thỏa sức trai.»*

LÒ GẠCH CỎ

Đó đây ở Chi Lăng, ven đồi, núi còn để lại dấu vết của những lò gạch cỏ. Loại nhỏ, mỗi lần được vài trăm viên. Vách núi, sườn đồi và những mô đất cao được dùng làm điểm tựa cho hàng loạt những lò gạch ấy.

Chuyện kể lại rằng:

Lúc chưa đánh giặc, nghĩa quân của ta ngoài việc luyện tập võ nghệ, cung kiếm... còn một công việc khác cũng sôi nổi và hào hứng không kém. Đó là, tất cả mọi người lính đều tham gia thi nung gạch. Nghĩa quân của ta, từ khắp mọi miền tụ hội về đây giữ nước đã mang theo biết bao tài năng thủ công của mọi miền về mảnh đất này.

Những người giỏi nghề nung gạch nhất được chọn làm ban giám khảo. Trường thi được dựng lên uy nghi như đài chầu thi luyện võ. Sau lễ tế thổ thần thì cuộc thi bắt đầu. Tất cả người lính đều tự lo lấy từ khâu đánh gạch mộc, đào lò, đến khi mang sản phẩm về trường thi dự giải.

Ai đạt được mấy yêu cầu sau thì giật giải:

- Sản phẩm làm ra trong thời gian ngắn nhất.
- Chất lượng gạch đạt tỷ lệ cao nhất.
- Gạch ra lò có màu sắc và hình khối đẹp nhất.
- Gạch chịu được sức nén cao nhất.

Ngũ nào, tổ nào có nhiều người chiếm giải nhất được ban giám khảo tặng giải đặc biệt cho toàn đơn vị.

Những người đoạt giải được đồng đội đặc biệt quý trọng, suy tôn như người anh cả. Tan giặc, trừ những người bỏ mình vì nước, những người đoạt giải còn lại, cùng những người đồng ngũ được phép trở về thăm quê hương những người bạn chiến đấu đã hy sinh và có quyền huy động các chức dịch và nhân dân trong làng bản đùn gạch xây dựng nhà cửa khang trang cho bố mẹ, vợ con những người đã khuất. Sau đó họ được chính quyền xây dựng nhà cửa cho mình và được phong chức sắc trông coi việc xây dựng các công trình của nhân dân làng xã.

THÀNH BẦU

«*Nhát vui Bầu Quán, Chi Lăng*

Nhì vui Tô Thị, Đồng Đăng, Kỳ Lừa»

Câu ca dẫn ta về với trung tâm của mảnh đất Chi Lăng xưa, của những ngày Hội Quân náo nức, tung bừng trước đây. Đấu Đông Quân là niềm tự hào và vinh dự của các nghĩa sĩ cùng nhau một lần tạo thành đồng ngũ, sinh tử có nhau trong chiến đấu chống quân thù. Sức mạnh, ý chí và tài kiến trúc các công trình quân sự của họ diệu kì đến nỗi chỉ sau một đêm, từ các vách kẻ của đấu Đông Quân hôm qua, như có phép lạ, sáng nay đã thành những chiến lũy hình tròn như quả bầu xù Lạng mà khi moi ruột phơi khô, có thể dùng để làm đàn then, một nhạc khí quen thuộc của nhân dân xứ Lạng. Từ trong lòng Thành Bầu là đường hầm ngầm bí mật thông với hang động trên núi đá điệp trùng chạy dọc bên bờ tây sông Thương. Thành Bầu tạo nên những quả đấm thép trên chiến ải cản phá và tiêu hao sinh lực giặc lúc ban đầu đang như thác lũ tràn qua. Nếu chúng chiếm được Thành Bầu nhờ ý thể quân đông thì, ôi thôi, chúng không có cánh mà bay hết. Khi chúng như con rắn bị đập trúng đầu, nhưng chưa chết hẳn, định quay đầu lại, đến Thành Bầu này thì chúng kinh hoàng nhận ra chính những địch thủ biến mất hôm nào, nay đã lại từ trong Thành Bầu tung ra những làn mưa tên độc, rồi đoản đao mã tấu, kiếm và thương sáng lóa chém lên đầu chúng. Cùng lúc, trên vách đá thâm nghiêm, ào ào những đạn đá, xối xả như mưa dội lên đầu chúng.

Tên nào còn sống sót thoát khỏi những Thành Bầu kỳ diệu nơi đây, chắc suốt đời cứ mỗi lần đêm xuống, nhắm mắt lại đã thấy những tử thần hình tròn như quả lửa đỏ ập xuống đầu mà hét lên, rú lên trong hoảng loạn.

Tan giặc, các cụ ở khắp các bản làng gần xa, chọn những người con gái khỏe đẹp và giỏi việc nhất thay mặt dân bản, đem những đặc sản ngon nhất, quý nhất của quê hương mình kìn kìn đồ về Thành Bầu như trảy hội đưa đến tận tay những người chiến thắng chúc mừng họ. Nghĩa binh sau khi quét sạch giặc thù, theo phong tục đẹp vui và hào hùng, vào rừng chặt cây dựng thành hàng loạt những quán nhỏ, xinh, mái tròn, vách bằng cây trúc quay tròn bao quanh Thành Bầu, để đón tiếp những người con gái từ khắp mọi bản làng về chúc mừng chiến công của họ. Hội mừng công tung bừng trong ánh lửa trại sáng đêm và tiếng đàn Then, tiếng hát Then, tiếng hát lượn, sli, rộn ràng.

Có lẽ từ những thành lũy quả Bầu và Đồn Thú mà nghĩa quân thông minh và dũng cảm đã tạo nên những vũ công thần kỳ làm cơ sở chấp cánh cho những chuyện huyền thoại về những nàng tiên trong đêm gánh đất về xây Thành Bầu...

Quán Bầu còn đó, Làng Đồn còn đây. Cứ mỗi bận xuân về, tới 30 tết, con cháu thường ngồi quay quần cùng các cụ quanh mâm cỗ đón xuân giữa Quán Bầu và làng Đồn, lòng tràn ngập niềm vui đi ngược thời gian sống lại những ngày hội mừng công thắng giặc thuở xưa.

THÀNH KHO

«*Bao giờ Ngàn Hồng hết cây*

Vực Bơi hết nước, kho này hết lương». [13]

Hai câu ca dao trên đã ngân vang từ bao đời, nay lại được dùng để ca ngợi sự giàu có của quê hương Việt Bắc qua hình ảnh Thành Kho.

Chưa biết chắc chắn Thành Kho được xây dựng từ đời nào, năm nào, chỉ có một điều chắc chắn là hệ thống kho tàng khổng lồ này, đời nối đời, nhân dân các dân tộc miền Bắc và Đông Bắc tổ quốc với lòng yêu nước nồng nàn, đã chở của về kho từ lon gạo nương trắng ngần thơm phức, đến mũi tên thanh gươm... tất cả đủ nuôi sống một đạo binh để chiến đấu lâu dài, giữ vững nền độc lập của Tổ quốc.

Lịch sử của dân tộc ta đã ghi lại chiến công chói lọi của những dân binh và những người lính trần ai, con em yêu quý thuộc đủ thành phần các dân tộc nơi biên thùy đất nước.

Kho được xây dựng bên bờ Vực Bơi, liền với Biện Thự Xứ.

Chu vi kho chừng bốn cây số. Khu vực ngoài của kho được bao bọc bằng thành lũy hết sức kiên cố, gọi là Thành Kho. Thành Kho cao chừng mười mét. Thân Thành Kho không rõ rộng chừng bao nhiêu mét nhưng trên mặt Thành, xe song mã của quan coi kho có thể phi nước đại, nghĩa là rộng chừng 4 đến 5m.

Hai bên Thành Kho, được xây dựng bằng mười ba loại gạch khác nhau. Loại nhẹ nhất cũng phải 3kg6, loại nặng nhất là 36kg8. Càng xây lên cao, gạch càng nhỏ dần. Giữa hai lớp gạch ấy là một lớp đất dày pha cát sỏi. Mặt Thành được lát bằng một lớp đá quý. Với thành lũy được xây dựng kiên cố như vậy nên trong suốt một quá trình lịch sử lâu dài, Thành Kho đã trở thành một chiến lũy vững như thép có thể ngăn chặn một cách có hiệu quả, bước tiến ào ạt của giặc trong những ngày đầu giữ nước.

Có lẽ vì thế, cả khu vực kho tàng đều được nhân dân gọi chung bằng hai tiếng “Thành Kho”. Thành Kho vừa là niềm tin, tự hào, kiêu hãnh về tài năng kiến trúc quân sự tự vệ của nhân dân và binh lính các dân tộc, vừa là niềm tự hào về những chiến công trên Thành Kho, khi cản giặc và khi giết giặc.

Trong Thành Kho, hàng trăm nhà kho cũng được xây dựng hết sức kiên cố. Với mười ba loại gạch trên, tường kho được xây dựng sâu trong lòng đất chừng 2 đến 2,5m. Tầng dưới tạo thành một hầm ngầm bí mật, hết sức kiên cố. Hệ thống hầm kho này thông suốt nhau, đến Thành Kho và có lối thoát lên núi để vừa bảo vệ được của cải khi bình, vừa chống giặc khi biến. Khi biến, toàn quân và toàn dân sẽ chuyển lương thực và vũ khí trong kho theo đường ngầm bí mật phân tán hết vào núi rừng. Cả một hệ thống kho tàng sau khi chuyển hết của cải, lại trở thành pháo đài chống giặc.

Nếu thế giặc mạnh tràn qua Thành Kho, và tới kho, thì cũng chỉ là những nhà kho trống rỗng, không một bóng người, “họ” đã biến mất.

Cả một hệ thống nhà kho được xây dựng giống nhau kẻ lạ vào như mù mắt. Nhờ vậy, ta đã bắt được khá nhiều kẻ gian lọt vào dò xét ban đêm mà sáng ra chưa tìm được lối thoát thân.

Các cụ kể lại rằng: Cách đây vài chục năm, Thành Kho đã hư hỏng rồi, thế mà hươu, nai đêm mò xuống ăn cỏ, trời sáng không tìm được lối ra để về rừng, cứ quanh quẩn trong kho cho đến khi bị ăn đạn, “nhảy” vào “chảo mỡ”.

Di tích còn lại của Thành Kho cho đến bây giờ còn làm cho chúng ta bồi hồi, xúc động trước công trình xây dựng khổng lồ và rất đặc biệt của ông cha xưa. Những viên gạch nằm sâu trong lòng đất đã hàng chục thế kỷ mà vẫn còn đỏ au, kêu coong coong khi dùng đá gõ vào. Những viên gạch quý giá đó đã và đang được bao quanh bằng những căn nhà ngói đỏ xinh xinh của làng xóm Chi Lăng.

Rải rác đó đây, ta còn thấy dấu vết của những lò gạch nhỏ từ 5 đến 20 viên, loại gạch xây kho.

Có lẽ xưa kia, ông cha ta đã tập trung hàng vạn người lại. Mỗi người lo một lò nhỏ, góp gió thành bão, để xây nên công trình khổng lồ đó.

BÃI QUẦN NGỰA

Liên với Mã Yên Sơn là một trảng đất khá rộng, địa hình xung quanh phức tạp và hiểm yếu. Có thể nói đây là hình ảnh thu nhỏ của nhiều địa hình đại diện cho nhiều miền đất nước: rừng rậm, núi cao của miền núi, đồi thoải của trung du, trảng đất phẳng của đồng bằng... Ông cha ta đã chọn mảnh đất này để huấn luyện và đào tạo những kỵ binh tài giỏi suốt mấy mươi thế kỷ dựng nước và giữ nước.

Người lính kỵ binh đã được trưởng thành trên bãi tập này qua địa hình phức tạp trên đây.

Vào kỳ thi tuyển chọn nhân tài hàng năm, bãi Quần Ngựa trở thành nơi có ngày hội lớn. Không phải chỉ có kỵ binh chuyên nghiệp thi tài mà dân binh và trai tráng từ khắp mọi bản làng trong rừng thẳm, trên núi cao đều trẩy hội về đây thi tài. Những nghĩa binh và trai bản trúng giải không những được nhà nước trọng thưởng mà còn được phong tước, hưởng lộc. Chính họ là đội kỵ binh dự bị vô cùng hùng hậu của dân tộc ta mỗi khi đất nước có họa xâm lăng. Làng bản nào, dòng họ nào có con em dân tộc mình được trúng giải trong cuộc thi tài đều được ghi công và có thưởng. Vì vậy nó là niềm tự hào thượng võ chính đáng của đồng bào miền núi đoạt được giải trong những cuộc thi như thế. Cuộc thi đòi hỏi không chỉ có tài cưỡi ngựa bắn cung, múa kiếm, lòng dũng cảm tuyệt vời, mà còn đòi hỏi người kỵ sĩ trong những ngày luyện tập có làm được nhiều điều có ích cho dân không, nghĩa là giúp dân bản trong vùng diệt trừ thú dữ, chim muông phá hại mùa màng.

Sau khi đã vượt qua tất cả mọi thử thách trong tiếng hò reo cổ vũ của công chúng và bạn bè, kỵ sĩ đạt cả hai điều kiện được trưởng tộc cầm chén rượu ra chúc mừng ngay trên mình ngựa, xem đó là bằng chứng của dân bản công nhận tài năng có ích của người kỵ binh.

Tương truyền rằng cuộc thi thường diễn ra như sau:

Chủ khảo mặc áo chiến bào đỏ, đội mũ đỏ có cắm long công, ngồi trên đài cao, tay phải cầm dùi trống, tay trái cầm dùi chiêng – trống, chiêng treo bên chủ khảo. Chủ khảo nổi trống, kỵ sĩ vào, dùng cung bắn bia. Khi chủ khảo nổi chiêng, kỵ sĩ dùng kiếm. Đường ngựa phi rất phức tạp, đường nhỏ, có đoạn thẳng, có đoạn quanh co, hai bên đường có chằng dây cắm màu đỏ. Trên đường có rất nhiều chướng ngại vật mà người và ngựa phải vượt qua, khi là ụ đất, khi là hào sâu, có chỗ là đèo, có chỗ là dốc...

Bên phải đường, cách xa một trăm thước, treo rải rác mười cái bia, bia bằng đồng, đường kính hai mươi phân, có lỗ thủng ở giữa bằng tròn chén rượu. Lỗ thủng này được dán kín bằng giấy hồng điều. Bên trái đường, cách một gang tay, cắm so le với bia là mười cái cọc, cắm mười quả bưởi tươi. Bia và tiêu điểm thường đặt ngang chỗ có chướng ngại vật.

Kỵ sĩ dự thi, phải mang kiếm bên mình, mặc quần đỏ bó chân, áo xanh chàm bó sát mình, tay rộng, đứng sẵn ở bãi, bên đường phi.

Một hồi trống của chủ khảo rung lên. Người quản ngựa trong rừng, cách bãi chờ chừng nửa dặm, quát cho ngựa phi về bãi chờ, nơi chủ nó đang đợi. Khi ngựa phi qua, kỵ sĩ nhảy phắt lên mình ngựa, tiếp tục phi nước đại trên đường cấm... Hiệu trống hoặc chiêng chỉ nổi lên khi ngựa vượt qua chướng ngại vật bay trên không ấy. Chính vào lúc đó, kỵ sĩ phải nhanh như chớp, bắn cung vào bia, vung kiếm chém đôi quả bưởi theo hiệu lệnh của chủ khảo.

Tên phải bắn xuyên qua hồng tâm mà đĩa đồng không được vang lên thành tiếng. Nếu tên chạm vào đĩa đồng bia rung lên thành tiếng là thí sinh bị loại.

Khó khăn là như vậy, thế mà biết bao kỵ sĩ tài ba của chúng ta, ngồi trên mình ngựa đang bay trên không, bắn mười mũi tên trúng hồng tâm cả mười, chém mười lưỡi kiếm, mười quả bưởi xé làm đôi. Họ phi tuấn mã cừ khôi của họ về bãi nghỉ trước sự hò reo rền vang núi rừng của dân bản với những chén rượu mừng sòng sánh trên tay.

NÚI BÀN CỜ

Cách Biện Thự Xứ về phía nam hơn bốn cây số là thôn Đồng Bành. Đây là mảnh đất cực nam của xã Chi Lăng và cũng là nơi giáp ranh giữa hai huyện Chi Lăng và Hữu Lũng.

Thiên nhiên đã tạo ra trên mảnh đất này, một cảnh trí tuyệt vời. Bao quanh khu vực là những cánh rừng đại ngàn bát ngát và dãy núi đá Cai Kinh sừng sững cao vút. Ở giữa là những ngọn núi đều đặn, đứng sát bên nhau tạo thành một khối trập trùng, một màu xanh thẫm, trông xa giống một bàn cờ khắc nổi. Đó là núi Bàn Cờ. Dù nhìn từ hướng nào, ta cũng thấy những điều rất lạ. Những vai núi kề nhau tạo thành những đường kẻ đều đặn, thẳng tắp, chia quả núi thành những ô gần đều nhau, chẳng khác gì ta lấy bút chì xanh thẫm vạch ô chỉ trên giấy lụa màu xanh nhạt.

Nhìn kỹ những đỉnh núi trập trùng trên khu núi Bàn Cờ, ta thấy có mười tám ngọn, trông xa giống hình người, từng đôi một đứng chống cằm suy nghĩ những nước cờ hóc búa.

Tương truyền rằng: Đó là mười tám vị quận công người các dân tộc, đang vạch thế trận trên Bàn Cờ. Những học giả miền núi đời trước thật sự đã có công trong việc vạch ra trận đồ cùng nhân dân giữ gìn quê hương đất nước, nên được “trời tạc thành tượng” ghi công.

Ngày xưa, theo luật thi cử, sau khi thí sinh đã đỗ văn bài về phương pháp dựng nước ở Kinh đô, sẽ được đưa lên núi Bàn Cờ thi bài cuối cùng về binh pháp giữ nước. Ai đỗ trọn vẹn hai bài mới được phong tước quận công.

Những năm nhà nước mở hội thi binh pháp giữ nước, khu vực này vui như hội mùa xuân. Trường thi được dựng trên núi Bàn Cờ bằng tre, gỗ, nứa... mọc xung quanh đấy – dứt khoát không được lấy nguyên vật liệu ở nơi khác vì làm như vậy, trời đất, thần linh sẽ không giúp cho. Phòng làm binh pháp được che bằng nhiều điều lụa xanh, cờ xí rực rỡ đủ màu, tung bay rợp núi rừng.

Thí sinh sau khi đến trường thi, được quan trường cấp ngựa và lương thảo dùng trong năm ngày, tự mình đi thị sát địa hình địa vật, qua chín cửa ải, từ Nhất môn quan đến Cửu môn quan, nơi mở trường thi. Thị sát xong, thí sinh về trao lại ngựa cho quan quản mã rồi vào phòng thi. Trước khi vào phòng thi, thí sinh phải qua phòng khám xét. Nếu thí sinh nào không tuyệt đối ở trí nhớ của mình mà mang trộm bản đồ sông núi, địa hình vào phòng thi thì sau năm ngày thị sát coi như bị loại.

Vì thế, trong năm ngày ruổi giong vó ngựa ấy, các vị quận công tương lai phải nhớ như in trong óc mình từng khe suối nhỏ, từng khoảng đèo con... trên chặng đường dài chín cửa ải điệp trùng núi non, bao la rừng rậm, trăm suối nghìn đèo.

Qua được phòng khám an toàn thí sinh vào phòng thi, chờ trông quan trường, nhận đề thi binh pháp. Cuộc thi kéo dài bảy ngày, với tất cả những căng thẳng của một viên tướng cầm ngọn bút lông bài binh bố trận. Bài thi binh pháp gồm mấy phần:

1 – Nhà nước trao cho một đạo quân nhiều ít tùy theo đề ra, có nhiệm vụ trấn một cửa ải được quy định. Thế là số dân ở vùng ấy, từng ngọn núi khe suối, vật rừng, thí sinh buộc phải thuộc lòng. Không thế thì làm sao trả lời được số dân binh, bày sao được trận đồ?

2 – Khi giặc như thóc đổ vào thì chặn đánh và tiêu diệt sinh lực địch ra sao? Giặc vào sâu rồi thì tổ chức đánh du kích sau lưng địch như thế nào? Làm thế nào để bảo toàn được lực lượng bảo vệ được dân... chờ khi thời cơ đến, có đủ sức quét sạch giặc thù ra khỏi bờ cõi?

Nghĩa là cũng căng lắm. Chẳng thế mà mấy mươi thế kỷ qua, các dân tộc miền núi giàu lòng yêu nước, có tinh thần thượng võ cao, giỏi binh pháp, thế mà mới chỉ có mười tám vị được nhà nước phong tước quận công, trong đó có Hoàng Đại Huệ, Hà Bồng...

Quận công đỗ ở trường thi, rồi lập được công trong sự nghiệp chống giặc giữ nước mới mãi mãi được ung dung ngồi trên núi Bàn Cờ trước sự ngưỡng vọng của nhân dân từ đời này qua đời khác.

CHỢ QUẬN CÔNG

Dưới chân núi Bàn Cờ là một khu đất cao, bằng phẳng, đó là chợ Quận Công. Chợ Quận Công được lập ra cùng lúc với việc mở trường thi.

Khi mỗi dòng họ hoặc làng bản nào đó, được tin có con em dân tộc mình đậu văn bài về phép dựng nước từ Kinh đô báo về, thế là trưởng họ, trưởng bản dẫn trai gái trong họ mình, bản mình có khi cả vùng mình đến nhà tù trưởng giết lợn ăn mừng. Xong, cả đoàn người, ngựa, quần áo đủ màu sắc, mang gạo thịt và đặc sản quý nhất của vùng mình trẩy hội về núi Bàn Cờ. Ở đây, dân địa phương đã dựng lán, cắm lều, chia từng khu vực dành riêng cho người quê hương của quận công tương lai nườm nượp đổ về hội chợ.

Hàng, quán, sản vật quý từ khắp các địa phương hẻo lánh, xa xôi tràn về hội chợ.

Nếu trên núi Bàn Cờ là một thế giới nghiêm trang, thì ở dưới, chợ Quận Công là thế giới của những ngày hội của trai, gái, với những cuộc thi say người của tuổi trẻ.

Các cụ và các quan chức gặp nhau uống chén rượu mừng rồi đứng ra mở cuộc thi tuyển chọn trai tài, gái giỏi...

Những chàng trai có tài xuất sắc được cổ vũ bằng những tràng vỗ tay và tiếng reo hò vang dậy núi rừng. Những chàng trai đó được đứng lên giàn gỗ cao cho mọi người chúc mừng. Chủ cuộc thi trang trọng cuốn vào cổ tay trái của họ một vòng chỉ đỏ tượng trưng cho sức mạnh và lòng tin của quê hương núi rừng. Con gái hát mừng và chúc rượu các chàng trai.

Những cô gái giỏi trong cuộc thi còn được cổ vũ nhiệt tình hơn. Họ được chủ cuộc thi và gia trưởng ân cần buộc vào cổ tay phải vòng chỉ xanh, màu xanh bắt diết của núi rừng và sự đâm chồi nảy lộc tượng trưng cho sự dịu hiền, niềm hy vọng và ước mơ. Họ còn được con trai hát mừng và trao vòng bạc.

Riêng con gái còn phải thi cất rượu và nấu cơm. Nếu rượu ngon, cơm ngon, sẽ được mỗi trai bạn biểu chỉ hồng, tượng trưng cho lòng tin yêu quý trọng. Cô nào được nhiều chỉ hồng do bạn tặng, được xếp vào loại giỏi việc nhà.

Cuộc thi vui sôi nổi kéo dài suốt bảy ngày. Sáng ngày thứ tám, khi quan quản trường xuống núi đưa quan Quận Công tân khoa xuống chợ chào dân bản thì ở hội chợ, đội ngũ những trai tài, gái giỏi đã xếp sẵn hai hàng tề chỉnh đón mừng.

Dòng họ nào, làng bản nào có con em thi đỗ thì được đốt pháo, giết lợn, mở tiệc mời các quan quản trường và dân chúng trong cả hội chợ tới ăn mừng.

Những trai tài, gái giỏi khắp nơi vừa thành đạt xuất sắc trong cuộc thi hội chợ, được Quận công mời kết nghĩa anh em và đón về quê ăn thề. Từ đó, họ đối xử với nhau như anh em ruột thịt, cùng chia ngọt sẻ bùi. Dù cách xa chín suối mười đèo, đến ngày kết nghĩa hàng năm, họ cũng đều về ngồi cùng mâm, uống chung bát rượu, vui có nhau, buồn có nhau.

Khi nước có giặc, họ từ khắp nơi kéo về tôn Quận công lên làm thủ lĩnh, cùng nhau chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để giữ nước.

Những cô gái giỏi thì đốt lửa sáng đèn, cất rượu, làm tiệc, hát sli, lượn, mừng quận công và tìm trai tài kết bạn. Hát mừng xong là chúc rượu mừng.

Khi đất nước bình yên cũng như khi có giặc, họ luôn sát cánh bên nhau xây dựng và chiến đấu gìn giữ quê hương.

BẾN TUẦN

«*N*iềm vui đồng ngũ bao đêm ấy

Xa mấy không quên nghĩa Bến Tuần»

Đó là lời ca của người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biên thùy đất nước khi nghĩ về Bến Tuần, mảnh đất đã mang một mảnh đời của họ.

Cuối Vực Bơi, về phía nam là một trảng đất cao, bằng phẳng. Từ điểm cao này, có thể nhìn bao quát cả một địa bàn khá rộng, chạy suốt Quý Môn Quan qua Bãi Hào, Núi Phụng, Quảng Trường, Biện Thự Xứ đến Thành Kho...

Trên trảng đất cao lợi thế đó, ngày xưa ông cha ta đã dựng lên một ngôi nhà rộng như ngôi đình miền xuôi, với rất nhiều cây cột khổng lồ. Nhà cao hai tầng, tầng trên thu nhỏ lại thành lầu bát giác, có thang gỗ thông với nhau gọi là lầu Bến Tuần. Tầng dưới có bốn mái gỗ sẻ lát sàn, là nơi hội quân của Bến Tuần, trên treo một trống cái, bàn đặt ở giữa lầu có đĩa dầu thắp để tính thời gian một đêm một ngày, một đêm thắp hết năm đĩa dầu, mỗi đĩa tính một canh. Trên lầu có lính suốt ngày đêm thay nhau canh giữ, trông nom công việc, gọi là trực lầu. Lính trực lầu có nhiệm vụ điểm trống báo thời gian, báo phiên tuần, báo an, báo động. Báo an, trống nổi một hồi, báo động trống nổi ngũ liên. Tầng dưới là nơi hội quán của dân binh, lính trấn ải, kỵ binh. Tất cả các phiên tuần phòng bảo vệ biên cương của ba quân đều bắt đầu từ Bến Tuần. Hết phiên tuần, họ lại tụ họp về Bến Thông, báo tình hình và nghỉ ngơi ở đây. Vì thế, Bến Tuần là nơi nảy nở nhiều mối tình kết nghĩa anh em cao thượng trong ba quân.

Lúc có biến, phát hiện được kẻ gian, người ta chỉ cần đến báo ở Bến Tuần. Trống ngũ liên nổi lên là ba quân đã đề tựu đông đủ và đi lung bắt ngay. Vùng nào có thú dữ, chim muông đến phá hoại mùa màng hoặc có trộm cướp, dân bản đến Bến Tuần báo, lập tức sẽ có quân đi trừ hại giúp ngay.

Lúc yên hàn, Bến Tuần cũng là nơi gắn bó của tình quân dân. Những ngày lễ tết, mùa màng, đồng bào quanh vùng đem đến cho Bến Tuần từ gói cơm đầu mùa đến nén xôi cuối vụ, từ miếng thịt thú rừng mùa đông đến chén rượu hồng mùa xuân. Tất cả các lính trấn ải nơi biên thùy khi có quà gia đình gửi lên, cũng đều mang đến Bến Tuần mời đồng ngũ và dân bản chia vui, sau một phiên tuần.

Từ cuộc sống nặng nghĩa nặng tình đó, Bến Tuần đã để lại trong lòng chiến sĩ biên thùy mỗi lần mãn hạn lính, tiếng hát lưu luyến:

“Mãn lính về quê nhớ ba quân

Nghĩa bản đâu rồi bát rượu xuân

Nhớ bạn vắng nghe lầu trống đêm

Đêm lạnh còn đây lửa Bến Tuần”.

CẦU PHÙ KIỀU

Cầu Phù Kiều còn gọi là cầu Trạm. Đó là chiếc cầu bắc qua sông Thương, phía bắc Vực Bơi. Cầu được xây dựng theo đường cầu vồng, có mái ngói, nhưng công phu, chạm trổ tinh vi. Nguyên vật liệu toàn bằng gỗ quý. Cột, kèo, trụ cầu toàn bằng gỗ nghiến, lim. Mặt sàn cầu, lan can cầu... bằng trầm hương và lát hoa. Thành cầu ghép gỗ mít chạm trổ những bức tranh mang tinh thần thượng võ và hào khí của dân tộc: hình kỵ sĩ phi ngựa bắn cung những trận chiến đấu dung cảm ở cửa ải...

Ngày xưa, đồng bào các dân tộc quanh vùng cứ đến ngày giỗ các anh hùng dân tộc có công với nước như Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hoàng Đại Huệ... thường kéo về cầu Phù Kiều mở đại lễ, cầu hồn cho những người anh hùng và binh sĩ đã bỏ mạng vì nước qua những trận đánh tại vùng biên cương này. Ngày hội ấy được tổ chức trọng thể, nghiêm trang, đầy tinh thần thượng võ. Khi làm lễ giữa cầu Kiều, một cụ già bằng giọng trang trọng (như giọng tế đình dưới xuôi) đọc cho con cháu nghe công đức của các vị anh hùng, các nghĩa sĩ đã bỏ mình vì nước. Nhiều bài hát của trai gái như then, sli, lượn... đều thể hiện nội dung cao đẹp về tấm lòng ngưỡng mộ của con cháu đối với công đức của ông cha, nguyện sống theo tấm gương sáng ngời của những người đi trước.

Tan lễ là những cuộc vui lành mạnh: thi cưỡi ngựa bắn cung, thi đấu kiếm, thi bơi thuyền độc mộc, thi hát... Qua đó, họ gắn bó với nhau, kết nghĩa anh em, thế sinh tử có nhau giữ nước, giữ bản làng.

ĐỒN THÚ

Đồn Thú là một pháo đài nhỏ, được xây dựng ở những nơi xung yếu nhất trên các cửa ải.

Cấu trúc của Đồn Thú khá kỳ công. Đồn Thú thường xây dựng trên mặt chiến lũy, nơi mặt đối mặt với quân giặc. Đồn Thú là một pháo đài hình tròn gồm nhiều lớp ghép bằng cây cổ thụ tròn. Giữa hai lớp cây là cát sỏi, đất và rơm trộn lẫn rồi nén chặt như hình tường đất. Mỗi pháo đài được xây dựng từ ba đến năm lớp như thế. Xung quanh đồn dày đặc lỗ châu mai. Ở các lỗ châu mai, có hàng loạt cung, nỏ tự động, điều khiển bằng dây giạt. Tên độc lao đi hàng loạt như mưa vào đối phương khi chúng tràn vào tiêu điểm. Dây nối liền với các máy bắn đá hai bên sườn núi cao chạy theo một đường hầm bí mật tập trung về Đồn Thú. Khi giặc tràn vào trận địa, người lính thú chỉ điều khiển bằng dây. Thế là một trận bão đạn đá ập lên đầu giặc.

Từ Đồn Thú, có một đường hầm bí mật thông với nhiều hang núi và rừng rậm. Dọc đường hầm, có ngách ngang. Nếu quân giặc mạnh quá, chiếm được đồn, chiến sĩ rút xuống những ngách ngang và dùng kiếm đánh giặc. Giặc tràn xuống đường hầm, lưỡi kiếm điêu luyện của những người lính cảm tử kia sẽ bắt đầu giặc lìa khỏi cổ và chát đóng lên nhau. Đến một lúc nào đó, họ xẽ “biên” đi, không để lại vết tích. Giặc giận dữ điên cuồng phá đồn, lấp hào, lấp cửa hang... nhưng có hề chi. Rừng đại ngàn của ta mệnh mông, hang động của ta dọc ngang thông suốt, chỉ một loáng sau, giữa lúc cơn giận điên cuồng của giặc còn đang như lửa cháy thì chính những người lính thú quả cảm kia đã lại từ trong rừng sâu phóng những chú tuần mã tuyệt vời của mình ào ra như cơn lốc, gươm tuốt trần sáng quắc chém xuống đầu giặc. Gươm đỏ máu thù, giặc chưa hết kinh hoàng thì những chàng kỵ sĩ đã biến mất như có phép thần.

Những người lính thú trấn ải ngày xưa được tuyển chọn rất kỹ càng, thường là lấy từ những dân binh ưu tú thuộc các dân tộc địa phương, biết điều khiển cùng một lúc nhiều loại vũ khí như cung, nỏ, máy bắn đá, kiếm, đao, cưỡi ngựa... lại còn phải nắm chắc địa hình, địa vật, tiến thoái nhanh như tên, mạnh như đạn đá, một phải địch được trăm, rất thông minh và rất dũng cảm. Không thông minh thì người lính thú không sao xử lý được biết bao nhiêu tình huống phức tạp để vừa đánh chặn và tiêu hao được nhiều sinh lực địch nhất, lại vừa rút lui an toàn để chiến đấu lâu dài. “Lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh, dùng đoản binh thắng trường trận” là thế đó. (Nguyễn Trãi)

Phải dũng cảm bởi vì, ở vị trí của mình, người lính thú trên pháo đài phải mặt giáp mặt với quân thù. Thế giặc lúc vào thì mạnh như thác lũ. Nếu người lính chỉ thoáng một giây phút động dao trước sức tiến công vũ bão của địch thì đã bỏ lỡ thời cơ ngàn năm có một là gieo kinh hoàng xuống đầu chúng...

Người binh sĩ trên đất Đồn Thú này, mấy mươi thế kỷ qua đã chiến đấu với sức mạnh và lòng quả cảm như thế

NÚI CAI KINH

Cậu bé Hoàng Đình Kinh sinh ra trong một gia đình nông dân, lớn lên trên nương lúa nếp hương thơm phức, trên cánh đồng lúa nước đã cho những hạt gạo “lừm khươi”, tắm mình trong dòng nước mát của thượng nguồn sông Thương, dòng sông mang tên gọi mệnh mang như tấm lòng người mẹ. Thuở nhỏ, mỗi khi ngọn gió bắc đầu mùa xào xạc trong rừng sâu, vào mùa đông, quanh bếp lửa giữa sàn, Kinh mở to cặp mắt long lanh ánh lửa hồng của những thỏi than gỗ nghiêng ngồi nghe ông kể chuyện về đất nước ông cha. Ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác, những trang sử vẻ vang, những chiến công hiển hách của ông cha ngay trên mảnh đất quê, như cơm thơm, như nước ngọt, như hoa rừng, sắc núi... thấm dần vào máu Kinh lòng yêu quê hương đất nước.

Câu chuyện về người anh hùng của quê hương là Hoàng Đại Huệ đã tác động sâu sắc đến toàn bộ cuộc đời của cậu bé. Một trăm lần nghe chuyện thì có một trăm câu hỏi của cậu đặt ra trước người già về người thủ lĩnh dân binh nổi tiếng đó. Chẳng bao lâu, đám bạn trẻ chăn trâu đã tìm thấy ở Kinh có đầy đủ thiên tư làm thủ lĩnh tin cậy của mình trong tất cả các trò chơi tập trận của tuổi thơ. Kinh phi ngựa bắn cung giỏi như ông Huệ. Kinh cầm quân đánh đâu thắng đó. Kinh săn thú giỏi như trùm săn làng bản. Kinh yêu quý bạn như bán thân mình. Kinh hơn ông cha xưa tài bắn súng nhắm đâu trúng đó. Người già vui mừng bảo: Thằng Kinh xứng đáng là con cháu ông Huệ.

Kinh lớn lên trong cảnh nước mất, nhà tan. Hai mươi bảy năm sau, kể từ khi thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên xâm lược nước ta ở Đà Nẵng, mùa thu năm 1885 Hoàng Đình Kinh dựng cờ khởi nghĩa. Ông kêu gọi đồng bào các dân tộc noi gương ông cha, cùng nhau đồng tâm, hiệp lực, đem xương máu ra cứu nước nhà, giữ gìn mồ mã tổ tiên đang bị giặc ngoại xâm giày xéo. Lòng yêu nước và ý chí quật cường vì nghĩa cả của ông đã được đồng bào các dân tộc Việt Bắc nhiệt thành ủng hộ. Nghĩa quân kéo về khắp núi, kín rừng. Cả một dải núi non trùng trùng, điệp điệp, địa thế hiểm trở, núi cao, rừng sâu, suốt từ Yên Thế, Lục Ngạn (Hà Bắc) qua Hữu Lũng, Chi Lăng, Bình Gia, Bắc Sơn trở thành căn cứ địa chống Pháp của nghĩa quân.

Cùng với các cuộc khởi nghĩa chống Pháp sục sôi trong cả nước, cuộc khởi nghĩa của Cai Kinh đã giáng một đòn sấm sét vào đầu quân xâm lược.

Bọn Pháp điên cuồng tức tốc điều một lực lượng mạnh mẽ tràn lên phía Bắc với ý định bóp chết cuộc khởi nghĩa Cai Kinh trong vòng hai tuần lễ. Một tiểu đoàn lính lê dương tinh nhuệ với đầy đủ vũ khí hiện đại, bí mật đánh tạt sườn, đột nhập vào sâu trong căn cứ địa cuộc khởi nghĩa. Từ Bắc Ninh, qua Bắc Giang lọt vào tận Chi Lăng mà chúng chưa gặp phải một cuộc kháng cự nào đáng kể. Chúng chắc mẩm sẽ làm ăn to lấy được đầu Cai Kinh. Có ngờ đâu khi chúng vừa đặt chân lên mảnh đất mà chúng gọi là “không sao hiểu được” thì đất trời bỗng rung rung như sấm động, bão gào. Trong cơn lốc không có ánh lửa nhoáng nhoàng của thuốc súng, không có tiếng nổ long trời của các loại đạn, chỉ có mưa tên độc, không biết từ đâu bay tới tấp lên đầu chúng. Cái chết đến với bọn lính nhà nghề một cách chậm chạp, quằn quại và đau đớn đến khủng khiếp. Vết thương không tan xương, nát thịt, có khi chỉ suốt da nhưng chúng chỉ biết bó tay kêu trời. Có tên về đến Pa-ri và được chữa khỏi, hai, ba, bốn... thậm chí tám năm sau, bỗng nhiên lăn đùng ra chết, bỏ lại hàng năm huân chương về chiến tích của những tháng năm đi chinh phạt Cai Kinh ở xứ nóng Đông Dương. Như một bệnh dịch, nỗi sợ hãi trước thứ vũ khí ghê gớm đó lan ra không cách gì dập tắt được. Và xung quanh nỗi sợ hãi đó là biết bao câu chuyện được thêu dệt...

Hai tuần lễ đã trôi qua, rồi ba, bốn, năm... đến hai mươi tư tuần lễ lại trôi qua. Tiểu đoàn lê dương tinh nhuệ, cú đấm quyết định của Bộ chỉ huy xâm lược Pháp ở Đông Dương trong cuộc hành quân tiêu diệt nghĩa quân Cai Kinh vẫn chưa đạt được gì. Trái lại chúng còn bị đối phương dồn vào thế bị động chết dí trong phủ thành Trùng Khánh, tiến thoái lưỡng nan. Lính chết dần, chết mòn, nguy cơ bị tiêu

diệt đã là một sự thực. Ngay giữa ban ngày, những kỵ binh áo đỏ, khăn xanh quấn ngang đầu, tay cầm gươm, vai đeo cung, tể ngựa như bay từ trong rừng, ủa ra chân thành như một cơn lốc, ném chết chóc lên đầu bọn xâm lược. Khi chúng định thần, ngóc đầu lên khỏi chiến hào, bắc súng máy vãi đạn theo họ thì đoàn kỵ binh đã biến mất như ảo ảnh.

Những bức điện cầu cứu tới tấp được đánh đi từ phủ thành Trùng Khánh. Như một con bạc khác nước, bộ chỉ huy chiến dịch được tiếp tục tung quân vào cuộc hành quân vô vọng đó. Nhưng viện binh dù rất lớn hoặc nhiều gián điệp khéo léo lén lút, đều bị nghĩa quân trừng trị.

Cuối cùng, chúng cay đắng nhận điều kiện giảng hòa của nghĩa quân là: Pháp phải cắt toàn bộ vùng có nghĩa quân hoạt động suốt từ Yên Thế, Lục Ngạn (Hà Bắc) qua Hữu Lũng, Chi Lăng (Ôn Châu và Bằng Mạc cũ) Văn Quan vào Bình Gia (Bắc Sơn) dọc sang Thái Nguyên vòng về Tam Đảo thánh khu riêng của nghĩa quân.

Đất Cai Kinh, núi Cai Kinh mang tên một hào kiệt miền núi tượng trưng cho tinh thần yêu nước, chí khí quật cường của nhân dân các dân tộc Việt Bắc, đã kề vai sát cánh cùng đồng bào miền xuôi liên tiếp đứng lên chống lại bọn thực dân xâm lược Pháp, suốt từ nửa thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20.

NÚI TAY NGAI

Từ Chi Lăng xuôi về Song Hóa chừng bảy cây số, dãy núi Cai Kinh ở đoạn lượn vào, vòng ra, lên xuống trông giống như cái ngai khổng lồ của các bậc đế vương. Chính trên hai tay ngai đó, Cai Kinh cho đặt hai vọng gác, không chế con đường từ Bắc Giang lên, bảo vệ cửa ngõ Chi Lăng. Nhân dân quen gọi là núi Tay Ngai.

Một ngày cuối thu năm 1886, ngay trên vọng gác của núi Tay Ngai này, nghĩa sĩ đã tận mắt chứng kiến tài bắn súng tuyệt vời của Cai Kinh, người thủ lĩnh tinh yêu của họ. Trưa hôm ấy, trời trong và đẹp, núi như nhích lại gần hơn. Từ xa các nghĩa sĩ đã phát hiện một đoàn gồm năm người, hai người mặc quần chùng áo dài đen, ô đen. Còn ba người khác, mỗi người gánh hai hòm da rất nặng, chẳng biết có những gì bên trong... Theo tin tức của đội kỵ mã tiên tiêu báo về thì đó là bọn cha đạo lợi dụng uy thế của nhà thờ, được bọn thực dân Pháp dùng làm gián điệp đội lốt thầy tu đi do thám tình hình nghĩa quân, vu cáo xuyên tạc, bôi nhọ mục đích của cuộc khởi nghĩa. Theo lệnh của thủ lĩnh, đối với bọn cha cố khi vớ danh nghĩa truyền giáo, lọt vào căn cứ của ta để hoạt động gián điệp thì phải báo cho ông biết ngay để ông trực tiếp giải quyết.

Nhưng đúng lúc đó, thủ lĩnh của họ lại đang ở nhà người bạn chiến đấu là Cai Hào ở Hữu Kiên, cách xa vọng gác chừng hơn hai mươi cây số theo đường tắt. Một nghĩa sĩ được lệnh tể ngựa về Hữu Kiên cấp báo. Còn bọn người áo đen càng đến gần vọng gác càng đi chậm lại, coi chừng khá dè dặt trước cảnh núi rừng ngày càng hiểm trở này.

Xin nói thêm vài nét về người bạn chiến đấu thân thiết của ông Cai Kinh là Cai Hào.

Ông họ Ma, tên Hòa, quê ở Hữu Lân, Hữu Kiên. Là một người giàu lòng yêu nước, ngay từ buổi đầu của cuộc khởi nghĩa chống Pháp, ông đã đứng ngay bên cạnh Cai Kinh chiến đấu kiên cường vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Ông đã tỏ ra là một nhà chỉ huy có tài đầy mưu lược, nhất là kỵ binh, được Cai Kinh hết sức tin cậy.

Sinh thời, Cai Hào có một con tuấn mã màu xám tro mà ông quý như một phần của cuộc đời mình. Chuyện truyền rằng: Một hôm, có một phường buôn ngựa đi qua, nghỉ nhờ lại nhà ông. Trong đàn ngựa hàng trăm con, có một con màu xám tro, vóc đặc, vó tiền, vó hậu nước kiệu, dáng đứng, nhịp đi... hơn hẳn cả bầy. Cả phường buôn đều mê con tuấn mã, không ai cười nổi con ngựa quý đó. Biết tiếng ông Hào, sau bữa cơm, họ mời ông ra bãi bình ngựa. Ông ung dung bước đến bên cạnh con tuấn mã, đưa tay vuốt nhẹ cái bờm mượt mà như nhung của nó. Con tuấn mã như gập chủ, hí lên một hơi dài. Khi ông Hào nhảy phóc lên mình nó, con ngựa hạ vó hậu, cất cao vó tiền, xoay một vòng như chào mọi người rồi phi một đường tròn tuyệt đẹp trước sự kinh ngạc của cả một phường buôn. Thấy vậy họ biểu luôn con ngựa quý đó cho ông. Nhưng một tuần sau, người bạn tốt Cai Kinh đến chơi nhà ông. Một buổi chiều, hai người dẫn nhau ra bãi cỏ, vào đây, ông Hào lại được chứng kiến tài xem ngựa và dùng ngựa tuyệt vời của bạn mình. Ông Hào biểu bạn con tuấn mã đó. Con tuấn mã phi như gió, đường hiểm trở và xa xôi mấy cũng chỉ qua một lần là nhớ mãi. Ngược dốc, nó biết hạ vó tiền vừa phải, xuống dốc hạ vó hậu làm cho lưng luôn luôn ở thế cân bằng, tạo cho chủ một thuận lợi không nhỏ, ngay khi băng dốc vượt đèo vẫn bắn mười phát trúng mười ngay trên mình ngựa.

Nó đã theo ông suốt chặng đường chiến đấu. Tin cấp báo đến. Cai Kinh từ biệt bạn tể ngựa như bay về núi Tay Ngai. Ông vừa ghim cương ngựa thì đoàn người mặc màu đen kia cũng đi ngang tầm súng. Ngồi trên mình ngựa, từ trên núi cao, Cai Kinh nheo nheo mắt nhìn năm người lạ đang di động trên con đường độc đạo dưới chân núi.

Ông nâng khẩu súng lên ngang tầm mắt, tuyên bố:

— Phải cảnh cáo bọn do thám đội lốt tu hành nguy hiểm này.

Vừa dứt lời, ba tiếng nổ giòn như mệnh lệnh vang lên. Các nghĩa sĩ reo hò vang động khi được tận

mắt chứng kiến ba phát súng thân diêu của người thủ lĩnh đã phạt đứt đôi ba chiếc đòn gánh của bọn người gánh hàng trang. Bọn lạ mặt khiếp đảm, chạy bán sống bán chết về xuôi, bỏ lại sáu cái hòm da nặng trĩu. Mở ra, lẫn trong những tập sách truyền giáo là truyền đơn và rất nhiều tài liệu của bọn gián điệp.

Núi Tay Ngai, như con mắt, lỗ tai của những người nghĩa sĩ đã lại ghi thêm chiến công về tài năng bắn giỏi vô song của người thủ lĩnh nghĩa quân.

CẦU QUÁN ÂM

Một hôm giữa lúc việc quân đã tạm yên, Cai Kinh đang vui keo vật với các nghĩa sĩ trong căn cứ địa. Giữa lúc tướng, quân đang say sưa chơi vật thì một người kỵ mã đi tuần về mang đến trình ông một đôi giày “xăng đá”, thứ mà ông đang cần xem xét vì chông tre không thể đâm thủng. Cầm đôi giày trên tay, ông ngắm nghía, gật gù rồi đi thử vài bước dưới rặng ôi. Bỗng ông ngã sóng xoài. Ông vừa bò dậy, nhặt quả ôi xanh lăn lóc bên chân. Ông vui sướng reo lên:

— Nó đây rồi!

Thế là trận đánh tháng ba năm 1886 ở cầu Quán Âm được định đoạt.

Nghे tin địch quyết định mở cuộc hành quân lớn thọc sâu vào căn cứ theo đường Bắc Giang qua Mẹt lên, Cai Kinh ra lệnh cho quân sĩ bí mật đào hầm cá nhân sát hai bên đường. Mỗi nghĩa sĩ, ngoài trang bị vũ khí còn đem xuống hầm của mình một nải ôi xanh. Không thấy có gì khả nghi, giặc cho quân tiến lên, nhưng khi qua khỏi cầu Quán Âm chừng tám trăm thước thì từ trên núi cao vang lên một phát súng. Đó là phát súng lệnh của thủ lĩnh Cai Kinh báo cho nghĩa sĩ dưới đất biết rằng địch đã qua, lập tức đội hầm, đem ôi xanh rải lên mặt cầu, mặt đường, rồi lại rút ngay xuống hầm mai phục và chờ lệnh.

Nghे một phát súng giữa rừng cũng chẳng có gì đáng khiếp, quan quân “mẫu quốc” nghĩ rằng đó là phát súng báo động của vọng gác tiền tiêu của “bọn nổi loạn”. Vì vậy, giặc chỉ bắn vài loạt thị uy rồi lại tiếp tục tiến lên. Được gần trăm thước, hai phát súng nổ vang. Lập tức súng, tên từ hai sườn kẹp lại, từ phía trước ập về, chưa dứt, thì một đoàn kỵ binh áo đỏ, vốn là nổi kinh sợ đối với lũ lính thực dân Pháp suốt nửa thế kỷ xâm lược nước ta ở đây, như một cơn lốc từ rừng sâu ào ra. Quan quân, tỏ thấy không kịp trở tay, xéo lên nhau chạy tháo trở lại. Ba phát súng tiếp tục vang lên. Các nghĩa sĩ mai phục dưới đất đội nắp hầm lao lên ép chặt vào đội hình đang rối loạn của địch. Chúng giầy đạp lên nhau mà chạy bán sống, bán chết qua cầu. Nhưng than ôi, chúng không làm sao chạy nổi. Những đôi giày “xăng đá” vạn năng chẳng giúp nổi các ngài nữa rồi! Chúng ngã lăn lóc, ngã chồng chất lên nhau. Trong cơn kinh hoàng, chẳng mấy tên biết quăng “xăng đá” đi mà chạy, đành cứ nằm chờ trời. Trận ấy, nghĩa quân bắt sống hàng đoàn tù binh mà tên kém đạn được không đáng kể.

...

Ngày nay, suốt dọc Song Hóa đến Chi Lăng, ôi hai bên đường mọc thành rừng nhiều hơn bất cứ chỗ nào từ Hà Bắc lên Lạng Sơn. Đó là dấu tích còn lại của trận phục kích nổi tiếng ở cầu Quán Âm.

Đối diện với địa điểm xảy ra trận đánh, hơi chếch theo phía Tây Bắc, trên đỉnh núi cao vọi vọi, thủ lĩnh Cai Kinh vẫn đứng đó, mình mặc áo lương trắng, đầu đội nón chóp dứa, tay đang chỉ trận đồ tác chiến cho nghĩa sĩ.

Đó là tượng Cai Kinh hóa đá.

NÚI Kừ LÂN

Ở đầu làng Ngũ, giữa sông Thương và đường quốc lộ cả, nổi lên một quả núi đá, có hình thù giống con kỳ lân nằm phủ phục, giống đến lạ lùng.

Con kỳ lân nằm châu đầu vào Thành Kho, miệng há rộng như kinh hoàng sợ hãi điều gì đó. Liền ngay hàm dưới con kỳ lân trở ra là làng Ngũ. Làng Ngũ trông giống như một viên ngọc do con kỳ lân nhả ra.

Chuyện kể rằng:

Ngày xưa có hai vợ chồng con kỳ lân sống trong rừng đại ngàn, đêm đêm mò ra bản làng quanh vùng bắt lợn, bắt trâu, bắt bò ăn thịt, chưa đủ, chúng còn mò về rình ở cầu thang các gia đình có con gái đẹp để bắt ăn thịt.

Nhân dân quanh vùng sống trong kinh hoàng, khôn khổ vì vợ chồng con kỳ lân, vì thế đã sát cánh bên nhau tổ chức thành phường săn lớn thu hút được những tay săn tài giỏi mưu trí và dũng cảm nhất trong vùng. Ngày ngày, gái bản họp nhau đồ xôi, làm thịt gà, làm bánh... cho trai phường săn, vót tên tẩm thuốc cho họ vào rừng giết kỳ lân.

Những trận tử chiến giữa phường săn và vợ chồng kỳ lân ngày càng dữ dội. Một số trai tài đã ngã xuống dưới móng vuốt của vợ chồng con thú dữ. Ngày này tháng nọ qua đi, bản làng thêm tiêu điều mà ác thú vẫn chưa bị giết.

Một chiều mùa hè, trời nắng chang chang, nắng héo cả cây rừng, có hai chàng võ sĩ phóng ngựa xuôi theo dòng nước. Võ sĩ đi trước, to cao, lưng đeo thương sáng quắc, võ sĩ thứ hai, tầm thước nhưng rắn chắc, ngang vai đeo một cây cung, tóc thả đuôi gà như con gái bản. Hai con ngựa đang phi nước đại tới đây bỗng dừng lại hí ầm lên thông thiết, hai vó trước cào xuống đất, cồm cộp liên hồi. Võ sĩ đi trước thét lên: Ta gặp bạn hay gặp nạn đây? Rồi chàng xuống ngựa. Võ sĩ thứ hai cũng xuống ngựa và kêu lên: Ôi, ta lo cho cha mẹ ta quá, bạn ơi! Hai chàng võ sĩ đã dắt ngựa vào bản. Phường săn đã tiếp đón họ như người anh em ruột thịt. Qua truyện trò, phường săn biết được rằng: Chàng võ sĩ có vóc người nhỏ nhắn là Dao, sống trên núi cao nơi đầu nguồn nước. Mẹ Dao ốm nặng đang thêm muối biển. Chàng phi ngựa xuống rừng thấp đến lưng nguồn nước tìm bạn võ sĩ người Nùng, xin muối cho mẹ. Nùng cũng hết muối. Võ sĩ Nùng thương Dao, cưỡi ngựa xuôi dòng dẫn bạn về đến đây thì ngựa không đi được nữa phải vào hỏi anh em phường săn. Hai võ sĩ được đón tiếp ân cần và được biết phường săn ở đây đang gặp nạn thú dữ phá hoại... Hai võ sĩ quyết định ở lại giúp phường săn giết thú dữ. Đêm ấy phường săn cùng hai chàng võ sĩ hăm hở vào rừng giết thú. Núi rừng rung lên trong tiếng hò reo của phường săn và tiếng gầm rú ghê người của thú dữ.

Rừng lên cơn sốt, rung chuyển cả một vùng lớn, trận vật lộn dữ dội diễn ra suốt đêm. Đến sáng, phường săn dẫn được hai con thú dữ ra sát bờ sông. Chúng ngồi đó nhe răng gầm gừ trong thế thủ. Từ trên lưng ngựa võ sĩ người Dao giương cung bắn một mũi tên thẳng như đường chỉ trúng giữa mắt phải con kỳ lân đục. Con thú bị thương, gầm lên, lao vút vào võ sĩ, hạ con tuấn mã của chàng gục xuống, thừa thế, chồm lên vồ võ sĩ. Từ trên mình ngựa, võ sĩ người Nùng nhảy phắt xuống cứu bạn, chân vướng dây, con thú vồ hụt dừng sĩ Dao, liền lao đến vồ chàng. Khi hai chân trước dây vuốt sắc của con thú sắp chụp xuống đầu chàng, thì cánh tay rắn như thép của chàng đã nắm chặt chân phải con thú dựng ngược lên. Lập tức cánh tay phải của chàng lao một mũi thương xuyên suốt từ ngực qua mông con kỳ lân, vọt ra ngoài cắm sâu xuống đất, chuỗi còn rung bần bật. Con thú đục gục dưới tay chàng không kịp kêu một tiếng nào.

Con kỳ lân cái thấy vậy, chết khiếp, miệng há hoác, kinh hoàng trước sức mạnh phi thường của chàng dũng sĩ. Con thú vật đã nằm phủ phục xuống xin chàng tha chết. Chàng dũng sĩ Nùng hạ lệnh cho kỳ lân cái, nếu muốn sống buộc phải nhả tất cả những gì mà chúng đã cướp đoạt của dân bản xưa nay. Con thú há mồm phun ra rất nhiều châu báu. Chỗ đó là Thành Kho bây giờ. Cuối cùng, nó nhả ra một viên

ngọc quý, đó là làng Ngũ xinh đẹp hôm nay. Nhả viên ngọc xong, con kỳ lân chết hóa đá, mãi mãi nằm phủ phục ở đó miệng há hoác như còn kinh hoàng trước sức mạnh phi thường của con người.

Trừ xong thú dữ, hai võ sĩ lại từ biệt bản làng, xuôi dòng nước ra biển lấy muối cho mẹ già. Từ đó họ kết nghĩa anh em, chia ngọt sẻ bùi, sống chết có nhau.

Suốt từ miệng con kỳ lân đến hết đuôi là một thế giới thạch nhũ và hang động tuyệt đẹp, làm vừa lòng bất cứ khách tham quan khó tính nào.

CHÙA HANG

Cách Quỷ Môn Quan gần hai cây số về phía Bắc, sát quốc lộ về phía tây, ngay dưới chân một hòn núi đá là một hang động rất đẹp. Ngay trước cửa hang, hiện còn di tích của một ngôi chùa cổ. Đó chính là chùa Hang.

Thời Lê Cảnh Hưng, ở làng Thành có một cô con gái Tày là Kiều Liên, con gái vị chúa đất Chi Lăng họ Vi. Kiều Liên là một người con gái đẹp, nét na. Nàng giỏi và hay chữ. Các thầy dạy võ và dạy chữ cho Liên đều hết lòng quý trọng người học trò gái ngoan ngoãn và thông minh hơn người ấy. Dân làng, bạn bản vẫn gọi Kiều Liên là Kim Liên và Kim Hoa tái thế của quê hương. Kiều Liên có một người bạn thân tên là Khau La, con trai của một người ở giúp việc cấy, gặt nương rẫy trong gia đình. Khau La mồ côi cha sớm, theo mẹ đến ở nhà Kiều Liên. La đẹp trai, nhanh nhẹn, tháo vát cấy nương giỏi, săn bắn tài. Tất cả những bài văn, thế võ Kiều Liên được thầy dạy, nàng đều lén truyền lại cho bạn. Khau La tiếp thu nhanh chóng lạ lùng, không những thế, nhiều lúc Kiều Liên kinh ngạc về những đường, miếng hiềm hóc của Khau La. Họ sống như vậy, đầm ấm, trong sáng cho đến ngày trưởng thành.

Lần ấy có một vị chúa đất họ Hà ở vùng trên, biết điều hay, tiếng tốt của Kiều Liên, đã sửa lễ to đến Chi Lăng hỏi Kiều Liên cho con trai mình. Vâng lời cha, Kiều Liên nhận lời, nhưng xin cha một điều:

Đã là rể Chi Lăng thì phải giỏi võ. Trước khi chính thức hứa hôn, xin cha cho tổ chức một cuộc thi săn để thử tài người chồng tương lai. Cha nàng và cả cha cậu ấm họ Hà đều chấp thuận và một tuần sau, một cuộc săn thú lớn được tổ chức tại rừng Chi Lăng. Tất cả trai tài, gái giỏi đều tham gia cuộc săn hôm ấy để chứng kiến tài ba cung nỏ và lòng dũng cảm của chàng rể đất Chi Lăng nay mai.

Khau La cũng được chủ chỉ định làm trưởng phường, cầm đầu một đoàn thiện xạ vào rừng lửa thú. Kiều Liên và cậu ấm họ Hà được cùng mai phục đón thú ở một lũng hẹp nơi đàn thú bị dồn qua.

Kiều Liên ra điều kiện:

Em trao cho chàng mười mũi tên, khi thú bị dồn qua bất kể to, nhỏ, chàng buông cung mười lần, cả mười con thú gục tại chỗ, em chịu nhận làm chồng không lấy lễ. Nếu chàng bắn hỏng, em bắn theo thú mười lần và nếu bắn hỏng một, em cũng xin làm vợ.

Nghe ra, điều kiện đó rất có lợi cho mình, cậu ấm họ Hà vui vẻ nhận lời ngay. Chờ được một lát, họ thấy một con hươu sao đẹp như một tấm gấm hoa, nhón nhác đi ra. Nó đi sát hai người. Ngon quá! Thật là của ăn tận miệng. Kiều Liên nín thở theo dõi cánh cung cậu ấm họ Hà. Phụt! Mũi tên sạt qua đầu, chú hươu hoảng hốt giật mình lòng lên. Tiếc quá, nó sắp vút qua khỏi tầm tên. Phụt! Kiều Liên buông cung, con hươu chững lại, gục xuống giãy dụa đánh đạch trước đôi mắt kinh hoàng của cậu ấm họ Hà. Kiều Liên vui vẻ kêu lên:

— Thôi! Con đầu, coi như xí xóa.

Tiếp đó, một con gấu, rồi một con sơn dương nữa. Cậu ấm họ Hà bắn trượt liên tiếp, rồi lại giương mắt tròn xoe nhìn Kiều Liên hạ thủ con thú liên ngay đó. Bất ngờ, một con trăn khổng lồ từ rừng sâu lao ra vồ chàng công tử họ Hà. Cậu khiếp đảm kêu rú lên, co rúm người chờ chết. Trước tình thế nguy ngập đó Kiều Liên không ngần ngại, xô tới vùng kiếm chặt đứt khúc đuôi con trăn để cứu bạn. Thoát khỏi nanh vuốt con trăn, cậu ấm bỏ bạn chạy tháo thân. Còn lại một mình, Kiều Liên chống trả với con trăn bị thương đang lòng lộn xông vào nàng. Không may, nàng bị trượt chân, lưỡi kiếm trượt qua đầu trăn chém vào hòn đá, bị vỡ, văng ra một đoạn, Liên lao đến nhặt kiếm, trăn thừa cơ vồ được nàng...

Từ trên triền núi cao, Khau La thấy cảnh đó, liền lăn mình xuống cứu bạn. Con trăn đã nuốt đến ngang người Kiều Liên, Khau La bình tĩnh và nhanh như cắt, dùng lưỡi kiếm của Kiều Liên rạch đôi mồm con trăn độc. Chàng bế thốc bạn xuống khúc suối đầu nguồn cạnh đó, rửa nhót trăn nhày nhụa trên người bạn. Kiều Liên tỉnh lại, nàng nắm chặt hai bàn tay Khau La, rồi nhặt lên từ lòng suối một con ốc. Nàng cầm kiếm chặt một đường, đuôi con ốc đứt rời ra nhả thín. Nàng thả con ốc xuống suối, trao

thanh kiếm cho Khau La và nói:

— Nếu con ốc của dòng suối quê hương cụt đuôi mà vẫn sống thì mối tình của ta vẫn còn... Hai người sẽ chính thức yêu nhau.

Sau khi không lấy được Kiều Liên vì bất tài, hèn nhát, cha con cậu ấm họ Hà đã thuê người vẽ Kiều Liên thành tranh tiến dâng vua Cảnh Hưng. Cảnh Hưng xem tranh thấy người con gái Tày có nhan sắc tuyệt trần ấy đã sai đón nàng về làm vợ lẽ thứ 6 và phong là Tây Dương Phi. Năm đó, Cảnh Hưng đã 70 tuổi.

Vì yêu Khau La tha thiết, Kiều Liên dùng dằng chưa chịu vâng mệnh cha về triều. Biết mối tình riêng hiện tại của con gái và sợ ảnh hưởng đến gia phong, đêm cha Kiều Liên sai người đốt nhà mẹ con Khau La. Đêm ấy, Khau La đi rừng săn thú giữ nương, khi thấy lửa cháy, liền chạy như bay từ rừng về cứu mẹ, nhưng muộn rồi. Mẹ chàng đã chết thui. Đau buồn, chàng bỏ ra đi ngay đêm ấy.

Kiều Liên bị bắt đưa lên kiệu về triều trong nỗi đau buồn thống thiết, lại càng đau buồn hơn khi được tin người yêu không biết bỏ đi đâu sau khi mẹ chàng đã bị chết cháy.

Với tài năng và đức độ của mình, Kiều Liên đã thuyết phục được bọn hoạn quan và cả quan thái giám. Sau ba năm trời bị tiến cung, nàng vẫn giữ được lòng chung thủy với người yêu. Liền đó, là cái chết của vua Cảnh Hưng. Chờ cho hết ba năm để tang ông chồng hờ Kiều Liên được về quê, nhưng theo luật lệ lúc bấy giờ, nàng bị cấm tái giá. Hơn nữa ai dám to gan lấy vợ vua để mà bị tru di tam tộc? Nàng được triều đình cắt ruộng đất, cho của cải. Những thứ đó, nàng đã trích ra một phần dựng chùa ở cửa hang, đúc chuông đồng trồng đa, hàng ngày thờ Khau La, tụng kinh, niệm Phật. Tất cả của cải và ruộng đất còn lại, nàng đem chia cho dân. Khi cha chết, Kiều Liên lại đem toàn bộ gia tài chia cho dân trong vùng. Mọi người càng yêu quý cô. Họ đã thay nhau gác chùa cho nàng yên cảnh Phật, vui thờ phụng người yêu và cũng là ân nhân của nàng. Nàng định ninh là Khau La đã chết, sau khi đã cho rất nhiều người thân tín dò la tìm kiếm chàng khắp núi cao rừng rậm, khắp suối sâu, đèo cao mà không được.

Tết đầu tiên sau sáu năm xa quên hương, nàng quyết định ăn chay và lập đàn cúng Khau La. Đêm ba mươi tết, nàng cho tất cả tuần đình về nhà ăn tết. Nàng ở lại chùa một mình. Giao thừa, pháo nổ xa xa trong làng bản. Buồn bã, nàng bước ra khỏi chùa, bỗng vấp phải một người nằm chắn ngang cửa. Cúi xuống nhìn thì là một người đàn ông to lớn, đóng khố rách, đang ngủ ngon lành, tay vẫn nắm chặt thanh kiếm. Nàng nhẹ nhàng thức người đó dậy. Dưới ánh nến hắt từ trong chùa ra, nàng giật mình, nhận ra Khau La, hai người xúc động nghẹn ngào... Rồi bất chấp tất cả, họ sống với nhau, ngày ngày chung hưởng hạnh phúc chính đáng của mình. Ít lâu sau Kiều Liên có thai. Hai người đang lo lắng trước luật lệ hà khắc và sợi dây oan nghiệt có thể thắt ngang hầu họ, phá vỡ hạnh phúc chân chính của họ thì một đêm nọ, họ thấy ở cửa chùa, dưới gốc cây đã treo sẵn chiếc chuông đồng và một cụ già râu tóc bạc phơ, mặc áo dài trắng, quần trắng chống gậy trúc, nở nụ cười hân hậu tiến đến hai người, nói:

— Các con sắp gặp nạn. Vì các con là trai tốt, gái hảo và thủy chung nên lão phải cứu các con thoát nạn. Các con cầm lấy ngọn nến này đi vào hang, khi nào nhìn lên thấy trời xanh, nhìn xuống thấy nước suối trong chảy quanh mình thì cắm cây nến lại, theo bậc đó sẽ đến nơi sung sướng...

Nói xong ông già biến mất.

Vâng lời, hai người cầm nến đi đến phương trời hạnh phúc.

...

Ngày nay, đi vào giữa hang, cách cửa hang chừng 350m, ta thấy một cây nến khổng lồ đang cháy, cao chừng 1m40. Đó là cây Vạn niên đăng của cụ già phúc đức trao cho Khau La và Kiều Liên thuở xưa. Và, ở một đoạn suối Chi Lăng, vẫn còn một loại ốc cụt đuôi, tượng trưng cho mối tình chung thủy đó. Cách cửa hang chừng 15m, có tượng một thiếu nữ đẹp tuyệt trần bằng thạch nhũ óng ánh màu sắc, đang mỉm cười hiền hậu đón khách vào thăm hang động. Đó là tượng Kiều Liên hay còn gọi là tượng bà Nàng, không biết do thạch nhũ ngẫu nhiên tạo nên hay do ông cha xưa vì ngưỡng vọng người con gái quê hương mà tạc thành tượng đá?



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chú thích:

[1] Mỗi ngũ có 10 người

[2] Mỗi tốt có 100 người. Mười ngũ là một tốt - 10 tốt là một lữ - 10 lữ thành một quân - 10 quân thành một đạo.

[3] Quân quý nhờ giỏi chứ không quý nhờ nhiều.

[4] Gồm tráng men đời Lý.

[5] Lân: tiếng địa phương là thung lũng.

[6] Thường gọi là Ba Đăng.

[7] Lịch sử Việt Nam, tập 1 Nhà XBKHXXH. Tr. 251 có ghi: “Đội dân binh vùng Chi Lăng do Lý Huệ chỉ huy lập nhiều chiến công xuất sắc”. Phần lớn nhân dân Chi Lăng đều nói rằng: Ông Huệ họ Hoàng chứ không phải họ Lý. Xin cứ đề họ Hoàng ở đây. Mong các nhà nghiên cứu lịch sử giúp đỡ và chỉ giáo.

[8] Mắc lầu: loại quả ngọt trong rừng, màu đỏ. Cày hương hay ăn loại cỏ này.

[9] Động Mồ: Theo tiếng dân tộc địa phương, động là rừng, mồ là mả, nghĩa là rừng mồ mả. Trước đây, chính xóm Động Mồ xã Quang Lang ngày nay, xác giặc Minh chết chồng đồng lên nhau dưới lưới gươm của Đại Huệ và nghĩa sĩ của ông.

[10] “Dậu” giống như cái bồ thu nhỏ có hai quai dùng gánh thóc ngô, đỗ hoặc xôi thịt, bánh trái đi đường xa.

[11] “Kinh sa”: Một loại gừng hoang, mọc trên núi đá cao, dùng làm thuốc, đặc biệt là ướp thịt hoặc làm nước chấm thì ngon tuyệt, ăn một lần là nhớ mãi. Loại gừng này không trồng ở nương bãi, đồi núi đất được.

[12] “Cốc mò” là thứ bánh giống như chiếc sừng bò gói bằng nếp cái, nhân lạc, hoặc đỗ, dùng cho người đi đường xa, để được lâu, ăn ngon.

[13] Ngàn Hồng: Rừng đại ngàn chạy suốt từ Chi Lăng đến Hà Bắc. Cũng có người đọc: “Bao giờ Thái Hoa hết cây – Vực Bơi hết nước kho này hết lương” (Núi Thái Hoa gần đây là một phần của rừng Đại Ngàn).